# Bài 6. TRUYỆN NGỤ NGÔN VÀ TỤC NGỮ

**…………………………………………………..**

**Môn: Ngữ văn 7**

**Số tiết:** 12 tiết

**ĐỌC VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

## TIẾT 73+ 74: VĂN BẢN 1. ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, vần, nhịp, hình ảnh, ...); nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, bài học, ... của truyện ngụ ngôn.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, vần, nhịp, hình ảnh, ...); nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, bài học, ... của truyện ngụ ngôn.

**3. Phẩm chất:**

- Có quan niệm sống đúng đắn và ứng xử nhân văn; khiêm tốn và học hỏi; tự tin, dám chịu trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS những câu hỏi gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV tổ chức cho HS trò chơi: ***Đuổi hình bắt chữ***

|  |  |
| --- | --- |
| **Hình ảnh** | **Đáp án** |
| See the source image | **Thỏ và Rùa** |
| See the source image | **Con cáo và chùm nho** |
| See the source image | **Thầy bói xem voi** |
| See the source image | **Ếch ngồi đáy giếng** |

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:Truyện ngụ ngôn là những câu chuyện dân gian, mượn hình ảnh loài vật để nói chuyện con người. Để hiểu sâu hơn về thể loại này, hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những kiến thức cơ bản về thể loại truyện ngụ ngôn.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao nhiệm vụ: Têu cầu HS đọc phần *Kiến thức ngữ văn* trong SGK trang 03 để nêu những hiểu biết về thể loại truyện ngụ ngôn.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng  - GV giải thích thêm”  Ngụ: Hàm chứa ý kín đáo  Ngôn: Lời nói.  => Ngụ ngôn: Nguyên nghĩa là lời nói có ngụ ý, tức lời nói có ý kín đáo để người đọc, người nghe tự suy ra mà hiểu | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Truyện ngụ ngôn:***  - Truyện kể bằng văn xuôi hoặc văn vần.  - Có ngụ ý.  - Mục đích: mượn chuyện loài vật để kín đáo nói chuyện con người → khuyên nhủ, răn dạy những bài học cho con người trong cuộc sống. |
| **NV2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn cách đọc: Đọc rõ ràng, rành mạch, thể hiện được sự ngông nghênh, kiêu ngạo của ếch, xen chút hài hước; chú ý chỉ dẫn đọc màu vàng bên phải mỗi phần.  - 2 HS đọc  - GV giao nhiệm vụ, thảo luận theo cặp đôi:  *+ Nêu những sự kiện chính của truyện.*  *+ Nêu bố cục của văn bản? Có thể chia theo cách khác?*  *+ Xác định thể loại của truyện?*  *+ Truyện kể về nhân vật nào? Nó có tính cách thế nào?*  *+ Xác định ngôi kể và thứ tự kể của truyện?*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe và đặt câu hỏi liên quan đến bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng | **2. Tác phẩm**  - Đọc và tóm tắt  **- Xác định bố cục văn bản:**  - Bố cục văn bản:2 phần  + Phần 1: Từ đầu ... *chúa tể* -> Cuộc sống của ếch khi ở trong giếng.  + Phần 2: Còn lại -> Cuộc sống của ếch khi ra khỏi giếng  - Thể loại: truyện ngụ ngôn.  - Nhân vật chính: con ếch luôn kiêu ngạo, xem thường mọi vật và tự cho mình là một vị chúa tể.  - Ngôi kể thứ ba.  - Thứ tự: kể xuôi. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, vần, nhịp, hình ảnh, ...); nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, bài học, ... của truyện ngụ ngôn.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để hoàn thành phiếu học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu các nhóm tìm hiểu văn bản và trả lời:  *- Nhóm 1, 2: Tìm hiểu khi ếch ở trong giếng*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **Hoàn cảnh sống** | **Hành động** | **Tính cách** | | **Ếch ở trong giếng** |  |  |  |   *- Nhóm 3, 4: Tìm hiểu khi ếch ra ngoài giếng*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **Hoàn cảnh sống** | **Hành động** | **Tính cách** | | **Ếch ra ngoài giếng** |  |  |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức:  🡺 GV chốt kiến thức. | **II. Đọc hiểu văn bản**  **1. Câu chuyện của ếch**  ***a. Ếch ở trong giếng:***  - Hoàn cảnh sống: xung quanh ếch chỉ có vài con cua, ốc, nhái ...  🡪 Môi trường sống nhỏ bé, hạn hẹp.  - Hành động: Hàng ngày, ếch cất tiếng kêu ồm ộp làm vang động cả giếng khiến các con vật nhỏ bé hoảng sợ.  - Tính cách: Ếch cứ tưởng bầu trời chỉ bé bằng cái vung còn nó thì oai như một vị chúa tể.  🡪 Tầm nhìn, sự hiểu biết hạn chế và nông cạn.  🡪 Thái độ chủ quan, kiêu ngạo ...  ***b. Khi ra khỏi giếng***  + Môi trường sống thay đổi sau một trận mưa to: rộng lớn, nhiều thứ mới lạ.  + Thái độ của ếch: nhâng nháo, không thèm để ý đến xung quanh, nghênh ngang đi lại khắp nơi và cất tiếng kêu Ồm ộp; bị một con trâu đi qua giẫm bẹp. Như vậy, vì chủ quan, kiêu ngạo nên ếch phải trả giá bằng cả tính mạng.  🡪 Bối cảnh câu chuyện đã giúp nhân vật bộc lộ tính cách kiêu ngạo, huênh hoang, xem thường mọi vật; có suy nghĩ thiển cận, cái nhìn phiến diện, không chịu mở mang hiêu biêt cùa bản thân. Từ đó, làm nổi bật ý nghĩa của truyện nhằm phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp mà lại tự cao tự đại, huênh hoang; đồng thời, khuyên nhủ mọi người phải nỗ lực mở rộng tầm hiểu biết của bản thân, không được chù quan, kiêu ngạo. |
| **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân các nhóm tìm hiểu văn bản và trả lời:  *+ Thái độ sống ấy khiến ếch phải chịu hậu quả gì?*  *+ Theo em nguyên nhân nào khiến ếch có kết cục bi thảm như vậy?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức:  - Trời mưa to hay con trâu đi qua không phải là nguyên nhân chính dẫn đến cái chết của ếch.  - Nguyên nhân của kết cục bi thảm đó là vì: Rời khỏi môi trường sống quen thuộc nhưng ếch lại không thận trọng. Nó vốn rất kiêu ngạo, nên chủ quan, nghênh ngang, nhâng nháo, chẳng thèm nhìn, chẳng thèm để ý xung quanh. Nghĩa là ếch vẫn cứ coi trời bằng vung như hồi ở trong giếng cạn.  🡪 Cái chết của ếch là tất nhiên, khó tránh, không trước thì sau. Đó là kết quả của lối sống kiêu căng, hợm hĩnh nhưng hết sức ngu dốt, ngớ ngẩn. Ếch và những ai có lối sống như ếch thật đáng giận nhưng cũng thật đáng thương. | ***c. Kết quả:***  - Nó đi lại nghênh ngang đi lại khắp nơi, chả thèm để ý đến xung quanh và bị trâu giẫm bẹp.  ***d. Nguyên nhân dẫn đến cái chết của ếch:***  - Nguyên nhân khách quan: trời mưa to... con trâu đi qua...  - Nguyên nhân chủ quan: kiêu ngạo nên chủ quan.  🡪 Đó là kết quả của lối sống kiêu căng, hợm hĩnh nhưng hết sức ngu dốt, ngớ ngẩn. |
| **Nhiệm vụ 3:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân các nhóm tìm hiểu văn bản và trả lời: *Từ cách sống và cái chết của ếch, em hãy nêu ra những bài học có thể rút ra từ truyện này? Theo em, đâu là bài học chính của câu chuyện?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức:  Những bài học trên có ý nghĩa nhắc nhở và khuyên bảo tất cả mọi người ở mọi lĩnh vực, nghề nghiệp, công việc có thể ở nhiều hoàn cảnh khác nhau.Ý nghĩa của những bài học mà truyện ngụ ngôn này nêu ra là rất rộng. | **2. Bài học nhận thức**  - Không được chủ quan, kiêu ngạo, coi thường những đối tượng xung quanh. Sự thiếu hiểu biết kết hợp với thói kiêu ngạo, huênh hoang không chỉ gây rạn nứt những mối quan hệ tốt đẹp mà còn dễ dẫn đến thất bại cho bản thân, thậm chí có thể phải trả bằng cả tính mạng.  - Nếu không biết tường tận, thấu đáo về một sự vật, hiện tượng hay một vấn đề nào đó thì không nên đưa ra những đánh giá chủ quan, hồ đồ.  - Thế giới vốn rất rộng lớn, phong phú và có những bí ẩn mà dù cả đời người cũng chưa chắc tìm hiểu, khám phá được hết. Do đó, để mở mang vốn hiểu biết của bản thân, chúng ta cần khiêm tốn, học hỏi không ngừng.  🡪 Bài học chính của câu chuyện là khuyên mọi người không nên chủ quan, kiêu ngạo, coi thường người khác, cố chấp, suy nghĩ thiển cận, không chịu mở rộng, nâng cao hiểu biết của bản thân. |
| **Nhiệm vụ 4:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân các nhóm tìm hiểu văn bản và trả lời:  + Khái quát nội dung, ý nghĩa văn bản?  + Em thấy con ếch này có gần gũi không? Có mang đặc điểm tính cách giống con người không?  + Truyện kể về con ếch nhưng ở đây có rất nhiều chi tiết ẩn dụ, tượng trưng. Em hãy chỉ ra điều đó?  ? Truyện phê phán đối tượng nào và khuyên chúng ta điều gì?  + Từ đó em rút ra cách để đọc hiểu một văn bản truyện ngụ ngôn, chúng ta cần lưu ý điều gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. GV hỗ trợ khi cần thiết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức:  **- GV tổng cách cách đọc văn bản truyện ngụ ngôn:**  Cách đọc văn bản truyện ngụ ngôn: Việc đầu tiên là phải thấy được những sự kiện của truyện được kể; kế đến, cần phải chỉ ra được nhân vật nổi bật nhất, xuất hiện xuyên suốt câu chuyện sẽ là nhân vật chính. Tiếp theo, cần đi sâu tìm hiểu lai lịch, hoàn cành, hình dáng, cử chỉ, hoạt động, lời nói, ý nghĩ,... của các nhân vật được thể hiện trong truyện, nếu là loài vật thì xem chúng vừa giống loài vật ấy, vừa giống con người ở chồ nào, từ đó, phát hiện bài học mà truyện muốn gửi gắm; cuối cùng, cần liên hệ bài học ấy với cuộc sống cùa bản thân em. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Cách kể chuyện ngắn gọn, tình huống bất ngờ hài hước kín đáo.  - Miêu tả phù hợp với thực tế, xây dựng hình tượng nhân vật gần gũi với đời sống.  - Phép nhân hoá, ẩn dụ tượng trưng; Cách nói bằng ngụ ngôn, giáo huấn tự nhiên đặc sắc.  **2. Nội dung**  \* *Nội dung*: Truyện kể về cuộc sống của một chú ếch kiêu ngạo khi ở trong giếng chỉ coi trời bằng vung, đến khi ra ngoài không thèm để ý xung quanh nên bị con trâu giẫm bẹp.  - Phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp mà huyênh hoang.  - Khuyên chúng ta cần cố gắng mở rộng tầm hiểu biết. Không được chủ quan, kiêu ngạo. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1. Thế nào là truyện ngụ ngôn?

A. Là truyện kể bằng văn xuôi hoặc văn vần.

B. Là truyện thông qua việc mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc chính con người để nói bóng gió chuyện con người.

C. Là truyện có ý nghĩa răn dạy con người những đạo lí của cuộc sống.

D. Là truyện chứa đựng nhiều yếu tố hoang đường, li kì, giống như truyện cổ tích.

Câu 2: Mục đích của truyện ngụ ngôn là gì?

A. Phản ánh cuộc sống.

B. Tố cáo xã hội.

C. Khuyên nhủ, răn dạy con người

D. Gây cười.

Câu 3. Truyện *Ếch ngồi đáy giếng* thuộc thể loại nào?

A. Truyền thuyết.

B. Thần thoại.

C. Truyện cổ tích.

D. Truyện ngụ ngôn.

Câu 4. Trong truyện Ếch ngồi đáy giếng, con ếch sống trong một cái giếng nhỏ, chung quanh nó toàn là những con vật yếu đuối, điều này làm ếch có suy nghĩ thế nào?

A. Ếch tưởng trong thế giới này chỉ có những con vật nhỏ hơn nó.

B. Ếch cho rằng cái giếng là nơi sâu nhất.

C. Ếch tưởng bầu trời nhỏ bé bằng cái vung và nó là một vị chúa tể.

D. Ếch nghĩ nó không có bà con, họ hàng.

Câu 5. Khi nước tràn vào giếng và đưa ếch ra ngoài, thái độ của ếch như thế nào khi nhìn thấy cảnh vật chung quanh?

A. Rất lo lắng và sợ sệt vì mọi thứ quá xa lạ.

B. Đắc ý vì cảnh vật mới không bằng nơi nó sinh sống bấy lâu.

C. Nghênh ngang đi lại khắp nơi, dương dương tự đắc vì nghĩ mình là chúa tể của muôn loài.

D. Cười nhạo báng tất cả mọi thứ ếch gặp trên đường.

Câu 6. Trong truyện, ếch là con vật như thế nào?

A. Có tầm hiểu biết sâu rộng và có vốn sống dồi dào.

B. Có vốn sống bình thường nhưng luôn biết học hỏi.

C. Có tầm hiểu biết sâu rộng nhưng không chịu học hỏi những con vật khác ở chung quanh.

D. Có hiểu biết nông cạn, hời hợt nhưng lại thích huênh hoang.

Câu 7. Hậu quả của thái độ tự cao, tự đại của ếch là gì?

A. Ếch bị các con vật trên bờ cách li và phải trở về giếng cũ.

B. Ếch bị một con voi giẫm chết,

C. Ếch bị con người bắt và ăn thịt.

D. Ếch bị một con trâu đi qua giẫm cho bẹp dí.

Câu 8. Truyện *Ếch ngồi đáy giếng* phê phán điều gì?

A. Phê phán những kẻ ỷ quyền thế bắt nạt người khác.

B. Phê phán những người hiểu biết nông cạn mà thường tỏ ra huênh hoang, tự cho mình là nhất.

C. Phê phán những người thích khoa trương, cho mình là giàu có.

D. Phê phán những kẻ tham lam, độc ác, thích bòn rút của người khác.

Câu 9. Truyện *Ếch ngồi đáy giếng* khuyên chúng ta điều gì?

A. Phải biết cố gắng học tập, không ngừng mở rộng tầm hiểu biết của bản thân, không được chủ quan, kiêu ngạo.

B. Phải biết yêu thương, đùm bọc lẫn nhau.

C. Phải biết lượng sức mình, không nên làm những việc vô nghĩa.

D. Phải biết tránh xa những thói hư, tật xấu.

Câu 10. Thành ngữ *Ếch ngồi đáy giếng* thường được dùng để chỉ điều gì?

A. Những người quanh năm sống một chỗ, không đi đến nơi nào khác.

B. Những người không có gì nhưng lại thích khoe khoang.

C. Những người có hiểu biết nông cạn nhưng lại luôn cho mình là người hiểu biết.

D. Những người có vốn sống dồi dào nhưng không biết trau dồi bản thân

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ và nhanh chóng đưa ra câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV mời đại diện các nhóm trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, góp ý, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức, nhắc HS đọc lại phần Tri thức ngữ văn trong SGK.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS:

+ *Thử nêu một số hiện tượng trong đời sống ứng với thành ngữ “ Ếch ngồi đáy giếng”?*

***+*** *Hãy tìm những câu tục ngữ, thành ngữ khuyên chúng ta không nên kiêu ngạo, chủ quan, phải luôn mở rộng tầm hiểu biết?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe GV yêu cầu và trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV yêu cầu HS trao đổi, đưa ra câu trả lời. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

- GV bổ sung: Tác giả đã thể hiện quan điểm, ý kiến, góc nhìn của mình về truyện cổ tích Em bé thông minh. Qua đó, tác giả đã đưa ra những ý kiến, lí lẽ, bằng chứng để làm rõ ý kiến của mình: Trong truyện *Em bé thông minh*, thông qua bốn lần thử thách, dân gian đã đề cao trí tuệ của nhân dân.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn lại nội dung bài học.

+ Soạn bài: ***Đẽo cày giữa đường***

## TIẾT 75: VĂN BẢN 2. ĐẼO CÀY GIỮA ĐƯỜNG

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ / yêu cầu cần đạt**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, vần, nhịp, hình ảnh, ...); nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, bài học, ... của truyện ngụ ngôn.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (chi tiết, cốt truyện, nhân vật, vần, nhịp, hình ảnh, ...); nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa, bài học, ... của truyện ngụ ngôn.

**3. Phẩm chất:**

- Có quan niệm sống đúng đắn và ứng xử nhân văn; khiêm tốn và học hỏi; tự tin, dám chịu trách nhiệm.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Đẽo cày giữa đường*

**b. Nội dung:** HS vận dụng trải nghiệm thực tế và kết quả chuẩn bị bài học ở nhà để làm việc cá nhân và chia sẻ.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: *Xung phong kể một cầu chuyện ngắn hoặc sự việc để lại bài học sâu sắc về cuộc sống, yêu cẩu HS nói rõ bài học đã rút ra được; có thể mời HS khác rút ra bài học cho bản thân từ câu chuyện bạn kể.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu của GV, suy nghĩ đến những câu thơ, hình ảnh hoa sen.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ về câu chuyện mình biết.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS có câu trả lời đúng.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đọc văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm *Đẽo cày giữa đường*

**c. Sản phẩm học tập:** HS đọc và nắm được đặc điểm văn bản *Đẽo cày giữa đường*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS đọc nhanh.  + Đọc giọng to, rõ ràng và lưu loát.  + Thể hiện rõ lời thoại của các nhân vật (nhấn mạnh vào những từ ngữ trong lời các nhân vật và từ ngữ thể hiện thái độ và hành động của nhân vật chính).  - Hướng dẫn cách đọc chậm (đọc theo thẻ).  + Đọc thẻ trước, viết dự đoán ra giấy.  + Đọc văn bản và đối chiếu với sản phẩm dự đoán.  - Cho HS quan sát tranh, yêu cầu HS sắp xếp theo đúng trình tự diễn ra trong truyện rồi kể tóm tắt.  - GV yêu cầu HS xác định:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Thể loại** | **Ngôi kể** | **Nhân vật chính** | **Bố cục** | |  |  |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  Dự kiến sản phẩm:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Thể loại | Ngôi kể | Nhân vật chính | Bố cục | | truyện ngụ ngôn | ngôi thứ ba | người thợ mộc | 3 phần  + P1 (đoạn 1): Bối cảnh của người thợ mộc  + P2 (đoạn 2): Công việc đẽo cày của anh thợ mộc  + P3 (đoạn 3): Kết quả của việc đẽo cày |   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc, tóm tắt văn bản** **1. Đọc - tóm tắt**  - Cách đọc  - Tóm tắt: Truyện kể về một người thợ mộc bỏ hết vốn liếng mua gỗ về đề đẽo cày bán. Khi anh thực hiện công việc có nhiều người góp ý. Mỗi lần nghe người khác góp ý, anh ta lại sửa cái cày của mình. Cuối cùng anh làm những cái cày rất to phải sức voi mới kéo được. Kết cục anh chẳng bán được cái cày nào, vốn liếng cũng hết sạch.  **2. Đặc điểm văn bản**  - Thể loại: truyện ngụ ngôn  - Nhân vật chính: người thợ mộc  - Ngôi kể: ngôi thứ ba  - Bố cục: 3 phần  + P1 (đoạn 1): Bối cảnh của người thợ mộc  + P2 (đoạn 2): Công việc đẽo cày của anh thợ mộc  + P3 (đoạn 3): Kết quả của việc đẽo cày |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được tri thức Ngữ văn (đề tài sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian của truyện ngụ ngôn).

- Nhận biết được thông điệp, bài học mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

- Từ thông điệp, tự rút ra bài học, có thể mở rộng những bài học mới, liên hệ đến đời sống của bản thân và các thành ngữ tương ứng.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản *Đẽo cày giữa đường*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài *Đẽo cày giữa đường*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Câu chuyện đẽo cày của anh thợ mộc**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc lại văn bản và trả lời: *+ Hãy tóm tắt bối cảnh của truyện “Đẽo cày giữa đường”.*  *+* Ở đoạn 2, người thợ mộc hành động như thế nào sau mỗi lần góp ý? Từ đó em hãy nhận xét về tính cách của nhân vật.  - GV yêu cầu HS hoạt động theo nhóm hoàn thành phiếu học tập:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Những lần nghe theo | Lời góp ý- Hành động, thái độ | Hành động của người thợ mộc | | Lần 1 |  |  | | Lần 2 |  |  | | Lần 3 |  |  | | Nhận xét về người thợ mộc:  ……………………………………….. | | |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  ***Dự kiến sản phẩm:***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Những lần nghe theo | Lời góp ý- Hành động, thái độ | Hành động của người thợ mộc | | Lần 1 | Phải đẽo cao, to mới dễ cày. | Cho là phải – đẽo | | Lần 2 | Phải đẽo nhỏ, thấp hơn. | Cho là phải – đẽo | | Lần 3 | Phải đẽo to gấp đôi, gấp ba cho voi cày. | Liền đẽo ngay | | Nhận xét về người thợ mộc:  Không có chính kiến của bản thân mình, luôn bị động, thay đổi theo ý của người khác. | | |   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  + GV nhấn mạnh cho HS phải nắm được trọn vẹn cả ba lần phản ứng trong cầu chuyện (hai lần “cho la phải” rồi đẽo cày theo kích cỡ mới, và một lần ‘liền đẽo ngay” mà không có suy nghĩ, tìm hiểu, cần nhắc). Phản ứng ấy được chính người thợ mộc tự hiểu ra là sai lầm, biết rằng “dễ nghe người là dại” (không có sự suy xét, đánh giá đúng/ sai, không tìm hiểu thực tế mà chỉ nghe và tin một cách mù quáng), để đến nỗi “quá muộn rồi, không sao chữa được nữa”.  + GV cẩn hướng dẫn HS chú ý từ ngữ được dùng trong VB để thể hiện mức độ “dại” của người thợ mộc: lần 1 *cho là phải - đẽo,* lần 2 *cho là phải - lại đẽo,* lẩn 3 *liền đẽo ngay.* - GV liên hệ thực tế, nhấn mạnh cách nhìn nhận, đánh giá con người trong cuộc sống. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Câu chuyện đẽo cày của anh thợ mộc**  ***a. Hoàn cảnh của người thợ mộc***  **-** Một người thợ mộc dốc hết vốn trong nhà ra mua gỗ để làm nghề đẽo cày.  ***b. Việc đẽo cày của người thợ mộc***  - Có rất nhiều người xem anh ta đẽo cày và mỗi người góp một ý khác nhau:  + Lần 1: Phải đẽo cao, to mới dễ cày.  -> Cho là phải – đẽo  + Lần 2: Phải đẽo nhỏ, thấp hơn.  -> Cho là phải – đẽo  + Lần 3: Phải đẽo to gấp đôi, gấp ba cho voi cày.  -> Liền đẽo ngay  - Mỗi người góp một ý, anh thợ mộc đều cho là phải, thấy có lí và làm theo.  => Anh thợ mộc không có chính kiến của bản thân mình, luôn bị động, thay đổi theo ý của người khác. |
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu kết quả của việc đẽo cày của người thợ mộc**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp, trả lời câu hỏi:  *+ Kết quả việc đẽo cày của người thợ mộc là gì?*  *+ Tìm câu thành ngữ liên quan đến câu chuyện đẽo cày này.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 3 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, góp ý.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | ***c. Kết quả của việc đẽo cày***  - Anh ta bày đầy hàng ra nhưng không ai mua.  - Tất cả gỗ đẽo đều hỏng hết.  - Vốn liếng đi đời nhà ma.  => Anh thợ mộc hết vốn liếng, không đạt được kết quả mong muốn. |
| **Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu bài học**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc phần cuối và trả lời: + *Theo em, có thể rút ra những bài học nào từ câu chuyện này? Ý nghĩa chính của thành ngữ đẽo cày giữa đường là gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm phát biểu, yêu cầu các nhóm khác góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - GV giúp HS phân biệt giữa *biết lắng nghe góp ý* với *dễ nghe người là dại* (không có sự suy xét, đánh giá đúng/ sai, không tìm hiểu thực tế mà chỉ nghe và tin một cách. | **2. Bài học nhận thức**  - Câu chuyện muốn khuyên nhủ mọi người biết giữ lập trường, quan điểm vững vàng, kiên định và bền chí để đạt được mục tiêu của minh. Khi đứng trước một quyết định của bản thân, chúng ta không nên dao động trước ý kiến của người khác và phải biết lắng nghe một cách chọn lọc, có cân nhắc, suy nghĩ đúng đắn.  - Ý nghĩa chính của thành ngữ đẽo cày giữa đường: hàm ý chê những kẻ không có lập trường, chính kiến của bản thân, luôn thay đổi theo ý kiến người khác, cuối cùng chăng đạt được kết quả gì. |
| **Nhiệm vụ 4: Tổng kết bài học**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi gợi ý để HS tổng kết về nghệ thuật và nội dung của văn bản.  *- HS tiếp nhận nhiệm vụ.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS ghi lại câu hỏi, suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Truyện ngụ ngôn. Kể chuyện ngôi 3.  - Tình tiết có mức độ tăng dần.  - Kết thúc truyện gắn với bài học sâu sắc trong cuộc sống**.**  **2. Nội dung**  - Câu chuyện kể về người thợ mộc đẽo cày theo ý người khác dẫn đến kết quả mất hết vốn liếng.  - Qua đó, tác giả dân gian nhắn nhủ mỗi người cần có chính kiến, kiên định, biết lắng nghe có chọn lọc, không nên vội vàng nghe theo lời người khác. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Đẽo cày giữa đường*

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi liên quan văn bản *Đẽo cày giữa đường*

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức cho HS thực hành viết đoạn văn: Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 câu) có sử dụng thành ngữ *Đẽo cày giữa đường*

- GV hướng HS thực hiện theo các tiêu chí có thể như sau:

- Nội dung: khuyên nhủ con người biết giữ chính kiến, biết lắng nghe

- Chính tả và diễn đạt: đúng chính tả và không mắc lỗi diễn đạt.

- Dung lượng: khoảng 5 –7 câu.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ để trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS chọn đáp án trắc nghiệm.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học trả lời câu hỏi bài tập.

**b. Nội dung:** HS sử dụng kiến thức đã học, chỉ ra các đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

*- GV yêu cầu HS:* *Nếu là người thợ mộc trong câu chuyện em sẽ làm gì trước những lời góp ý của mọi người?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV yêu cầu và hướng dẫn, dựa vào văn bản để chỉ ra các đặc điểm của văn bản nghị luận qua văn bản vừa học.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS trình bày bài trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn lại nội dung và ý nghĩa văn bản.

+ Soạn bài ***Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội***

## TIẾT 76-77: TỤC NGỮ VỀ THIÊN NHIÊN, LAO ĐỘNG VÀ CON NGƯỜI, XÃ HỘI

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Khái niệm tục ngữ.

- Nội dung tư tưởng, ý nghĩa triết lí và hình thức nghệ thuật của những câu tục ngữ trong bài học.

- Sưu tầm một số câu tục ngữ về con người, xã hội.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Đọc - hiểu, phân tích các lớp nghĩa của tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội.

- Vận dụng được ở mức độ nhất định một số câu tục ngữ về thiên nhiên, lao động con người và xã hội vào đời sống.

**3. Phẩm chất:**

- Yêu quý, trân trọng những kinh nghiệm cha ông để lại.

- Vận dụng vào đời sống thực tế những kinh nghiệm, bài học hay, phù hợp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV tổ chức trò chơi cho HS tham gia.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức trò chơi: ***Ô chữ bí ẩn***

- Nhiệm vụ: GV đưa ra trò chơi ô chữ để ôn lại một số câu tục ngữ đã học ở buổi trước về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội.

- Phương án thực hiện:

+ Thực hiện trò chơi “Ô chữ bí ẩn”

+ Luật chơi: Mỗi đội có 5 hs tham gia trong vòng 2 phút 2 đội lần lượt chọn câu hỏi theo số mà các con yêu thích

- Thời gian: 2 phút

- Sản phẩm: Các từ ngữ điền vào chỗ chấm.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ để trả lời.

+ lập đội chơi

+ chuẩn bị tinh thần thi đấu

+ thực hiện trò chơi theo đúng luật

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Tổ chức cho hs chơi trò chơi

- Quan sát, theo dõi và ghi nhận kết quả của học sinh

- Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu các đội lần lượt lựa chọn câu hỏi. Hết câu hỏi thì dừng lại.

- GV gọi HS trả lời.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV chia sẻ đáp án:

|  |
| --- |
| **1. Tấc** đất **tấc** vàng.  **2.** Một cây làm chẳng nên non/ Ba cây **chụm** lại nên hòn núi cao.  **3. Cái** răng, **cái** tóc là góc con người.  **4.** Mau sao thì **nắng,** vắng sao thì mưa.  **5**. Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ **giống.**  **6.** Mưa tháng Ba hoa đất/ Mưa tháng Tư **hư** đất.  **=> TỤC NGỮ** |

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:  *Tục ngữ là trí khôn của dân gian,* kho tàng tục ngữ với số lượng lớn là cả một kho kinh nghiệm mà dân gian xưa đã đúc kết. Chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu giá trị của tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu chung về văn bản**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh hiểu thế nào là tục ngữ và nội dung, chủ đề tục ngữ nói chung của văn bản nói riêng.

**b. Nội dung:** HS trả lời nhanh phiếu học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên yêu cầu: Đọc phần chú thích và điền thông tin còn thiếu vào bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | Tục ngữ là một thể loại văn học dân gian | Tác giả: | | Hình thức | | Nội dung: | | Nghệ thuật: | | Phạm vi vận dụng: |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1-2 HS trình bày.  - Dự kiến sản phẩm:  - Dự kiến sản phẩm:   |  |  | | --- | --- | | Tục ngữ là một thể loại văn học dân gian | Tác giả: dân gian -> mang tính tập thể, dị bản | | Hình thức: câu nói | | Nội dung: kinh nghiệm của nhân dân về thiên nhiên, lao động, con người, xã hội. | | Nghệ thuật:  - Những câu nói hoàn chỉnh, ngắn gọn.  - Giàu hình ảnh, sử dụng so sánh, ẩn dụ  - Gieo vần | | Phạm vi vận dụng: đời sống, suy nghĩ, lời ăn tiếng nói hàng ngày. |   **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Nhiệm vụ 2: Đọc văn bản**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS tóm tắt thông tin về tác giả và tác phẩm.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc nhóm, thảo luận, tìm những thông tin chính về tác giả, tác phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1-2 HS trình bày.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  - GV bổ sung, nhấn mạnh:  + Về hình thức: tục ngữ là một câu nói diễn đạt một ý trọn vẹn có đặc điểm ngắn gọn, kết cấu bền vững có hình ảnh, nhịp điệu  + Về nội dung: diễn đạt kinh nghiệm, cách nhìn nhận của nhân dân về tự nhiên, lao động, sản xuất, con người, xã hội  Những bài học kinh nghiệm về quy luật thiên nhiên và lao động sản xuất là nội dung quan trọng của tục ngữ.Vì thế tục ngữ còn được gọi là túi khôn của nhân dân  - Có nhiều câu tục ngữ chỉ có nghĩa đen, một số câu có cả nghĩa bóng | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Khái niệm:***  - Tục ngữ là những câu nói dân gian ngắn gọn, ổn định, có nhịp điệu, hình ảnh, đúc kết những bài học của nhân dân về:  + Quy luật của thiên nhiên  + Kinh nghiệm lao động sản xuất  + Kinh nghiệm về con người và xã hội. |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc phần đầu, thảo luận theo cặp - Giáo viên yêu cầu: *Ta có thể chia 8 câu tục ngữ trong bài thành mấy nhóm? Mỗi nhóm gồm những câu nào? Gọi tên từng nhóm đó?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh: Làm việc cá nhân -> Thảo luận nhóm -> thống nhất ý kiến  - Giáo viên: Quan sát, động viên, hỗ trợ học sinh khi cần thiết  - Dự kiến sản phẩm: 8 câu tục ngữ trong bài chia làm 3 nhóm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Giáo viên yêu cầu 1 hoặc 2 nhóm lên trình bày kết quả  - Học sinh nhóm khác bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **2. Đọc văn bản**  - Bố cục:  + Câu 1, 3 : Những câu tục ngữ về thiên nhiên.  + Câu 2, 4: Những câu tục ngữ về lao động sản xuất.  + Từ câu 5 đến 8 : Những câu tục ngữ về con người và xã hội. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**3.1 Đọc và tìm hiểu những câu tục ngữ về thiên nhiên**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được nội dung ý nghĩa, cách vận dụng và một số hình thức nghệ thuật của nhóm các câu tục ngữ về thiên nhiên.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài thơ *Tục ngữ về thiên nhiên.*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài *Tục ngữ về thiên nhiên.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên yêu cầu: *Các câu tục ngữ về thiên nhiên đúc kết những kinh nghiệm gì? Em có nhận xét gì về các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các câu đó? Trong thực tế những câu tục ngữ này được áp dụng như thế nào?*  - GV yêu cầu HS thực hiện Phiếu học tập:  + Nhóm 1, 3: Câu số 1  + Nhóm 2,4: câu số 3   |  |  | | --- | --- | | **Câu tục ngữ số….** | | | Nội dung |  | | Cơ sở thực tế |  | | Nghệ thuật |  | | Giá trị kinh nghiệm |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo bàn để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Tục ngữ về thiên nhiên:**  ***Câu 1: “Ráng mỡ gà, có nhà thì giữ”***  - Nội dung:  Chân trời xuất hiện những áng mây có màu mỡ gà là trời sắp có bão, cần phải gia cố giữ gìn nhà cửa.  - Cơ sở thực tế:  + Ráng là màu vàng xuộm của mây do mặt trời chiếu vào.  *+* Ráng mỡ gà thường xuất hiện ở phía chân trời trước khi có giông bão  - Nghệ thuật:  + Lược bỏ 1 số thành phần chính để thành câu rút gọn 🡪 Nhấn mạnh vào nội dung chính để mọi người dễ nhớ  + Gieo vần lưng:gà – nhà  🡪 Tạo âm điệu dễ nhớ, dễ thuộc  - Giá trị kinh nghiệm: Cần chủ động giữ gìn nhà cửa, hoa màu... Nhắc nhở ý thức phòng chống bão lụt giảm thiểu thiệt hại.  ***Câu 3: “Mống đông vồng tây/ Chẳng mưa dây cũng bão giật”***  - Nội dung:  Cầu vồng, mống cụt xuất hiện là một dự báo thời tiết đáng sợ, nếu trời có cầu vồng ở phía đông hoặc ở phía tây là sắp có mưa to gió lớn.  - Nghệ thuật:  + Lược bỏ 1 số thành phần chính để thành câu rút gọn 🡪 Nhấn mạnh vào nội dung chính để mọi người dễ nhớ  + Gieo vần lưng:đông – vồng  🡪 Tạo âm điệu dễ nhớ, dễ thuộc  - Giá trị kinh nghiệm: Nhân dân đã đúc kết thành kinh nghiệm quý báu lâu đời để phòng tránh, lo liệu làm ăn. Nhắc nhở ý thức phòng chống bão lụt giảm thiểu thiệt hại. |
| **3.2 Đọc và tìm hiểu những câu tục ngữ về lao động sản xuất**  **a. Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được nội dung ý nghĩa, cách vận dụng và một số hình thức nghệ thuật của nhóm các câu tục ngữ về lao động sản xuất  **b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm để trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên yêu cầu: *Các câu tục ngữ về lao động sản xuất đúc kết những kinh nghiệm gì?Em có nhận xét gì về các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các câu đó?ý nghĩa của mỗi kinh nghiệm.*  Phiếu học tập:  + Nhóm 1, 3: Câu số 2  + Nhóm 2,4: câu số 4   |  |  | | --- | --- | | **Câu tục ngữ số….** | | | Nội dung |  | | Cơ sở thực tế |  | | Nghệ thuật |  | | Giá trị kinh nghiệm |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo bàn để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả trước lớp về việc người quản tượng và dân làng đã cư xử với con voi như thế nào.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án. | **2. Tục ngữ về lao động sản xuất**  ***Câu 2: “Nhất thì, nhì thục”***  - Nội dung: Khẳng định tầm quan trọng của thời vụ và của việc cày xới đối với nghề trồng trọt  - Cơ sở thực tế:  + Trồng trọt đúng thời vụ mới tránh được thiên nhiên, thời tiết khắc nghiệt, sâu bệnh 🡪 Đem lại năng suất, hiệu quả cao  + Làm đất kĩ, cần cù chăm chỉ cũng không kém phần quan trọng trong sản xuất nông nghiệp  - Nghệ thuật:  + Đưa ra thứ tự lợi ích các các yếu tố  + Gieo vần “i”  - Giá trị kinh nghiệm:  + Gieo cấy đúng thời vụ  + Cải tạo đất sau mỗi thời vụ  ***Câu 4: Tôm đi chạng vạng, cá đi rạng đông***  - Nội dung: Muốn bắt tôm phải đi vào chập tối, còn bắt cá thì phải đi từ sáng sớm.  - Nghệ thuật:  + Gieo vần “ang”  + Điệp từ “đi”  + Đối lập: “chạng vạng” >< “rạng đông”  - Kinh nghiệm: Kinh nghiệm về thời điểm thích hợp để đánh bắt tôm cá. Tôm thường đi kiếm ăn lúc xế chiều còn cá thường đi theo đàn kiếm ăn rạng sáng. |
| **3.3 Đọc và tìm hiểu những câu tục ngữ về con người và xã hội**  **a. Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được nội dung ý nghĩa, cách vận dụng và một số hình thức nghệ thuật của nhóm các câu tục ngữ về con người và xã hội  **b. Nội dung:** HS hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm để trả lời câu hỏi.  **c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên yêu cầu: *Các câu tục ngữ về con người và xã hội, đúc kết những kinh nghiệm gì?Em có nhận xét gì về các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong các câu đó? ý nghĩa của mỗi kinh nghiệm.*  Phiếu học tập:  + Nhóm 1: Câu số 5  + Nhóm 2: Câu số 6  + Nhóm 3: Câu số 7  + Nhóm 4: Câu số 8   |  |  | | --- | --- | | **Câu tục ngữ số….** | | | Nội dung |  | | Cơ sở thực tế |  | | Nghệ thuật |  | | Giá trị kinh nghiệm |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe GV hỏi, suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời, các học sinh khác bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **3. Tục ngữ về con người và xã hội**  ***Câu 5: “Đói cho sạch, rách cho thơm”***  - Nội dung:  + Nghĩa đen: Dù đói, rách vẫn phải ăn uống, ăn mặc sạch sẽ, giữ gìn thơm tho  + Nghĩa bóng: Dù nghèo khổ, thiếu thốn vẫn phải sống trong sạch  - Nghệ thuật:  + Ẩn dụ: sạch; thơm  + Đối: đói - rách, sạch - thơm  - Giá trị kinh nghiệm:  Khuyên con người phải sống sao cho trọn phẩm giá, nhân cách, phải có lòng tự trọng.  ***Câu 6: Chết trong hơn sống đục***  - Nội dung: Khuyên ngăn con người nên sống đúng đắn hơn trong cuộc sống, chết vinh còn hơn sống nhục, sống luôn phải ngẩng cao đầu trong cuộc sống, luôn phải sống đúng đắn, đúng chuẩn mực đạo đức, sống cần phải biết được chuẩn mực và biết cách đối nhân xử thế.  - Nghệ thuật:  + Ẩn dụ:   * Nghĩa đen: “Trong” ý chỉ nước sạch, không có tạp chất, bụi bẩn nào trái ngược với “đục” tức là nhiều tạp chất bụi bẩn. * Nghĩa bóng:“Trong” biểu tượng cho người lối sống thanh sạch, sống đẹp, sống đúng với các chuẩn mực đạo đức và đúng pháp luật. Trái lại “đục” biểu hiện cho lối sống trái với luân thường đạo lý.   + Đối: chết>< sống; trong >< đục  - Kinh nghiệm: Khuyên ngăn con người nên sống đúng đắn hơn trong cuộc sống, chết vinh còn hơn sống nhục, sống luôn phải ngẩng cao đầu trong cuộc sống, luôn phải sống đúng đắn, đúng chuẩn mực đạo đức, sống cần phải biết được chuẩn mực và biết cách đối nhân xử thế.  ***Câu 7: “Có công mài sắt, có ngày nên kim”***  - Nội dung: Ca ngợi sự kiên trì, quyết tâm thực hiện việc gì đó tới cùng.  - Nghệ thuật:  + Điệp từ “có”  + Ẩn dụ: “sắt”, “kim”  “Sắt” là những thử thách, khó khăn trong cuộc sống, “kim” là kết quả, là ước mơ, nguyện vọng của mình, điều mà mình mong muốn đạt tới trong cuộc sống.  - Kinh nghiệm: Khuyên răn chúng ta khi làm bất cứ việc gì cũng nên đặt vào đó sự quyết tâm cũng như lòng kiên trì thì ta mới đạt được thành công như ý nguyện.  => Cho học sinh xem video câu chuyện “*Có công mài sắt, có ngày nên kim*”  ***Câu 8: “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”***  - Nội dung: Khi được hưởng thành quả nào đó, phải nhớ đến người đã có công gây dựng nên, biết ơn người đã giúp mình  - Nghệ thuật: Ẩn dụ: Cây-quả; trồng-ăn  - Trường hợp vận dụng: Thể hiện tình cảm biết ơn với ông bà, cha mẹ, thầy cô, những người giúp mình, hi sinh vì mình… |
| **Nhiệm vụ 3: Tổng kết văn bản**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu câu HS: *Khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các câu tục ngữ?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe GV hỏi, suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời, các học sinh khác bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Đúc kết kinh nghiệm quý báu về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội.  **2. Nghệ thuật**  - Ngắn gọn, có vần nhịp, giàu hình ảnh. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội*.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản *Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội*.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức cho HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1: Tục ngữ về con người xã hội được hiểu theo những nghĩa nào?**

1. Nghĩa đen
2. **Nghĩa đen + nghĩa bóng**
3. Nghĩa bóng
4. Tất cả đều sai

**Câu 2: Câu tục ngữ nào trong bài nói về lao động sản xuất?**

1. Câu 2
2. **Câu 2 và 4**
3. Câu 1 và 3
4. Câu 4

**Câu 3: Từ ngữ nào trong câu “Cái răng, cái tóc là góc con người” sử dụng hình ảnh hoán dụ?**

1. Cái răng
2. Cái tóc
3. **Cái răng, cái tóc**
4. Góc

**Câu 4: Câu tục ngữ nào dưới đây đồng nghĩa với câu “Đói cho sạch, rách cho thơm”?**

1. Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm
2. Mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh
3. **Giấy rách phải giữ lấy lề**
4. Áo rách khéo vá hơn lành vụng may

**Câu 5: Câu tục ngữ “Lời nói chẳng mất tiền mua/ Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau.” phù hợp với nội dung học tập nào sau đây?**

1. **Học nói**
2. Học ăn
3. Học mở

D. Học gói

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc câu hỏi trắc nghiệm, suy nghĩ để trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS chọn đáp án trắc nghiệm.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** |
| ***Đáp án*** | B | B | C | C | A |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Chọn được từ ngữ mà HS cho là hay nhất và giải thích được lưa chọn đó.

**b. Nội dung:** HS sử dụng kiến thức đã học, chọn được một từ ngữ trong bài thơ mà mình cho là hay nhất và giải thích được lí do lựa chọn.

**c. Sản phẩm học tập:** HS sưu tầm được các câu ca dao, tục ngữ.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy sưu tầm những câu tục ngữ về lao động sản xuất?*

- GV hướng dẫn HS: Tìm kiếm dựa vào các cuốn Ca dao, tục ngữ Việt Nam.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ và viết đoạn văn.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 HS đọc đoạn văn của mình trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá.

- GV giới thiệu một số câu tục ngữ:

* *Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang/Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu*
* *Người đẹp vì lụa lúa tốt vì phân*
* *Tốt lúa,tốt má,tốt mạ, tốt giống*
* *Một lượt tát , một bát cơm.*
* *Tháng hai trồng cà tháng ba trồng đỗ.*
* *Bao giờ đom đóm bay ra/Hoa gạo rụng xuống bà già cất chăn.*

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn lại bài *Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội*.

+ Soạn bài ***Thực hành tiếng Việt*.**

## TIẾT 78+79: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

**TỤC NGỮ, THÀNH NGỮ; NÓI QUÁ, NÓI GIẢM – NÓI TRÁNH**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của các biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh; vận dụng được những biện pháp này vào đọc, viết, nói và nghe.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực nhận diện, xác định nghĩa từ Hán Việt.

**3. Phẩm chất:**

- Có ý thức vận dụng kiến thức về từ Hán Việt vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi: *Cách dùng từ “đi”và “thôi” trong câu sau được hiểu là gì?*

Bác đã đi rồi sao Bác ơi?

Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời

Bác Dương thôi đã thôi rồi

Nước mây man mác ngùi ngùi lòng ta.

(Nguyễn Khuyến - Khóc **Dương** Khuê)

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo cặp, đặt câu, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 cặp HS trả lời câu hỏi trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, chốt đáp án: Cụm từ “đi” và “thôi” biểu thị cái chết → Nói giảm, nói tránh.

- GV dẫn vào bài học: *Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về biện pháp tu từ nói giảm, nói tránh.*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu biện pháp tu từ nói giảm, nói tránh**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được đặc điểm và tác dụng của các biện pháp tu từ nói quá, nói giảm – nói tránh; vận dụng được những biện pháp này vào đọc, viết, nói và nghe.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến phó từ.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc phần Kiến thức Ngữ văn và trả lời câu hỏi:  *+ Nói quá là gì? Nói giảm, nói tránh là gì?*  *+ Tác dụng của BPTT.*  *- Gv yêu cầu HS quan sát ví dụ và chỉ ra BPTT:*   * mười bảy bẻ gãy sừng trâu * Cách mấy tháng sau, đứa con lên sài bỏ đi để chị ở lại một mình (Nguyễn Khải)   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc ngữ liệu, lắng nghe câu hỏi, suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS trả lời trước lớp.  ***Dự kiến sản phẩm:***  - Bằng biện pháp nói quá, thành ngữ mười bảy bẻ gãy sừng trâu khẳng định sức mạnh phi thường của thanh niên (tiêu biểu là tuổi mười bảy).  - Trong câu: “Cách mấy tháng sau, đứa con lên sài bỏ đi để chị ở lại một mình.” (Nguyễn Khải), cụm từ bỏ đi là cách nói giảm - nói tránh để biểu thị cái chết của nhân vật đứa con. Cách nói giảm - nói tránh ở câu này nhằm tránh gây cảm giác quá đau buồn khi nói về nỗi đau của người mẹ (nhân vật chị) trước việc mất người thân.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức. | **I. Nói quá, nói giảm – nói tránh**  - Nói quá (khoa trương) là biện pháp tu từ dùng cách phóng đại mức độ, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả nhằm gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.  - Nói giảm nói tránh (nhã ngữ) là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, khéo léo nhằm tránh gây cảm giác quá đau buồn, nặng nề hoặc tránh sự thô tục, thiếu lịch sự. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1: BT 1 SGK/9**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- Gv yêu cầu HS làm Bài tập 1

- GV hướng dẫn HS lần lượt thực hiện các yêu cầu: xác định biện pháp tu từ nói quá trong những câu đã cho, chì ra ý nghĩa của mỗi cách nói quá và nêu tác dụng của mỗi cách nói đó qua PHT sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Biện pháp nói quá** | **Tác dụng** |
| a. Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng.  Ngày tháng Mười chưa cười đã tối. (Tục ngữ) |  |  |
| b. Thuận vợ thuận chồng, tát Biển Đông cũng cạn. (Tục ngữ) |  |  |
| c. Cày đồng đang buổi ban trưa  Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày  Ai ơi bưng bát cơm đầy  Dẻo thơm một hạt đắng cay muôn phần. (Ca dao) |  |  |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc yêu cầu của BT 1 và thảo luận theo bàn để thực hiện yêu cầu của BT 1.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV đọc từng câu trong BT 1 và mời lần lượt các bàn HS trả lời câu hỏi.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.

***Gợi ý:***

a. Ở câu tục ngữ: Đêm tháng Năm chưa nằm đã sáng, /Ngày tháng Mười chưa cười đã tối, cách nói quá (thể hiện qua các cụm từ in đậm) biểu thị ý (được nhấn mạnh, phóng đại): Đêm tháng Năm và ngày tháng Mười (âm lịch) ngắn đến nỗi chưa kịp làm gì thì đã hết. Tác dụng của biện pháp tu từ nói quá được dùng ở câu tục ngữ này là tạo được ấn tượng sâu sắc về thời gian quá ngắn của đêm tháng Năm và ngày tháng Mười (âm lịch); qua đó, ngâm thể hiện ý: Con người cần biết và có cách ứng xử phù hợp với quy luật của thời gian.

b. Ở câu tục ngữ: Thuận vợ thuận chồng, tát Biển Đông cũng cạn, cách nói quá (thể hiện qua cụm từ in đậm) biểu thị sức mạnh của sự đồng thuận, đoàn kết (giữa vợ chồng trong gia đình nói riêng, giữa mọi người trong một tập thể, cộng đồng nói chung): Đồng thuận, đoàn kết sẽ tạo nên sức mạnh to lớn giúp thực hiện thành công bất kì việc gì, dù khó khăn, to lớn đến đâu. Biện pháp tu từ nói quá được dùng ở câu tục ngữ này đã tạo được ấn tượng sâu sắc khi nói về sức mạnh của sự đoàn kết; qua đó, ngầm khuyên nhủ mọi người: Hãy luôn coi trọng, giữ gìn, xây dựng tinh thần đoàn kết, sự đồng thuận trong gia đình, cộng đồng.

c. Ở câu ca dao: Cày đồng đang buổi ban trưa / Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày, bằng biện pháp tu từ nói quá (thể hiện qua dòng in đậm), tác giả dân gian đã tạo nên hình ảnh cảm động, gây ấn tượng hết sức sâu sắc về công việc vô cùng cực nhọc, vất vả của người nông dân (phải đổ rất nhiều mồ hôi, công sức trên đồng ruộng trong điều kiện thời tiết nóng bức của buổi trưa mùa hè) để làm ra sản phẩm quý giá là lúa gạo; qua đó, nhắc nhở mỗi người cần biết quý trọng người lao động và những sản phẩm mà họ tạo ra.

**Nhiệm vụ 2: BT 2 SGK/9**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, hoàn thành BT2

|  |  |
| --- | --- |
| **Cách nói quá** | **Cách nói thông thường** |
| 1) nghìn cân treo sợi tóc | a) rất hiền lành |
| 2) trăm công nghìn việc | b) quá yếu, không quen lao động chân tay |
| 3) hiền như đất | c) rất bận |
| 4) trói gà không chặt | d) ở tình thế vô cùng nguy hiểm |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc yêu cầu của BT 2 và thảo luận theo bàn để hoàn thành BT 2 vào phiếu học tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Với mẫu câu trong BT 2, GV mời 1 – 2 HS trả lời trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án: 1d, 2c, 3a, 4b

**Nhiệm vụ 3:** **BT 3 SGK/ 10**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu của BT 3.

- GV hướng dẫn HS xác định biện pháp tu từ nói giảm - nói tránh trong những câu đã cho, chi ra ý nghĩa của mỗi cách nói giảm - nói tránh và nêu tác dụng cùa chúng.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Biện pháp nói giảm – nói tránh** | **Tác dụng** |
| A. Có người thợ dựng thành đồng  Đã yên nghỉ tận sông Hồng, em ơi! (Thu Bồn) |  |  |
| B. Ông mất năm nao, ngày độc lập  Buồm cao đỏ sóng bóng cờ sao  Bà “về” năm đói, làng treo lưới  Biển động: Hòn Mê, giặc bắn vào… (Tố Hữu) |  |  |
| C. Năm ngoái, cụ Bọ Ngựa già yếu đã khuất núi. (Tô Hoài) |  |  |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc yêu cầu BT 3, nghe GV hướng dẫn, sau đó làm việc cá nhân.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 3 – 4 HS trình bày câu đã đặt của mình trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá và chấm điểm cho HS.

GV gợi ý cách làm:

+ Ở hai dòng thơ của Thu Bồn: *Có người thợ dựng thành đồng /* ***Đã yên nghỉ*** *tận sông Hồng, mẹ ơi*!, tác giả sử dụng từ yên nghỉ để nói về việc Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần. Biện pháp tu từ nói giảm - nói tránh được sử dụng ở đây nhằm tránh gây cảm giác quá đau buồn; đồng thời, thể hiện lòng kính yêu của tác giả đối với Bác Hồ và niềm tiếc thương sâu sắc trước sự ra đi của Người.

- Ở hai dòng thơ của Tố Hữu: *Ông* ***mất*** *năm nao, ngày độc lập và Bà* ***"về ”*** *năm đói, làng treo lưới*, cái chết của các nhân vật được thể hiện bằng các từ *mất* và *về.* Biện pháp tu từ nói giảm - nói tránh được sử dụng ở đây nhằm tránh gây cảm giác quá đau buồn; đồng thời, thể hiện tình cảm yêu thương của tác giả đối với hai ông bà đã nuôi giấu mình trong những ngày hoạt động bí mật.

- Ở câu: *Năm ngoái, cụ Bọ Ngựa già yểu* ***đã khuất núi****. (*Tô Hoài), cụm từ đã khuất núi là một cách nói giảm - nói tránh để biểu thị cái chết của nhân vật. Cách nói giảm - nói tránh ở câu này thể hiện sự kính trọng của nhân vật Dế Mèn đối với nhân vật cụ Bọ Ngựa.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Nắm chắc kiến thức về các BPTT và vận dụng được kiến thức đó.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức về các BPTT để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thực hành viết đoạn văn Bài tập 4.

- GV hướng dẫn HS viết đoạn văn theo chủ đề tự chọn, trong đó có sử dụng biện pháp tu từ nói quá hoặc nói giảm - nói tránh: GV có thể hướng dẫn HS viết đoạn văn theo yêu cầu của bài tập với sự gợi ý từ đoạn văn sau: “Đọc câu ca dao: Cày đồng đang buổi ban trưa / Mồ hôi thánh thót như mưa ruộng cày, em hình dung ra cảnh lao động vô cùng vất vả, cực nhọc của người nông dân trên đồng ruộng. Giữa buổi trưa hè nắng như đổ lừa, họ đã phải đồ không biết bao nhiêu mồ hôi trên những luống cày để mong sẽ có được mùa màng bội thu. Có thể nói, mỗi bát cơm trang, dẻo thơm mà chúng ta ăn hàng ngày đã phải đổi bằng một bát mồ hôi rơi trên đồng ruộng. Câu ca dao trên giúp em càng trân trọng, yêu quý người lao động và những sản phẩm quý giá mà họ làm ra.”.

Trong đoạn văn trên, các cụm từ in đậm “nắng như đổ lửa", “một bát mồ hôi rơi trên đồng ruộng” là những cách nói quá để miêu tả nỗi vất vả của người lao động và giá trị của sản phẩm họ làm ra.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe GV yêu cầu và gợi ý sau đó viết đoạn văn.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV yêu cầu HS trao đổi đoạn văn theo cặp để hoàn thiện đoạn văn.

- GV mời 2 HS đọc đoạn văn trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, sửa chữa đoạn văn của HS.

**\*Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Học thuộc kiến thức về về BPTT nói quá, nói giảm nói tránh.

+ Soạn trước bài *Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân* (Minh Khuê).

**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU VĂN BẢN 3**

## TIẾT 80: **BỤNG VÀ RĂNG, MIỆNG, TAY, CHÂN**

(Ê-Dốp)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức và nội dung của truyện ngụ ngôn.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân*;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân*;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa văn bản;

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nghệ thuật của bài thơ với các văn bản khác có cùng thể loại.

**3. Phẩm chất:**

- Có quan niệm sống đúng đắn và ứng xử nhân văn; khiêm tốn và ham học hỏi; tự tin, dám chịu trách nhiệm

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Hình ảnh của truyện ngắn Chiếc lá cuối cùng;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân*.

**b. Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: *Em đã từng ghen tị, so bì với người khác chưa? Hãy chia sẻ câu chuyện ấy.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu của GV, tóm tắt văn bản.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**

- GV mời 1 – 2 HS chia sẻ.

**Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, khen ngợi HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Ghen tị khi người khác đạt được thành công hơn mình, ghen tị khi bản thân mình luôn cố gắng nhưng chưa đạt được những điều mong muốn. Trong cuộc sống, tính ghen tị không phải hiếm gặp. Vậy ghen tị là xấu hay tốt? Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu văn bản Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân để tìm hiểu rõ hơn.*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung văn bản *Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân*.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản *Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân*.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến văn bản *Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẦM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản tại nhà và nắm được các thông tin về thể loại, bố cục văn bản.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Đề tài, thể loại** | **Ngôi kể** | **Nhân vật chính** | **Bố cục** | |  |  |  |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS chuẩn bị để phát biểu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 3 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  - Thể loại: truyện ngụ ngôn  - Ngôi kể: ngôi thứ ba  - Bố cục:  + P1 (từ đầu ... *thấy là*.): Hành động của Răng, Miệng, Chân, Tay  + P2 (tiếp ... *phút nào*.): Kết quả của hành động  + P3 (Còn lại): Quyết định của Răng, Miệng, Tay, Chân |

**Hoạt động 4: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết được tri thức Ngữ văn (đề tài sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật, không gian, thời gian của truyện ngụ ngôn).

- Nhận biết được thông điệp, bài học mà văn bản muốn gửi đến người đọc.

- Từ thông điệp, tự rút ra bài học, có thể mở rộng những bài học mới, liên hệ đến đời sống của bản thân và các thành ngữ tương ứng.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến văn bản *Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân*.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và phiếu học tập

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu hành động của các nhân vật**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc văn bản và hoàn thành phiếu học tập: Các bộ phận có hành động gì? Kết quả ra sao   |  |  | | --- | --- | | Hành động | Kết quả | | Răng…. |  | | Miệng …. |  | | Tay …. |  | | Chân… |  | |  |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận và hoàn thiện sơ đồ,  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Hành động của Răng, Miệng, Tay, Chân và kết quả của hành động**   |  |  | | --- | --- | | **Hành động** | **Kết quả** | | Răng không nhai. |  | | Miệng không ăn | Miệng khô, đắng ngắt cả ngày. | | Tay không gắp thịt. | Đôi Tay oặt ẹo | | Chân | Chân không đi nổi. | | => Các bộ phận quyết định không làm gì nữa. | => Tất cả các bộ phận cảm thấy rã rời, mệt mỏi, không thể làm gì được.  - Các bộ phận nhận ra vai trò của Bụng: Bụng cũng làm việc để tiêu hóa thức ăn, đem lại năng lượng cho cơ thể.  => Các bộ phận quyết định: cùng chung sức đoàn kết, ghen tị chỉ làm cơ thể rã rời, không đem lại lợi ích gì. | |
| **Nhiệm vụ 2: Bài học được rút ra từ câu chuyện**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Theo em có thể rút ra bài học gì từ truyện ngụ ngôn Bụng và Răng, Miệng, Tya, Chân?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp, trả lời câu hỏi 4 trong SGK.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp. Các HS khác bổ sung, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **2. Bài học nhận thức**  - Mỗi người đều có một vai trò, ý nghĩa riêng. Vì vậy, mỗi người cần cố gắng làm tốt bổn phận, nghĩa vụ của bản thân mình.  - Không nên ganh tị, so bì với người khác.  - Trong một tập thể, cần biết đoàn kết, giúp đỡ người khác để tạo nên sức mạnh, xây dựng tập thể vững mạnh. |
| **Nhiệm vụ 2: Tổng kết bài học**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS suy nghĩ, thảo luận theo cặp, trả lời các câu hỏi và thực hiện yêu cầu: *Nêu nội dung và nghệ thuật của văn bản.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận theo cặp.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Tổng kết**  **1. Nội dung**  **-** Văn bản là câu chuyện về sự ganh tị giữa  *Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân.* Từ đó khuyên răn con người, trong một tập thể, cần biết đoàn kết, giúp đỡ người khác để tạo nên sức mạnh, xây dựng tập thể vững mạnh.  **2. Nghệ thuật**    - Cách kể chuyện sáng tạo, hấp dẫn,. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về bài thơ *Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân*.

**b. Nội dung:**

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: *Đối chiếu với khái niệm truyện ngụ ngôn ở phần tri thức ngữ văn để nêu sự giống nhau và khau giữa truyện ngụ ngôn này với các truyện ngụ ngôn khác đã học?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ để trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS nộp đoạn văn, GV nhận xét và chấm điểm.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá và động viên HS.

- Gợi ý đáp án:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **So sánh** | **Truyện ngụ ngôn Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân** | **Các truyện ngụ ngôn đã học (Ếch ngồi đáy giếng, Đẽo cày giữa đường):** |
| \* Giống nhau:  + Về đề tài: Các truyện đều lấy các đề tài gần gũi, thể hiện suy ngẫm về những bài học luân lí ở đời.  + Về nhân vật: Các truyện đều mượn con vật, con người, cơ thể người để xây dựng nhân vật.  + Về cách kể: Các truyện đều ngắn gọn, ít tình tiết.  + Về bài học: Các truyện ngụ ngôn đều nêu lên bài học nhằm giáo dục, khuyên răn con người về cách sông, lôi đối nhân xử thế. | | |
| \* Khác nhau: | | |
| Cách kể | thể văn vần. | thuộc thể văn xuôi |
| Đề tài | - Phản ánh cách đối nhân xử thế: sống trong tập thể phải biết hòa đồng, không nên tự cho mình là quan trọng mà thiếu đi sự đoàn kết. | - Ngầm phê phán sự tự cao tự đại của con người. |
| Nhân vật | - Truyện Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân mượn chính bộ phận cơ thể người đề xây dựng nhân vật. | - Truyện Êch ngồi đáy giếng, Đẽo cày giữa đường mượn con ếch và người thợ mộc để xây dựng nhân vật |
| Nội dung | - Truyện Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân nêu lên lối ứng xử giữa người với người được rút ra từ thực tiễn cuộc sống. | - Truyện Ếch ngồi đáy giếng, Đẽo cày giữa đường nhàm phê phán thói hư tật xấu cùa con người. |
| Bài học | - Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân khuyên răn rnọi g khi sống trong tập thể thi mỗi cá nhân cần có ý thức đoàn kết, góp phần tạo nên sức mạnh, biêt nương tựa vào nhau, đừng tự cho mình là quan trọng mà đo kị lan nhau, đến sự chia rẽ. | - Đẽo cày giữa đường khuyên nhủ mọi người cần biết giữ lập trường quan điểm vững vàng, kiên định và bền chí để đạt được mục tiêu của chính mình.  - Ếch ngồi đáy giếng phê phản nhùng kẻ thiếu hiểu biết, tầm nhìn hạn hẹp nhưng luôn tự cao tự đại, đồng thời, khuyên răn mọi người cần phải biết khiêm tốn, học hỏi để nâng cao nhận thức của bản thân. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để tìm hiểu các văn bản khác.

**b. Nội dung:** HS đọc thêm truyện Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng và so sánh với truyện ngụ ngôn trên của Ê-dốp và nêu nhận xét của bản thân.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: *Tìm đọc truyện ngụ ngôn Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng của Việt Nam, so sánh với truyện ngụ ngôn trên của Ê- dốp và nêu nhận xét của em?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV yêu cầu và thực hiện nhiệm vụ ở nhà.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV yêu cầu HS thực hiện vào vở bài tập và nộp vào tiết sau.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Đọc lại văn bản và ôn lại nội dung, nghệ thuật của văn bản *Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân*.

+ Soạn bài ***Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội***.

## TIẾT 81: TỤC NGỮ VỀ THIÊN NHIÊN, LAO ĐỘNG VÀ CON NGƯỜI, XÃ HỘI

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nội dung tư tưởng, ý nghĩa triết lí và hình thức nghệ thuật của những câu tục ngữ trong bài học.

- Sưu tầm một số câu tục ngữ về con người, xã hội.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức và nội dung của tục ngữ

- Biết vận dụng tục ngữ trong đời sống

**3. Phẩm chất:**

- Yêu quý, trân trọng những kinh nghiệm cha ông để lại.

- Vận dụng vào đời sống thực tế những kinh nghiệm, bài học hay, phù hợp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV tổ chức trò chơi cho HS tham gia.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức trò chơi: ***Đuổi hình bắt chữ***

- Nhiệm vụ: Tìm và đọc các câu tục ngữ liên quan

+ Luật chơi: Mỗi đội sẽ nhìn hình ảnh và giơ tay thật nhanh tìm ra các câu tục ngữ qua hình ảnh.

- Thời gian: 5 phút

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Ăn quả nhớ kẻ trồng cây** |
|  | **Đói cho sạch, rách cho thơm** |
|  | **Thấy sang bắt quàng làm họ** |
| an-chao-da-bat-co-nghia-la-gi.jpg | **Ăn cháo đá bát** |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ để trả lời.

+ lập đội chơi.

+ chuẩn bị tinh thần thi đấu.

+ thực hiện trò chơi theo đúng luật.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- Tổ chức cho hs chơi trò chơi

- Quan sát, theo dõi và ghi nhận kết quả của học sinh

- Cách thực hiện: Giáo viên yêu cầu các đội lần lượt lựa chọn câu hỏi. Hết câu hỏi thì dừng lại.

- GV gọi HS trả lời.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV chia sẻ đáp án:

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:  *Tục ngữ là trí khôn của dân gian,* kho tàng tục ngữ với số lượng lớn là cả một kho kinh nghiệm mà dân gian xưa đã đúc kết. Chúng ta sẽ lần lượt tìm hiểu giá trị của tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội.

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu chung về văn bản**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh hiểu thế nào là tục ngữ và nội dung, chủ đề tục ngữ nói chung của văn bản nói riêng.

**b. Nội dung:** HS trả lời nhanh phiếu học tập.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên yêu cầu: Nhắc lại khái niệm về tục ngữ.  - Gv đặt câu hỏi: Có thể chia các câu tục ngữ trong văn bản thành mấy nhóm? Đó là những nhóm nào?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Học sinh tiếp nhận: Lắng nghe rõ yêu cầu và thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1-2 HS trình bày.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  ***1. Đọc, chia bố cục***  - Nhóm tục ngữ về thiên nhiên và lao động: câu 1, 2, 3, 4.  - Nhóm tục ngữ về con người, xã hội: câu 5, 6, 7, 8. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**3.1 Đọc và tìm hiểu những câu tục ngữ về thiên nhiên**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm được nội dung ý nghĩa, cách vận dụng và một số hình thức nghệ thuật của nhóm các câu tục ngữ về thiên nhiên.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài thơ *Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội.*

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài *Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội..*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên yêu cầu lớp chia thành nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | 1.Nêu cách hiểu của em về các câu tục ngữ | |  | | Câu tục ngữ | Nghệ thuật | Nội dung | | Tục ngữ về TN, LĐ |  |  | | Tục ngữ về con người, xã hội |  |  | | 2.Những câu tục ngữ có ý nghĩa gì đối với đời sống thực tiễn của con người?  ……………………………………… | | |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo bàn để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Tục ngữ về thiên nhiên:** |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu tục ngữ** | **Nghệ thuật** | **Nội dung** | | Câu 1 | gieo vần lưng | Khi trên trời xuất hiện ráng có sắc vàng giống màu mỡ gà tức là trời sắp có bão, người dân cần chủ động phòng chống bão, giữ gìn nhà cửa, tài sản. | | Câu 4 | điệp ngữ, vần lưng | Người đi đánh bắt tôm cá muốn bắt được nhiều tôm thì nên đi vào lúc chập tối; muốn bắt được nhiều cá nên đi câu vào lúc hửng sáng. | | Dựa vào nội dung các câu tục ngữ, nhân dân có thể đoán được thời tiết, biết cách lao động, sản xuất | | |   **Phiếu học tập: Tìm hiểu tục ngữ về thiên nhiên**  **Phiếu học tập: Tìm hiểu tục ngữ về con người, xã hội**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu tục ngữ** | **Nghệ thuật** | **Nội dung** | | Câu 5 | Ẩn dụ, đối | Khó khăn về vật chất vẫn phải sống trong sạch, thiện lương. | | Câu 8 | Ẩn dụ | Khi được hưởng thành quả nào đó, phải nhớ đến người có công xây dựng nên, phải biết ơn người đã giúp mình. | | Những câu tục ngữ về con người, xã hội là bài học về phẩm chất đạo đức, lối sống để từ đó, con người hoàn thiện bản thân hơn. | | | | |
| **Nhiệm vụ 3: Tổng kết văn bản**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS: *Khái quát những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của các câu tục ngữ?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe GV hỏi, suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời, các học sinh khác bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **III. Tổng kết**  **1. Nội dung**  - Đúc kết kinh nghiệm quý báu về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội.  **2. Nghệ thuật**  - Ngắn gọn, có vần nhịp, giàu hình ảnh. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về tục ngữ.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức cho HS trả lời câu hỏi: *Theo em, vì sao nói: Tục ngữ là kho tàng trí tuệ của nhân dân?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ để trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS chọn đáp án trắc nghiệm.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án.

+ Những câu tục ngữ về thiên nhiên, lao động phản ánh, truyền đạt những kinh nghiệm quý báu của người xưa đối với việc quan sát các hiện tượng thời tiết để áp dụng vào sản xuất nông nghiệp. Những câu tục ngữ ây là bài học thiết thực, là trí tuệ của nhân dân lao động, giúp cha ông ta ngày xưa cũng như chúng ta ngày nay dự đoán được thời tiết để tránh thiệt hại và nâng cao năng suất lao động (HS lấy dân chứng các câu tục ngữ về thiên nhiên, lao động).

+ Tục ngữ về con người, xã hội luôn chú ý tôn vinh, đề cao giá trị con người và đưa ra nhận xét, lời khuyên về những phẩm chất, lối sống mà con người cần phải có (HS lấy dẫn chứng các câu tục ngữ về con người, xã hội).

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Chọn được từ ngữ mà HS cho là hay nhất và giải thích được lưa chọn đó.

**b. Nội dung:** HS sử dụng kiến thức đã học, chọn được một từ ngữ trong bài thơ mà mình cho là hay nhất và giải thích được lí do lựa chọn.

**c. Sản phẩm học tập:** HS sưu tầm được các câu ca dao, tục ngữ.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi: *Nêu một số câu tục ngữ em thấy có ích với cuộc sống của chính mình?*

- Gv hướng dẫn HS: Tìm kiếm dựa vào các cuốn Ca dao, tục ngữ Việt Nam.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ và viết đoạn văn.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS nêu câu tục ngữ mình yêu thích và lí do.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn lại bài *Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội*.

+ Soạn bài ***Thực hành tiếng Việt*.**

## TIẾT 82: VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- Nhận diện được kiểu bài nghị luận phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học.

- Nắm được các bước viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân;

**-** Biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn

**3. Phẩm chất:**

**-** Biết yêu thích, tìm hiểu, khám phá vẻ đẹp của một tác phẩm văn học

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập \.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS chia sẻ: *kể tên một số truyện ngụ ngôn mà em đã học, đã đọc và nêu ấn tượng, cảm nhận riêng của mình về một nhân vật trong truyện ngụ ngôn mà em thích nhất.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ, chuẩn bị để chia sẻ trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá kết quả

- GV dẫn vào bài học mới: *Khi đọc một tác phẩm truyện nói chung và truyện ngụ ngôn nói riêng, chắc hẳn sẽ có những nhân vật để lại cho em những ấn tượng sâu sắc và muốn viết bài văn chia sẻ ý kiến của mình về đặc điểm của nhân vật ấy. Vậy làm thế nào để phân tích đặc điểm của nhân vật trong một truyện ngụ ngôn? Làm sao để thuyết phục được người đọc, người nghe về ý kiến, quan điểm của mình? Phần bài học này sẽ giúp các em giải đáp những câu hỏi ấy.*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1:** HS hiểu yêu cầu đối với bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn.

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các điểm cần lưu ý khi phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm VH.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức đã học, tiến hành trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  HS nhớ lại kiến thức bài 3 (học kì I), đọc phần Định hướng (sách giáo khoa trang 14) và trả lời các câu hỏi:  + *Thế nào là phân tích đặc điểm nhân vật?*  *+ Đặc điểm của nhân vật thường được thể hiện qua những phương diện nào?*  *+ ? Bài phân tích đặc điểm nhân vật thuộc thể loại nào?*  *+ ? Để viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn, em cần chú ý những yêu cầu nào?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 3 – 4 HS trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức một số điểm cần lưu ý khi làm một bài thơ. | **I. Tìm hiểu chung về bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn.**  **1. Phân tích đặc điểm nhân vật là gì?**  - Phân tích đặc điểm nhân vật là nêu lên nhận xét về các đặc điểm của nhân vật và làm sáng tỏ các đặc điểm ấy.  - Đặc điểm của nhân vật thường được thể hiện qua những nét tiêu biểu như: lai lịch, hoàn cảnh, hình dáng, cử chỉ, hoạt động, lời nói, ý nghĩ….  **2. Yêu cầu đối với kiểu bài phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn**  - Giới thiệu được nhân vật cần phân tích**:**  Nhân vật trong truyện ngụ ngôn có thể là con người, có thể là sự vật hoặc các con vật được nhân hoá, có đặc điểm như con người.  - Nêu nhận xét về đặc điểm nhân vật và phân tích, làm sáng tỏ đặc điểm ấy thông qua những chi tiết tiêu biểu.  - Bố cục của bài viết cần đảm bảo:  + *Mở bài:* Giới thiệu cần phân tích và khái quát đặc điểm nổi bật của nhân vật.  *+ Thân bài:* Lần lượt phân tích và làm sáng tỏ từng đặc điểm của nhân vật thông **qua các chi tiết cụ thể trong tác phẩm (lai lịch, hoàn cảnh, cử chỉ, hành động, suy nghĩ…)**  *+ Kết bài:* Khái quát lại đặc điểm của nhân vật, nêu ý nghĩa hoặc rút ra bài học sâu sắc. |

**Hoạt động 3: Thực hành viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn**

**a. Mục tiêu:**

- Nắm được các bước viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật

**-** Biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn

**b.** **Nội dung hoạt động**:

- HS đọc yêu cầu bài tập trong SGK, thực hành theo các bước tạo lập văn bản.

- Thảo luận để hoàn thành nhiệm vụ GV đưa ra.

**c. Sản phẩm**: Bài viết của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**   * GV yêu cầu HS đọc đề bàivà thực hiện các bước tạo lập văn bản:   + GV hướng dẫn HS chuẩn bị trước khi viết bài  + GV hướng dẫn HS xác định đặc điểm nhân vật theo bảng hướng dẫn)  - GV hướng dẫn HS tìm ý và lập dàn ý:  *+ HS tìm ý bằng cách trả lời các câu hỏi*  *+ HS lập dàn ý cho bài văn theo bố cục 3 phần: MB – TB – KB*   * Hướng dẫn HS viết thành bài hoàn chỉnh. * Hướng dẫn HS dùng bảng kiểm bài văn phân tích đặc điểm nhân vật để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - 4 HS đọc 4 bước quy trình viết. Cả lớp đọc thầm theo.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS thực hiện các bước. | **Đề bài:** *Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật người thợ mộc trong truyện ngụ ngôn “Đẽo cày giữa đường”.*  **III. Viết theo quy trình**  **Bước 1: Chuẩn bị**  - Đọc và xác định yêu cầu của bài tập  - Đọc lại truyện, xem lại nội dung đọc hiểu truyện ngụ ngôn “Đẽo cày giữa đường”  - Nội dung: Kể về một anh thợ mộc dốc hết vốn mua gỗ về đẽo cày bán. Khi đẽo cày ai khuyên gì anh ta cũng làm theo và kết quả là không có tác dụng gì và vốn liếng đi đời nhà ma)  - Xác định đặc điểm nhân vật mà em định viết (có thể theo bảng sau:   |  |  | | --- | --- | | Nhân vật cần phân tích: ……………….  Truyện: ……………………………… | | | Phương diện | Biểu hiện trong truyện | | Hoàn cảnh |  | | Cử chỉ, hành động |  | | Suy nghĩ |  | | …. |  | | -> ***Đặc điểm nhân vật:*** một người không có chính kiến lập trường riêng; người thiếu kiến thức, thiếu bản lĩnh. | |   **2**. **Bước 2:** **Tìm ý và lập dàn ý**  **- HS tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi:**  **+** Truyện viết về sự kiện gì, có những nhân vật nào, ai là nhân vật chính?  + Nhân vật chính là người như thế nào? (Nêu các đặc điểm của nhân vật và các biểu hiện cụ thể trong tác phẩm).  + Em có nhận xét, đánh giá gì về nhân vật? (Nêu lên những cảm xúc, suy nghĩ về đặc điểm của nhân vật,...).  ***- Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo ba phần lớn của bài văn, gồm:***  ***Mở bài*:** Giới thiệu đặc điểm nổi bật của nhân vật người thợ mộc trong truyện ngụ ngôn Đẽo cày giữa đường.  ***Thân bài*:**  + Lần lượt phân tích và làm sáng tỏ từng đặc điểm của nhân vật người thợ mộc thông qua các chi tiết cụ thể (hoàn cảnh, cử chỉ, hành động, ý nghĩ,...).  + Nêu nhận xét của em về nhân vật người thợ mộc.  ***Kết bài*:** Qua việc phân tích đặc điểm nhân vật người thợ mộc, nêu lên ý nghĩa hoặc bài học sâu sắc.  **3. Bước 3: Viết**  Dựa vào dàn ý, viết thành bài văn  **4. Bước 4: Kiểm tra, chỉnh sửa bài viết**  - Kiểm tra lại xem bài viết đã đầy đủ, chính xác như yêu cầu của để bài hay chưa.  -Tự phát hiện và biết cách sửa các lỗi về viết như:  +Lỗi về ý: thiếu ý (ý sơ sài, chưa nêu hết được những điều cần nói), ý lộn xộn (các ý không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí), lạc ý (nếu các ý không liên quan đến nội dung bài yêu cầu); ý tản mạn (nếu các ý không tập trung vào nội dung chính của bài viết),...  + Lỗi về diễn đạt (dùng từ, viết câu), chính tả,... |
| **BẢNG KIỂM BÀI VĂN PHÂN TÍCH ĐẶC ĐIỂM NHÂN VẬT TRONG TRUYỆN NGỤ NGÔN**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Các phần** | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt** | **Không đạt** | | **Mở bài** | Giới thiệu được nhân vật cần phân tích |  |  | | Nêu được ý kiến của người viết về đặc điểm của nhân vật |  |  | | **Thân bài** | Nêu được ít nhất hai đặc điểm của nhân vật |  |  | | Phân tích và làm sáng tỏ từng đặc điểm của nhân vật |  |  | | Trích dẫn các chi tiết cụ thể (hoàn cảnh, cừ chì, hành động, ý nghĩ,...) |  |  | | Sắp xếp các ý theo trình tự hợp lí |  |  | | **Kết bài** | Khẳng định lại ý kiến của người viết về đặc điểm của nhân vật |  |  | | Nêu cảm nghĩ và rút ra bài học |  |  | | **Hình thức** | - Không mắc lỗi diễn đạt, lỗi chính tả  - Đảm bảo hình thức trình bày của bài văn. |  |  | | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Luyện tập viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong truyện ngụ ngôn.

**b. Nội dung:** HS thực hành viết bài phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài văn HS làm được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

***Viết bài***

- GV yêu cầu HS hoàn thành bài viết.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe, thực hiện theo yêu cầu GV giao.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài viết và chuẩn bị nộp.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS dùng bảng kiểm để tự kiểm tra, điều chỉnh bài viết của bản thân.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận, trao đổi về bài viết và những kinh nghiệm

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi 2-3 HS nêu những kinh nghiệm, lỗi mình còn gặp phải khi viết văn.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

* Hoàn thiện lại bài viết theo bảng kiểm.
* Chuẩn bị bài nói và nghe: Kể lại một truyện ngụ ngôn.

## TIẾT 83: NÓI VÀ NGHE

## KỂ LẠI MỘT TRUYỆN NGỤ NGÔN

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được yêu cầu, mục đích của bài nói và nghe: Kể lại một truyện ngụ ngôn.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

**-** HS rèn luyện và phát triển kĩ năng nói và nghe về một truyện ngụ ngôn.

- Có khả năng nắm bắt được thông tin bài nói của các bạn, có thể đưa ra nhận xét, góp ý cho bạn.

- HS tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp.

**b. Năng lực riêng biệt:**

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân*.*

- Năng lực Thảo luận nhóm về vấn đề gây tranh cãi.

**3. Phẩm chất:**

- Tự tin thể hiện bản thân.

- Biết lắng nghe.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của GV**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

- Video nói về tư duy phản biện.

**2. Chuẩn bị của HS:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Thảo luận nhóm về vấn đề gây tranh cãi*.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS về bài học *Thảo luận nhóm về vấn đề gây tranh cãi*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

GV mở youtube cho HS nghe kể truyện ngụ ngôn: *Hai chú Gấu tham ăn*

? Nhận xét về ngôi kể và giọng kể trong đoạn video đã xem.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 3 – 4 HS nêu hiểu biết về việc Thảo luận nhóm về vấn đề gây tranh cãi.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.

- GV dẫn vào bài học: *Bài học hôm nay sẽ giúp các em biết cách kể lại một truyện ngụ ngôn, biết vận dụng và thưởng thức những cách kể khác nhau để rèn kĩ năng kể chuyện cho mình.*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu các yêu cầu của bài nói kể lại một truyện ngụ ngôn**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được định nghĩa và các yêu cầu chung của bài nói, nghe kể về một truyện ngụ ngôn

**b. Nội dung**: HS xác định được nội dung của tiết học nói và nghe kể về truyện ngụ ngôn **c. Sản phẩm:** Sản phẩm bài nói, dự kiến bài trình bày bằng ngôn ngữ nói, giọng điệu của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  + *Thế nào là viết bài nói kể lại một* truyện ngụ ngôn  *+ Theo em, trong bài nói kể về một* truyện ngụ ngôn, *người nói nên xưng ở ngôi thứ mấy?*  *+ Bài nói kể lại một* truyện ngụ ngôn *cần chú ý những yêu cầu nào?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tổ chức chia sẻ cặp đôi theo câu hỏi (dựa vào phần định hướng trong SGK).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo, thảo luận**  + Đại diện một số cặp đôi phát biểu.  + Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung nếu cần.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung về bài nói kể lại một truyện ngụ ngôn**  **1. Khái niệm**: Kể lại một truyện ngụ ngôn là hình thức dùng lời của em để kể cho người khác nghe về một câu chuyện đã học hay đã đọc.  Truyện ngụ ngôn được kể lại có thể là truyện Việt Nam hoặc nước ngoài  **2. Yêu cầu chung:** Để kể lại một truyện ngụ ngôn, cần:  - Lựa chọn truyện ngụ ngôn mà em yêu thích  - Bám sát cốt truyện nhưng kể lại bằng lời của người kể, kết hợp với các yếu tố phi ngôn ngữ để thể hiện suy nghĩ, cảm xúc và thái độ của mình sinh động hơn  - Lập dàn ý cho bài kể.  - Khi kể, phải dùng từ ngữ chính xác, trình bày nội dung rõ ràng, mạch lạc; biết sử dụng điệu bộ, cử chỉ để hỗ trợ, nhằm giúp cho người nghe tiếp nhận đạt hiệu quả cao nhất; sử dụng những cách nói thú vị, dí dỏm, hài hước.  - Đảm bảo thời gian theo quy định. |

**Hoạt động 2: Thực hành nói - nghe**

**a. Mục tiêu:** HS nhận biết được yêu cầu mục đích của bài, có kĩ năng, tự tin trình bày sản phẩm trước tập thể lớp; rèn kĩ năng đánh giá bài nói, kĩ năng nghe, từ đó rút kinh nghiệm cho bản thân khi khi thực hiện bài nói trước tập thể

**b. Nội dung:** HS trình bày sản phẩm và nhận xét phần trình bày của bạn.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS: Trước khi nói, hãy trả lời các câu hỏi sau:  *- Bài nói nhằm mục đích gì?*  *- Người nghe là ai?*  *- Em chọn không gian nào để thực hiện bài nói (trình bày)?*  *- Em dự định trình bày trong bao nhiêu phút?*  **- GV yêu cầu HS hãy tìm ý và lập dàn ý cho bài nói của mình?**  - Có thể sử dụng thêm tranh ảnh, đạo cụ…để bài nói thêm sinh động và hấp dẫn hơn  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS xem lại nội dung đọc hiểu truyện ngụ ngôn “ Ếch ngồi đáy giếng”.  - HS tìm ý, lập dàn ý cho bài nói.  - HS tập trình bày sản phẩm một mình, trước nhóm; các em khác nghe, góp ý bằng phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **II. Thực hành nói và nghe**  ***Đề bài***: *Kể lại truyện ngụ ngôn “Ếch ngồi đáy giếng”.*  **1. Trước khi nói**  **a. Chuẩn bị nội dung nói**  **-** Xác định đề tài, người nghe, mục đích, không gian và thời gian nói (trình bày).  - Xem lại nội dung đọc hiểu truyện ngụ ngôn “Ếch ngồi đáy giếng”  - Chuẩn bị các từ, câu dẫn dắt, chào hỏi, kết nối các phần.  - Xác định giọng kể, ngữ điệu, điệu bộ, nét mặt… cho phù hợp với sự việc, nội dung câu chuyện.  - Chuẩn bị các phương tiện như tranh ảnh, video…và máy chiếu, màn hình (nếu có)  **b. Tìm ý, lập dàn ý**  ***- Tìm ý cho bài nói bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:***  + Truyện ngụ ngôn kể về sự kiện gì? (Truyện kể về sự kiện: ếch ở dưới giếng lâu ngày nên chỉ thấy bầu trời thông qua miệng giếng và thấy bầu trời bé bằng chiếc vung.)  + Truyện có nhân vật chính nào? (Nhân vật chính: chú ếch)  + Diễn biến câu chuyện (mở đầu, phát triển, kết thúc) ra sao? (Diễn biến câu chuyện: Mở đầu: giới thiệu chú ếch và hoàn cảnh sống 🡪 phát triển: chú ếch kêu to, ra oai với mọi người và nghĩ mình là nhất. Một hôm ra khỏi giếng vẫn giữ thói hung hăng ngang tàng 🡪 kết thúc: bị trâu giẫm bẹp.)  + Bài học rút ra từ câu chuyện là gì? (Môi trường sống nhỏ hẹp, tù túng, không giao lưu làm hạn chế hiểu biết về thế giới xung quanh. Sống lâu trong môi trường nhỏ hẹp sẽ dần hạn chế sự hiểu biết. Từ những hiểu biết hạn hẹp, dễ trở nên nông cạn, chủ quan, kiêu ngạo sẽ phải trả giá rất đắt)  ***- Lập dàn ý cho bài nói bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục ba phần:***  **+ Mở đầu**  Giới thiệu khái quát về truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng.*  **+ Nội dung chính**  Lựa chọn và sắp xếp các ý tìm được từ truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng* theo một trình tự hợp lí.  **+ Kết thúc**  Nhận xét, đánh giá chung về nhân vật con ếch trong câu chuyện.  Nêu ý nghĩa và bài học cho bản thân từ truyện ngụ ngôn *Ếch ngồi đáy giếng*.  **c. Luyện tập nói**  **d. Chỉnh sửa bài nói** |
| **Nhiệm vụ 2: Trình bày bài nói**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Gọi một số HS trình bày bài nói trước lớp. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi và điền vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tập trình bày sản phẩm một mình, trước nhóm.  -  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **2. Trình bày bài nói**  **Khi thực hiện bài kể chuyện cần lưu ý:**  **Người nói:**  - Dựa vào dàn ý để kể lại truyện ngụ ngôn trước tổ, lớp.  - Bảo đảm nội dung kể, tránh viết thành văn để đọc; sử dụng điệu bộ sao cho hấp dẫn, lôi cuốn người nghe; sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp.  - Thực hiện đúng thời gian dự kiến; điều chỉnh giọng nói, cách kể; quan sát thái độ, lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe.  - Có thể trả lời câu hỏi của người nghe trong và sau khi kể. |
| **Nhiệm vụ 3: Trao đổi, thảo luận về bài nói**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV gọi một số HS trình bày phần nhận xét đánh giá của mình về bài nói trước lớp của bạn. Còn những HS khác lắng nghe, quan sát, theo dõi vào phiếu đánh giá bài nói cho bạn  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tập trình bày sản phẩm một mình, trước nhóm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **3. Trao đổi, thảo luận về bài nói**  **Người nghe:**  - Tóm tắt được nội dung câu chuyện do người khác trình bày.  - Có thể nêu ý kiến của mình nếu thấy có sự khác biệt.  - Nhận xét được điểm mạnh và điểm yếu về cách thức trình bày của người nói (đối chiếu bảng kiểm)  - Đặt câu hỏi về những vấn đề mà bản thân chưa rõ hay muốn rõ hơn. |
| **BẢNG KIỂM BÀI NÓI KỂ LẠI TRUYỆN NGỤ NGÔN**   |  |  | | --- | --- | | **Nội dung kiểm tra** | **Đạt/ chưa đạt** | | - Bài nôi có đủ các phần mở đầu, phần chính và kết thúc.  - Người kể trình bày gọn, rõ về diễn biến của các sự việc trong câu chuyện. |  | | - Sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu phù hợp, có những thay đổi cần thiết. |  | | - Thể hiện được tính hài hước, triết lí của truyện ngụ ngôn. |  | | - Chủ động, tự tin, nhìn vào người nghe khi nói. |  | | - Sử dụng các phương tiện hỗ trợ phù hợp. |  | | - Thực hiện đúng thời gian dự kiến |  | | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về việc thảo luận nhóm về bài nói.

**b. Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học và SGK để hoàn thành BT.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu các nhóm rút kinh nghiệm về bài nói của nhóm mình, từ phần nhận xét của người nghe.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV yêu cầu, sau đó thực hiện thảo luận và trao đổi với các nhóm.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện các nhóm HS trình bày phần ghi chép của mình về vấn đề. Lần lượt các nhóm đưa ra ý kiến trao đổi.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá, tổng kết hoạt động trao đổi.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập.**

- GV yêu cầu các nhóm hoàn thành bài tập vận dụng: Mỗi HS về nhà thực hiện bài nói và tự quay lại clip. Gửi cho GV theo yêu cầu

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- Các nhóm nghe yêu cầu và phân công nhiệm vụ, hoàn thành ở nhà.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời các nhóm trình bày phần phân công nhiệm vụ

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, đánh giá kiến thức.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS: Hoàn thành bài tập về nhà.

- Xem trước nội dung bài Những cánh buồm (Hoàng Trung Thông).

**TIẾT 84 : TỰ ĐÁNH GIÁ ( KTTX- KTDDGNL ĐỌC HIỂU)**

# Bài 7. THƠ

**…………………………………………………..**

**Môn: Ngữ văn 7**

**Số tiết:** 12 tiết

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

## TIẾT 85+86+87: VĂN BẢN 1. NHỮNG CÁNH BUỒM

(Hoàng Trung Thông)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được nét độc đáo về hình thức (từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,…) và nội dung (đề tài, chủ đề, tình cảm, cảm xúc,…) của bài thơ.

- HS nhận biết và nêu được tác dụng của một số biện pháp tu từ có trong văn bản; công dụng của dấu chấm lửng; ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- *Năng lực ngôn ngữ*: Nhận biết nét độc đáo về hình thức (từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,…) của bài thơ; Nhận biết được công dụng của dấu chấm lửng.

- *Năng lực văn học*: Nhận biết nét độc đáo về nội dung (đề tài, chủ đề, tình cảm, cảm xúc,…) của bài thơ.

**3. Phẩm chất:**

- HS biết trân trọng tình cảm cha con cao đẹp.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh và thông tin về nhà thơ Hoàng Trung Thông;

- Máy tính, máy chiếu, video clip cho phần Khởi động;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình, từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Những cánh buồm,*

**b. Nội dung:** GV cho HS xem video clip, sau đó yêu cầu HS nhớ lại và chia sẻ với các bạn về ước mơ của bản thân hồi nhỏ.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV cho HS xem video clip bài hát “Những ước mơ” – bé Bảo An:

https://www.youtube.com/watch?v=\_nJ3l8KVlzU

- Sau khi xem xong, GV yêu cầu HS: *Nhớ lại những ước mơ của em khi còn nhỏ.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát, lắng nghe video và nhớ lại những ước mơ của bản thân khi còn nhỏ

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV yêu cầu HS lựa chọn một trong những ước mơ ấy chia sẻ với bạn bên cạnh, sau đó mời một vài HS chia sẻ trước lớp.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS có chia sẻ thú vị.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Các em đều có những ước mơ từ khi còn nhỏ, những ước mơ khi ấy thật trong sáng và tuyệt với biết bao nhiêu. Trong bài học đầu tiên của chủ đề Thơ ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về biểu tượng chiếc thuyền với cánh buồm no gió chở ước mơ của tuổi thơ đi đến một chân trời mới, cuộc sống và khát vọng mới. Những cánh buồm trắng ấy sẽ giúp cho thế hệ sau thể hiện những mong ước, khao khát mà thế hệ trước chưa làm được. Những điều cô vừa nói đó có liên quan đến văn bài thơ hôm nay chúng ta sẽ học mang tên* ***Những cánh buồm.***

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu Kiến thức ngữ văn**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những kiến thức ngữ văn cơ bản để bước đầu biết cách đọc hiểu văn bản.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS tìm hiểu mục *Kiến thức ngữ văn* để nắm được những khái niệm, đặc điểm cơ bản.

**c. Sản phẩm học tập:** HS đọc và nêu được một số ý chính trong phần *Kiến thức ngữ văn.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc trong phần *Kiến thức ngữ văn* trong SGK để bước đầu nắm đầu vận dụng vào đọc hiểu văn bản.  - Sau khi HS đọc xong, GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp hệ thống kiến thức vào bảng sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Kiến thức** | | **Đặc điểm** | | Từ ngữ và hình ảnh trong thơ | Từ ngữ |  | | Hình ảnh | | Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh | Ngữ cảnh |  | | Nghĩa của từ trong ngữ cảnh | | Dấu chấm lửng | |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc phần *Kiến thức ngữ văn* và hệ thống bảng vào vở.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2-3 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức vào bảng sau: | **I. Kiến thức ngữ văn** |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Kiến thức** | | **Đặc điểm** | | Từ ngữ và hình ảnh trong thơ | Từ ngữ | - Cô đọng, hàm súc.  - Có tính gợi hình, gợi cảm, đa nghĩa  - Thiên về khơi gợi, đòi hỏi người đọc phải chủ động liên tưởng, tưởng tượng để hiểu hết sự phong phú của ý thơ. | | Hình ảnh | - Là hình ảnh về con người, cảnh vật,… giúp việc diễn đạt nội dung thêm gợi cảm, sinh động.  - Để khắc họa hình ảnh, tác giả thường sử dụng từ ngữ, cách gieo vần, ngắt nhịp và đặc biệt là các biện pháp tu từ (ẩn dụ, so sánh, nhân hóa…). | | Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh | Ngữ cảnh | - Ngữ cảnh là những từ ngữ, câu đứng trước hoặc đứng sau yếu tố ngôn ngữ đó, đồng nghĩa với văn cảnh.  - Ngữ cảnh còn là hoàn cảnh, tình huống giao tiếp (gồm chủ thể, đối tượng; mục đích giao tiếp; thời gian, nơi chốn diễn ra hoạt động giao tiếp), đồng nghĩa với *tình huống, bối cảnh.* | | Nghĩa của từ trong ngữ cảnh | Giúp người đọc, người nghe:  - Xác định nghĩa cụ thể của các từ đa nghĩa hoặc từ đồng nghĩa.  - Xác định hàm ẩn của những từ ngữ được sử dụng trong các biện pháp tu từ.  - Hiểu được hàm ý (thái độ, tình cảm) mà người nói thể hiện qua việc lựa chọn, sử dụng các từ xưng hô. | | Dấu chấm lửng | | - Là dấu câu gồm ba dấu chấm liền nhau (…) dùng để:  + Phối hợp với dấu phẩy, tỏ ý còn nhiều nội dung tương tự chưa được liệt kê hết.  + Thể hiện lời nói bỏ dở hay ngập ngừng, ngắt quãng.  + Làm giãn nhịp điệu câu thơ, câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ hay hài hước, châm biến. | | |

**Hoạt động 2: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả Hoàng Trung Thông, tác phẩm *Những cánh buồm.*

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS tìm hiểu những thông tin về tác giả Hoàng Trung Thông, tác phẩm *Những cánh buồm* và đọc văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:** HS đọc văn bản, nêu được một số nét về tác giả Hoàng Trung Thông và thông tin tác phẩm *Những cánh buồm.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản:  + GV dẫn dắt: *Những cánh buồm là một bài thơ tự do, không quy định bắt buộc về số dòng, số tiếng; dòng thơ dài, ngắn khác nhau; có thể có vần hoặc không vần;… Các văn bản thơ trong Bài 7 đều là thơ tự do.*  + GV đọc mẫu khổ thơ đầu tiên, sau đó mời một vài HS đọc nối tiếp nhau từng khổ thơ tiếp theo.  - Sau khi đọc, GV yêu cầu HS:  *+ Chia sẻ ấn tượng ban đầu về văn bản.*  *+ Nêu những từ ngữ, hình ảnh chưa hiểu hoặc các câu hỏi trong khi đọc chưa thực hiện được.*  *+ Phân chia bố cục và đặt tên cho từng phần trong văn bản*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc bài và thực hiện theo yêu cầu GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2-3 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét,  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.  - GV nhấn mạnh: *Khi đọc VB thơ này và các VB thơ khác trong Bài 7,* *trong đó có thơ tự do, các em cần chú ý đến vần, nhịp, biện pháp tu từ và hình ảnh,…* | **II. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  - Bố cục: 3 phần  + Phần 1: Từ đầu đến “chắc nịch”: Cảnh hai cha con dạo trên bãi biển.  + Phần 2: Tiếp đến “để con đi…”: Cuộc trò chuyện giữa hai cha con.  + Phần 3: Còn lại: Ý nghĩa những ước mơ của cha và con. |
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS tìm hiểu, chia sẻ thông tin về nhà thơ Hoàng Trung Thông, về tác phẩm dựa trên phần đã chuẩn bị, kết hợp với một số “mảnh thông tin” GV cung cấp trên slide về tác giả và tác phẩm.  - Dựa trên phần tự chuẩn bị, GV yêu cầu HS chọn được các thông tin đúng. Từ đó, kết nối thông tin để giói thiệu tác giả, tác phẩm một cách ngắn gọn (*tên khai sinh, bút danh, quê quán, năm sinh, các tác phẩm chính,…*).  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc và tìm hiểu thông tin đã sưu tầm được về tác giả, tác phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài chia sẻ phần chuẩn bị của mình trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.  - GV bổ sung kiến thức, giới thiệu về tác giả Hoàng Trung Thông.  *+ Hoàng Trung Thông (1828 – 1905) là nhà thơ tiêu biểu của nền văn học cách mạng Việt Nam.*  *+ Ông sớm thoát ly tham gia cách mạng và sau đó giữ nhiều chức vụ trong ngành Văn học nhà nước.*  *+ Ông là người có học vấn uyên bác. Thơ ca của ông giúp con người sống tốt hơn, tâm hồn trong sạch hơn, đánh thức tình yêu với con người, nỗ lực đấu tranh vì những lý tưởng nhân đạo và tiến bộ loài người*.  - GV bổ sung thêm kiến thức về tác phẩm:  *Bài thơ Những cánh buồm nói về ước mơ của cha và con. Đứng trước biển thấy những cánh buồm kiêu hãnh, người con mong muốn có một cánh buồm trắng sẽ đi thật xa để khám phá. Đó cũng là ước mơ thuở bé của người cha.* | ***2. Tìm hiểu chung***  ***a) Tác giả***  - *Tên đầy đủ*: Hoàng Trung Thông.  - *Bút danh*: Đặc Công, Bút Châm.  - *Quê quán*: Nghệ An, Việt Nam.  - *Năm sinh – năm mất*: 1925 – 1993.  - *Thể loại sáng tác*: Thi ca, lý luận và phê bình văn học, thư pháp.  - *Tác phẩm thơ tiêu biểu:* *Quê hương chiến đấu (1955), Những cánh buồm (1964), Trong gió lửa (1971), Hương mùa thơ (1964), Mời trăng (1992),…*  ***b) Tác phẩm***  - Xuất sứ: Viết năm 1963, in năm 1976 trong tập *Thơ Việt Nam 1945 – 1975.*  *- Thể loại:* Thơ tự do. |

**Hoạt động 3: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và hình thức của VB *Những cánh buồm* theo đặc trưng của văn bản.

**b. Nội dung:** GV linh hoạt hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi, thực hiện các nhiệm vụ trong SGK để tìm hiểu văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học *Những cánh buồm*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu đặc điểm hình thức của bài thơ**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi yêu cầu HS làm việc cá nhân để trả lời: *Chỉ ra đặc điểm hình thức của bài thơ thể hiện qua các yếu tố: số tiếng ở các dòng thơ, số dòng ở mỗi khổ thơ, cách hiệp vần,...*  - GV phát Phiếu học tập số 1 để HS hoàn thành những tìm hiểu về hình thức bài thơ.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập số 1**  *Chỉ ra đặc điểm hình thức của bài thơ*   |  |  | | --- | --- | |  | **Đặc điểm** | | Số tiếng ở các dòng thơ |  | | Số dòng ở mỗi khổ thơ |  | | Cách hiệp vần |  | |   - GV hướng dấn để HS nhận thấy đây là bài thơ tự do và định hướng HS: *Thơ tự do là thể thơ không quy định bắt buộc về số câu, số tiếng, cách phân dòng, hiệp vần, sự luân phiên bằng trắc và nhịp điệu. Tất cả các yếu tố này đều có thể thay đổi tùy thuộc vào cảm xúc của nhà thơ nên cách biểu đạt tự do hơn các thể thơ khác.*  - Tiếp theo, GV tổ chức cho HS đọc một lượt VB: *Xác định các từ láy có trong bài thơ và tìm nghĩa của chúng.*  + GV yêu cầu HS kẻ bảng theo gợi ý sau vào trong vở:   |  |  | | --- | --- | | **Từ láy** | **Nghĩa của từ láy** | | ........... | ............. | | ........... | ............. |   + Sau đó, GV yêu cầu HS trao đổi với bạn bên cạnh để chỉnh sửa, đối chiếu.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân hoàn thành Phiếu học tập số 1 - tìm hiểu về hình thức thơ.  - HS làm việc theo cặp để đối chiếu kết quả xác định từ láy và nghĩa của từ láy trong VB.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày kết quả phiếu học tập và bảng xác định từ láy, nghĩa từ láy trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **III. Đọc hiểu văn bản**  ***1. Đặc điểm hình thức của bài thơ***  - Đặc điểm hình thức của bài thơ:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập số 1**  *Chỉ ra đặc điểm hình thức của bài thơ*   |  |  | | --- | --- | |  | **Đặc điểm** | | Số tiếng ở các dòng thơ | Thường có 5 đến 7 chữ | | Số dòng ở mỗi khổ thơ | Khác nhau, linh hoạt tùy nội dung | | Cách hiệp vần | Kết hợp cả vần lưng và vần chân | |   - Xác định từ láy và nghĩa của chúng:   |  |  | | --- | --- | | **Từ láy** | **Nghĩa của từ láy** | | Lênh khênh | Cao quá mức, gây ấn tượng không cân đối, khó đứng vững | | Rả rích | Từ gợi tả âm thanh không to, không cao lặp đi lặp lại đều đều và kéo dài không dứt | | Phơi phới | Vẻ vui tươi đầy sức sống của cái gì đang phát triển, đang dâng lên mạnh mẽ | | Trầm ngâm | Có dáng vẻ đang suy nghĩ nghiền ngẫm điều gì | | Thầm thì | Nói thầm với nhau, không để người ngoài nghe thấy. | |
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu cảnh hai cha con dạo trên biển**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc 2 khổ thơ đầu và lưu ý HS các từ ngữ chỉ thời gian, không gian.  - GV nêu vấn đề: *Người cha và người con trò chuyện về điều gì?*  - Sau đó, GV yêu cầu HS làm việc theo cặp thực hiện yêu cầu: *Dựa vào những hình ảnh có trong bài thơ, hãy tưởng tượng và miêu tả bằng lời của em về cảnh hai cha con đi dạo và trò chuyện trên bãi biển.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc theo cặp, trao đổi và thực hiện theo yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu HS chia sẻ với bạn bên cạnh, sau đó mời một vài HS chia sẻ kết quả trước lớp, yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng | ***2. Cảnh hai cha con dạo trên biển***  - Hai cha con trò chuyện về sự mênh mông, vô tận của biển khơi và khát vọng khám phá những vùng đất xa xôi.  - Cảnh hai cha con dạo chơi trên biển:  + Thời gian: buổi sớm mai, sau một trận mưa đêm, có ảnh Mặt Trời rực rỡ.  + Không gian: bãi cát mịn, biển trong xanh.  + Cha “lênh khênh” dắt con “tròn chắc nịch” đi trên cát và trò chuyện. |
| **Nhiệm vụ 3:** **Tìm hiểu cuộc trò chuyện giữa cha và con**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc các khổ thơ tiếp theo và yêu cầu HS làm việc theo nhóm thảo luận trả lời các câu hỏi:  *+ Hình ảnh “cánh buồm” nhắc đến mấy lần? Hình ảnh đó tượng trưng cho điều gì?*  *+ Đọc khổ thơ thứ ba và cho biết người cha có những cử chỉ, tâm sự như thế nào?*  *+ Đọc khổ thơ thứ tư và cho biết tác dụng của dấu chấm lửng trong khổ thơ.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tích cực trao đổi, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, nhóm HS còn lại lắng nghe và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | ***3. Cuộc trò chuyện giữa cha và con***  - Hình ảnh “cánh buồm” được nhắc đến ba lần: ở dòng thơ số 14 *(Theo cánh buồm đi mãi đến nơi xa*), dòng thơ số 21 và 22 (*Con lại trỏ cánh buồm xa nói khẽ:* / *Cha mượn cho con cánh buồm trắng nhé*).  🡺 “Cánh buồm” tượng trưng cho phương tiện để thực hiện hóa khát vọng được đi khắp đó đây, khám phá những điều mới mẻ của người con.  - Trong khổ thơ thứ ba, người cha có:  + Những cử chỉ ấm áp, yêu thương người con: mỉm cười, xoa đầu.  + Tâm sự: Những cánh buồm sẽ đưa người con đi đến những vùng đất mới, cho con người những trải nghiệm và hiểu biết mới.  - Trong khổ thơ thứ tư, dấu chấm lửng có tác dụng thể hiện lời nói ngập ngừng |
| **Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu ý nghĩa ước mơ của cha và con**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc theo cặp để trả lời câu hỏi:  *+ Qua những câu hỏi, lời nói của mình, người con đã bộc lộ ước mơ gì?*  *+ Em có nhận xét gì về ước mơ đó?*  - Trên cơ sở câu trả lời trước, GV yêu cầu HS đọc khổ thơ cuối và dẫn dắt, giao nhiệm vụ cho HS làm việc theo nhóm nhỏ (khoảng 4 HS/ nhóm):  *+ Ước mơ của người con gợi cho người cha nhớ đến điều gì? Em hiểu ý của dòng thơ cuối bài là gì?*  *+ Em hãy đóng vai người cha, diễn tả lại những cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật này trước lời đề nghị của người con.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp và nhóm nhỏ hoàn thành theo yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, nhóm HS còn lại lắng nghe và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | ***4. Ý nghĩa ước mơ của cha và con***  ***a) Ước mơ của con***  - Người con đã hỏi cha:  *Cha ơi!*  *Sao xa kia chỉ thấy thấy nước thấy trời*  *Không thấy nhà, không thấy cửa, không thấy người ở đó?*  *[...]*  *Cha mượn cho con buồm trắng nhé,*  *Để con đi...*  🡺 Qua những câu hỏi, lời nói ở trên, người con muốn được đến những nơi “chưa hề đi đến” để khám phá những điều mới mẻ ở đó. Đó là ước mơ rất hồn nhiên, ngây thơ, trong sáng và đẹp đẽ.  ***b) Ước mơ của cha***  - Ước mơ của người con gợi cho người cha nhớ đến những ước mơ của mình khi còn nhỏ. Người cha cũng từng khao khát được đi xa, đến những vùng đất mới để tìm hiểu những điều mới lạ.  - Ý nghĩa của dòng thơ cuối bài: Người con có những ước mơ, khát vọng như người cha khi xưa, khiến người cha nhớ lại bản thân mình khi còn trẻ. |
| **Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu nghệ thuật và nội dung ý nghĩa.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Sau khi hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi thực hiện các nhiệm vụ ở *Hoạt động 3*, GV yêu cầu HS: *Nêu khái quát giá trị nổi bật đáng ghi nhớ của văn bản về nội dung và hình thức của bài thơ.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, suy nghĩ để tổng kết bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **IV. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  Bài thơ nêu lên cảm xúc, ước mơ của hai cha con muốn đi khám phá những vùng đất xa xôi được thể hiện qua cuộc nói chuyện khi đi dạo trên bờ biển.  ***2. Nghệ thuật***  - Thể thơ tự do linh hoạt.  - Những biện pháp tu từ, điệp ngữ, từ láy,... sinh động.  - Hình ảnh thơ trong sáng, hấp dẫn. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản *Những cánh buồm* đã học.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS chia sẻ khổ thơ hay hình ảnh yêu thích nhất trong bài thơ.

**c. Sản phẩm học tập:** Chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu cho HS: *Em thích nhất khổ thơ hay hình ảnh nào trong bài thơ? Vì sao?*

- GV yêu cầu HS suy nghĩ, ghi câu trả lời vào vở.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS lắng nghe yêu cầu và thực hiện ghi câu trả lời vào vở.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV yêu cầu HS chia sẻ trong nhóm trước, sau đó, GV mời một vài HS xung phong, tự tin chia sẻ trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và tuyên dương những HS có chia sẻ hay và thú vị.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về bài *Những cảnh buồm* để phát huy trí tưởng tượng giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn liên hệ với bản thân cách để đến được với những miền đất mà HS yêu thích.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu HS làm việc cá nhân ở nhà: *Em có thích đi đến những miền đất xa hay không? Vì sao? Theo em, làm cách nào để em có thể đến được với những miền đất ấy? Viết đoạn văn ngắn (khoảng 500 chữ) để trình bày suy nghĩ của em về vấn đề này.*

- GV hướng dẫn HS khi viết cần lưu ý một số điểm sau:

*+ Sáng tạo, tự do lựa chọn những miền đất mà mình mong muốn khám phá.*

*+ Phạm vi đoạn văn trong khoảng 500 chữ.*

*+ Có thể tham khảo bài viết mẫu trên mạng nhưng tuyệt đối không được sao chép toàn bộ.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV để viết đoạn văn.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV yêu cầu HS báo cáo kết quả vào giờ học sau.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá nhiệm vụ.

- Sau đó, GV nhắc lại những lưu ý về cách / chiến thuật đọc văn bản thơ tự do (như đã nêu ở mục *Chuẩn bị*).

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại bài *Những cánh buồm.*

+ Đọc trước ở nhà văn bản ***Mây và sóng*** (Ta-go) và thực hiện các nhiệm vụ nêu ở mục Chuẩn bị, trong khi đọc và sau khi đọc văn bản.

## TIẾT 88+89: VĂN BẢN 2. MÂY VÀ SÓNG

(Ta-go)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được nét độc đáo về hình thức (từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,…) và nội dung (đề tài, chủ đề, tình cảm, cảm xúc,…) của bài thơ.

- HS nhận biết và nêu được tác dụng của một số biện pháp tu từ có trong văn bản; ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- *Năng lực ngôn ngữ*: Nhận biết nét độc đáo về hình thức (từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,…) của bài thơ.

- *Năng lực văn học*: Nhận biết nét độc đáo về nội dung (đề tài, chủ đề, tình cảm, cảm xúc,…) của bài thơ.

**3. Phẩm chất:**

- HS biết trân trọng tình cảm mẹ con sâu nặng, xúc động.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh và thông tin về nhà thơ Ta-go;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Mây và sóng*

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS quan sát hình trong SGK, nhớ lại và chia sẻ cảm xúc với bạn bè những trò chơi với mẹ hoặc người thân trong gia đình khi còn nhỏ.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu cho HS quan sát hình ảnh trong SGK và yêu cầu các em mô tả về bức hình đó (*Hình ảnh vẽ ai? Họ đang làm gì? Thái độ, cảm xúc của họ như thế nào? Có sự vật nào xuất hiện không?*):



- Sau đó, GV yêu cầu HS: *nhớ lại những trò chơi với mẹ hoặc người thân trong gia đình khi còn nhỏ và chia sẻ với bạn bè cảm xúc của mình khi chơi những trò chơi đó.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát hình ảnh và suy nghĩa trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời với bạn bên cạnh, sau đó, GV mời một vài HS chia sẻ trước lớp, yêu cầu cả lóp lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi tinh thần thái độ làm việc tích cực của HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong cuộc sống, chúng ta sẽ không tránh khỏi những lúc ham chơi mà quên không nói với bố mẹ. Chúng ta sẽ có lúc quên đi gia đình đầy yêu thương của mình để đi khám phá những điều ta cho là hấp dấn bên ngoài. Nhưng gia đình vẫn luôn ở đó, vỗ về, động viên ta, cho ta một chỗ dựa tinh thần vững chắc. Em bé trong bài thơ* ***Mây và sóng*** *của Ta-go đã đi chơi quên đường về, hay ở nhà với mẹ? Chúng ta cùng bước vào tìm hiêu trong bài học ngày hôm nay nhé!*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả Tago, tác phẩm *Mây và sóng.*

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS tìm hiểu những thông tin về tác giả Ta-go, tác phẩm *Mây và sóng* và đọc văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:** HS đọc văn bản, nêu được một số nét về tác giả Ta-go và thông tin tác phẩm *Mây và sóng.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản:  + GV dẫn dắt: *Về hình thức, Mây và sóng khác so với các văn bản thơ em đã học ở Bài 2 trong sách Ngữ văn 7, tập Một.* Sau đó, GV yêu cầu HS chỉ ra điểm khác nhau đó.  + GV yêu cầu HS đọc phân vai với các nhân vật: Người dẫn, em bé, mây và sóng.  - Sau khi đọc, GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi:  *+ Chia sẻ ấn tượng ban đầu về văn bản.*  *+ Nêu những từ ngữ, hình ảnh chưa hiểu hoặc các câu hỏi trong khi đọc chưa thực hiện được.*  *+ Chỉ tên các phương thức biểu đạt có trong bài thơ.*  *+ Bài thơ có thể chia làm 2 phần. Em hãy chỉ ra những nét giống nhau và khác nhau giữa hai phần đó về số dòng, hình ảnh, cách thức tổ chức mỗi phần.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc bài và thực hiện theo yêu cầu GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2-3 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét,  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  - GV cung cấp kiến thức về thơ văn xuôi cho HS nắm được và ghi nhớ:  *+ Thơ văn xuôi là thơ viết dưới hình thức văn xuôi, phân biệt với thơ viết tách ra từng dòng như đơn vị nhịp điệu. Nó cũng phân biệt với thơ tự do là hình thức thơ không bị ràng buộc bởi một luật nào, nhưng vẫn phân dòng.*  *+ Thơ văn xuôi có cấu tứ độc đáo và hình ảnh mới lạ, có thể bộc lộ tình cảm trực tiếp, nhưng thường sử dụng hình ảnh ngụ ý, tượng trưng, nghịch lí, những hình ảnh ảo giác, mộng tưởng để khơi gợi những tư tưởng sâu sắc, những suy tư triết lí.*  *+ Đặc điểm của nó là không bị hạn chế bởi cách phân dòng và hiệp vần cho nên cách biểu đạt tự do hơn thơ ca nhiều.* | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  - Thể loại: Thơ văn xuôi  - Phương thức biểu đạt: Kết hợp biểu cảm với tự sự và miêu tả.  - Bố cục: 2 phần  + Phần 1: Từ đầu đến “bầu trời xanh thẳm”: Lời mời gọi của người trên mây.  + Phần 2: Còn lại: Lời mời gọi của người trong sóng.  🡺 So sánh hai phần:  - Giống nhau: về trình tự tường thuật: thuật lại lời từ chối và lí do từ chối và lí do từ chối; nêu lên trò chơi do em bé sáng tạo.  - Khác nhau:  + Phần (1) có cụm từ “Mẹ ơi” đứng ở đầu dòng thơ thứ nhất  + Hình ảnh và từ ngữ giữa hai phần khác nhau. |
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS tìm hiểu, chia sẻ thông tin về nhà thơ Ta-go, về tác phẩm dựa trên phần đã chuẩn bị, kết hợp với một số “mảnh thông tin” GV cung cấp trên slide về tác giả và tác phẩm.  - Dựa trên phần tự chuẩn bị, GV yêu cầu HS chọn được các thông tin đúng. Từ đó, kết nối thông tin để giói thiệu tác giả, tác phẩm một cách ngắn gọn (*tên khai sinh, bút danh, quê quán, năm sinh, các tác phẩm chính,…*).  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc và tìm hiểu thông tin đã sưu tầm được về tác giả, tác phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài chia sẻ phẩn chuẩn bị của mình trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.  - GV bổ sung kiến thức, giới thiệu về tác giả Hoàng Trung Thông.  *+ R. Tago (1861 – 1941) là nhà thơ hiện đại lớn nhất Ấn Độ thế kỉ XX.*  *+ Ngoài là nhà thơ, ông còn là nhà văn, nhà văn hóa lớn có nhiều đóng góp cho dân tộc Ấn Độ và nhân loại..*  *+ Ông để lại một gia tài khổng lồ các tác phẩm thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, mà ở lĩnh vực nào cũng xuất sắc như thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch, ca khúc,…*  *+ Năm 1913, ông là người châu Á đầu tiên được nhận giải thưởng Nô-ben về văn học với tập “Thơ Dâng”.*  *+ Ông đã đem đến cho thi ca Ấn Độ một không khí thanh sảng, thiêng liêng mà gần gũi; ngoài ra chứ nhiều triết lý thâm trầm về vũ trụ, con người, cuộc sống, tình yêu.*  - GV bổ sung thêm kiến thức về tác phẩm:  *Bài thơ Mây và sóng qua cuộc trò chuyện của em bé với mẹ nhằm ngợi ca tình mẫu tử thiêng liêng sâu săc, đồng thời chứa đựng những triết lí giản dị nhưng đúng đắn về hạnh phúc trong cuộc đời.* | **2. Tìm hiểu chung**  ***a) Tác giả***  - *Tên đầy đủ*: Rabindranath Tagore.  - *Quê quán*: Ấn Độ.  - *Năm sinh – năm mất*: 1861 – 1941.  - *Thể loại sáng tác*: Truyện ngắn, thơ ca, kịch, tiểu thuyết.  - *Phong cách sáng tác:* Thơ ca chan chứa tình yêu đất nước, con người và cuộc sống.  - *Tác phẩm thơ tiêu biểu:* *Thơ dâng (1912), Trăng non (1909), Bài thơ số 28,…*  ***b) Tác phẩm***  - Xuất sứ: Viết năm 1909, in trong tập *“Trăng non”.* |

**Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và hình thức của VB *Mây và sóng* theo đặc trưng của văn bản.

**b. Nội dung:** GV linh hoạt hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi, thực hiện các nhiệm vụ trong SGK để tìm hiểu văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học *Mây và sóng*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc những dòng thơ nói về lời mời gọi của những người trên mây và trong sóng và thảo luận theo nhóm trả lời câu hỏi: *Cuộc vui chơi của những người “trên mây” và “trong sóng” hấp dẫn ở chỗ nào?*  *-* GV phát cho HS Phiếu học tập để HS hoàn thành:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập**  *1. Cuộc vui chơi của những người “trên mây” và “trong sóng” hấp dẫn ở chỗ nào?*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Mây** | **Sóng** | | Lời mời gọi |  |  | | Cách hòa nhập |  |  |   *2. Em có nhận xét gì về những lời mời gọi ấy?*  ....................................................................  ....................................................................  .................................................................... |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc theo cặp và trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày câu trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **II. Đọc hiểu văn bản**  ***1. Lời mời gọi của những người “trên mây” và “trong sóng”***   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập**  *1. Cuộc vui chơi của những người “trên mây” và “trong sóng” hấp dẫn ở chỗ nào?*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Mây** | **Sóng** | | Lời mời gọi | Chơi từ khi thức dây cho đến lúc chiều tà,... chơi với bình minh vàng, với vầng trăng bạc. | Ca hát từ sáng sớm cho đến hoàng hôn, ngao du từ nơi này đến nơi nọ mà không biết từng đến nơi nào | | Cách hòa nhập | Đưa tay lên trời 🡺 Nhấc bổng lên tận tầng mây. | Đến rìa biển, nhắm nghiền mắt lại 🡺 Làn sóng nâng lên. |   *2. Em có nhận xét gì về những lời mời gọi ấy?*  Thế giới mà mây và sóng mời em bé đến chơi vô cùng hấp dẫn, đúng với tâm lí ham chơi, dễ bị lôi cuốn bởi những điều mới mẻ của trẻ em. | |
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu lời từ chối của em bé**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi cho HS thảo luận theo cặp:  *+ Đầu tiên, em bé nói gì với những người “trên mây” và “trong sóng”? Tại sao em bé lại không từ chối ngay lời mời của họ?*  *+ Tại sao em bé lại từ chối lời mời của những người “trên mây” và “trong sóng” và không tham gia những cuộc vui chơi đó?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc theo cặp, trao đổi và thực hiện theo yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu mời một vài nhóm HS trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | ***2. Lời từ chối của em bé***  - Sự lưỡng lự ở những câu hỏi đầu tiên:  *+ Nhưng làm thế nào mình lên đó được?*  *+ Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được?*  🡺 Em bé vừa có những khao khát khám phá thế giới bên ngoài nhưng vừa muốn ở nhà với mẹ.  - Lời từ chối của em bé:  *+ Làm sao có thể rời mẹ mà đến được?*  *+ Làm sao có thể rời mẹ mà đi được?*  🡺 Em bé không tham gia vì không muốn rời xa mẹ, không muốn mẹ phải lo buồn, điều này thể hiện tình thương yêu mẹ của em bé. |
| **Nhiệm vụ 3:** **Tìm hiểu trò chơi của em bé**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc khổ thơ cuối và đặt câu hỏi cho HS làm việc cá nhân:  *+ Em bé đã sáng tạo ra những trò chơi gì? Vì sao những trò chơi đó lại “thú vị” và “hay hơn” những trò chơi của mây và sóng?*  *+ Em cảm nhận được gì về tình cảm mẹ con được thể hiện qua những trò chơi ấy?*  *+ Nêu cảm nhận của em về câu thơ cuối bài:* ***Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào?***  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ để trả lời các câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài HS trả lời câu hỏi trước lớp, nhóm HS còn lại lắng nghe và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  - GV kết luận:  + *Có thể thấy những trò chơi do em bé tạo ra “thú vị” và “hay hơn” vì không chỉ có “mây” (vì chính em là mây) mà còn có “trăng” (hiện thân của mẹ), không chỉ được vui đùa như với những người sống “trên mây” mà còn được cùng sống dưới một “mái nhà” – nơi đó em được ôm ấp, được tiếp nhận ánh sáng dịu dàng từ mẹ; em không chỉ có “sóng” (vì chính em đã là sóng) mà còn có “bến bờ kì lạ” (hiện thân của mẹ), bến bờ bao dung, luôn rộng mở đón em.*  *+ Như vậy, không những em không phải “rời mẹ” mà còn được “lăn, lăn, lăn mãi rồi sẽ cười vang vỡ tan vào lòng mẹ”. Tình thương yêu mẹ đã thắng lời mời gọi hấp dẫn của những người “trên mây” và “trong sóng”.* | ***3. Trò chơi của em bé***  - Con là mây, mẹ là trăng, con lấy hai tay trùm lên người mẹ.  - Con là sóng, mẹ là bở biển, con sẽ lăn, lăn, lăn và vỗ vào gối mẹ.  - Tình cảm mẹ con sâu sắc:  *\* Tình cảm em bé dành cho mẹ:*  + Luôn muốn ở bên và tạo ra những trò chơi thú vị để mẹ có thể chơi cùng.  + Trò chơi vừa thỏa ước mong làm mây, làm sóng, tinh nghịch, bay cao, phiêu du khắp chốn; lại vừa được quấn quýt bên mẹ - như mây quấn quýt bên vầng trăng, sóng vui đùa bên bờ biển.  *\* Tình cảm mẹ dành cho em bé:*  + Mẹ luôn muốn ở bên để chăm sóc, chở che, vỗ về.  + Mẹ giống như ánh trăng dịu hiền soi sáng từng bước con đi, như bờ biển bao dung ôm ấp, vỗ về.  + *Không ai biết mẹ con ta ở chốn nào?:* Tình mẫu tử hòa quyện, lan tỏa và thâm nhập khắp vũ trụ mênh mông. |
| **Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu những hình ảnh thiên nhiên trong bài thơ**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm nhỏ, đọc lại một lượt cả bài thơ và thảo luận thực hiện các nhiệm vụ sau:  *+ Chú ý sự tưởng tượng của em bé về các hình ảnh đẹp trong đoạn thơ đầu tiên. Nêu cảm nhận của em về những hình ánh đẹp đó.*  *+ Những hình ảnh thiên nhiên nào được nhắc đến trong toàn bộ bài thơ?*  *+ Nêu đặc điểm của những hình ảnh thiên nhiên được nhắc tới trong các trò chơi của em bé. Qua đó, nhà thơ muốn thể hiện điều gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo nhóm nhỏ hoàn thành theo yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, nhóm HS còn lại lắng nghe và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | ***4. Những hình ảnh thiên nhiên trong bài thơ***  - Những tưởng tượng của em bé trong đoạn thơ đầu tiên:  + Em bé tưởng tượng đám mây trên bầu trời đang nói chuyện cùng em và em cùng trò chuyện với mây.  + Hình ảnh đẹp: Bình minh vàng, vầng trăng bạc.  - Những hình ảnh thiên nhiên được nhắc đến trong toàn bộ bài thơ là mây và sóng.  - Những hình ảnh thiên nhiên được nhắc tới trong các trò tới trong các trò chơi của em bé vô cùng thơ mộng. Những hình ảnh đó được em bé tưởng tượng ra nên càng đẹp đẽ, lung linh, kì ảo. Song, chúng cũng rất chân thực và hài hoà với nhau.  🡺 Nhà thơ muốn nhấn mạnh trí tưởng tượng phong phú và sự ngây thơ, hồn nhiên nhưng không kém phần sâu sắc của em bé. |
| **Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu nội dung, nghệ thuật**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Sau khi hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi thực hiện các nhiệm vụ, GV yêu cầu HS: *Nêu khái quát giá trị nổi bật đáng ghi nhớ của văn bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, suy nghĩ để tổng kết bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  - Bài thơ thể hiện tình mẫu tử thiêng liêng, bất giệt, giản dị mà lớn lao, mang ý nghĩa tượng trưng cao cả.  - Qua đó, mỗi người chúng ta nhận ra tình yêu thương mẫu tử và đó là điểm tựa vững chắc trong cuộc sống mỗi người.  ***2. Nghệ thuật***  - Xây dựng hình ảnh thiên nhiên mang ý nghĩa tượng trưng: mây và sóng.  - Đối thoại lồng trong lời kể, tác giả hóa thân vào nhân vật trữ tình.  - Giàu trí tưởng tượng, bay bổng phóng khoáng. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản *Mây và sóng* đã học.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS nêu thông điệp tác giả muốn gửi gắm đến người đọc.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS về thông điệp của VB.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu cho HS: *Theo em, qua bài thơ tác giả muốn gửi gắm đến người đọc thông điệp gì?*

- GV yêu cầu HS suy nghĩ, ghi câu trả lời vào vở.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS lắng nghe yêu cầu và thực hiện ghi câu trả lời vào vở.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV yêu cầu HS chia sẻ trong nhóm trước, sau đó, GV mời một vài HS xung phong, tự tin chia sẻ trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và chốt lại những ý chính về thông điệp của VB, yêu cầu HS ghi nhớ:

*+ Ca ngợi tình mẹ con.*

*+ Con người trong cuộc sống vẫn thường gặp những cám dỗ. Muốn khước từ chúng cần có những điểm tựa vững chắc (trong đó có tình mẫu tử).*

*+ Trí tưởng tượng của tuổi thơ vô cùng phong phú, nhưng hạnh phúc không phải là điều gì xa xôi, bí ẩn, do ai đó ban cho mà ở ngay trên trần thế và do chính con người tạo nên.*

*+ Mối qun hệ giữa tình yêu và sự sáng tạo.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về bài *Mây và sóng* để phát huy trí tưởng tượng giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hóa thân thành em bé trong bài thơ *Mây và sóng* kể lại câu chuyện và sáng tạo ra trò chơi riêng của mình.

**c. Sản phẩm học tập:** Chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu HS: *Em hãy thử hóa thân thành em bé trong bài thơ Mây và sóng kể lại câu chuyện và sáng tạo ra trò chơi riêng của mình.*

- GV khuyến khích HS có những cách kể chuyện thú vị, sáng tạo ra những trò chơi độc đáo, khác xa so với trò chơi của em bé.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và suy nghĩ để kể lại câu chuyện theo sáng tạo của mình.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS trình bày kết quả làm việc trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá nhiệm vụ và tuyên dương những HS kể lại câu chuyện và sáng tạo trò chơi hay, thú vị.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại bài *Mây và sóng.*

+ Đọc và soạn trước ở nhà bài ***Thực hành tiếng Việt*** trang 25 – 26 SGK.

## TIẾT 90+91: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

## NGỮ CẢNH VÀ NGHĨA CỦA TỪ TRONG NGỮ CẢNH

## DẤU CHẤM LỬNG

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS xác định được nghĩa của từ dựa vào ngữ cảnh.

- HS phân tích được vai trò của ngữ cảnh đối với việc xác định nghĩa của từ ngữ.

- HS xác định và phân tích chỉ ra được tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ.

- HS xác định tác dụng của dấu chấm lửng trong một số cách dùng cụ thể.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập xác định và phân tích nghĩa của từ dựa vào ngữ cảnh, tác dụng của biện pháp tu từ ẩn dụ và của dấu chấm lửng.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**3. Phẩm chất:**

- Thái độ học tập nghiêm túc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *thực hành tiếng Việt.*

**b. Nội dung:** GV kiểm tra lại những kiến thức đã được hình thành về *Thực hành tiếng Việt* trong phần *Kiến thức ngữ văn* ở SGK trang 20, 21.

**c. Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức cũ và gợi mở được kiến thức mới.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV kiểm tra lại những kiến thức đã được hình thành về *Thực hành tiếng Việt* trong phần *Kiến thức ngữ văn* ở SGK trang 20, 21 của HS:

*+ Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữu cảnh.*

*+ Dấu chấm lửng.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV bốc thăm ngẫu nhiên và gọi một số HS trả lời câu hỏi, HS khác lắng nghe và bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS có sự chuẩn bị bài tốt, từ đó, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Chúng ta đã nắm được những kiến thức ngữ văn cơ bản về ngữ cảnh, nghĩa của từ trong ngữ cảnh; tác dụng của dấu chấm lửng ở trong tiết học đầu tiên của chủ đề Thơ. Trong bài học Thực hành tiếng Việt ngày hôm nay, chúng ta hãy cùng nhau đi củng cố những nội dung kiến thức trọng tâm này qua việc giải quyết các bài tập luyện tập, vân dụng nhé!*

**B. LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về ngữ cảnh và ngữ nghĩa của từ trong ngữ cảnh; biện pháp tu từ ẩn dụ và dấu chấm lửng.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn cho HS suy nghĩ, trao đổi để giải quyết các bài tập trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành các bài tập trong sách giáo khoa.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Xác định khái niệm ngữ cảnh**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *-* GV yêu cầu HS nêu lại và phân tích một số ví dụ về ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh.  - Sau đó, GV gợi ý để HS nhắc lại khái niệm *ngữ cảnh* nêu ở phần Kiến thức ngữ văn.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** HS suy nghĩa và thực hiện yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS đại diện lớp tình bày, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức 🡺 Ghi lên bảng  **Nhiệm vụ 2: Xác định nghĩa của từ dựa vào ngữ cảnh**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *-* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, hướng dẫn đọc yêu cầu và làm bài tập số 1 trong SGK trang 25: *Dựa vào ngữ cảnh, xác định nghĩa của từ “quả” và cụm từ “quả non xanh” trong khổ thơ cuối bài thơ Mẹ và quả (Nguyễn Khoa Điềm).*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** HS đọc và hoàn thành bài tập cá nhân.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS giơ tay để trả lời, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức 🡺 Ghi lên bảng  **Nhiệm vụ 3: Tìm và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *-* GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, hướng dẫn HS đọc yêu cầu và làm bài tập số 2 trong SGK trang 26:  *+ Tìm biện pháp tu từ được sử dụng trong các dòng thơ ở bài Những cánh buồm của nhà thơ Hoàng Trung Thông. + Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó đối với việc miêu tả sự vật. .*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** HS đọc và hoàn thành bài tập một cách độc lập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày đáp án, các nhóm khác lắng nghe và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  **Nhiệm vụ 3: Phân tích tác dụng của dấn chấm lửng**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm,đọc yêu cầu và làm bài tập số 3 trong SGK trang 26: *Chỉ ra tác dụng của dấu chấm lửng trong những câu dưới đây.*  - GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm sẽ thảo luạn hoàn thành một trong 4 câu a, b, c, d. Sau khi hoàn thành xong câu của nhóm mình có thể làm sang những câu còn lại.  *+ Nhóm 1: câu a*  *+ Nhóm 2: câu b*  *+ Nhóm 3: câu c*  *+ Nhóm 4: câu d*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** HS đọc và hoàn thành bài tập theo phân công của từng nhóm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm lần lượt theo thứ tự lên trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình theo câu được phân công, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá HS thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức, kết luận 🡺 Ghi lên bảng. | **1. Bài tập xác định khái niệm ngữ cảnh**  - Ngữ cảnh là những từ ngữ, câu đứng trước hoặc đứng sau yếu tố ngôn ngữ đó, đồng nghĩa với văn cảnh.  - Ngữ cảnh còn là hoàn cảnh, tình huống giao tiếp (gồm chủ thể, đối tượng; mục đích giao tiếp; thời gian, nơi chốn diễn ra hoạt động giao tiếp), đồng nghĩa với *tình huống, bối cảnh.*  **2. Bài tập 1: Xác định nghĩa của từ dựa vào ngữ cảnh**  - Về nghĩa gốc (nghĩa cụ thể), từ *quả* vốn biểu thị *bộ phận của cây do nhuỵ hoa phát triển thành, bên trong thường chứa hạt.*  - Tuy nhiên, ở khổ thơ cuối của bài thơ *Mẹ và quả* (Nguyễn Khoa Điềm), từ này được dùng với nghĩa chuyển: biểu thị *kết quả / thành quả của công việc nhất định (gồm cả thành quả là con người được nuôi dạy, được giáo dục, đào tạo).*  🡺 Phù hợp với nghĩa chuyển của từ *quả* như đã chỉ ra, cụm từ *quả non xanh* trong khổ thơ trên biểu thị *những người con chưa thực sự trưởng thành, chưa hoàn thiện như sự mong chờ, ước muốn của người mẹ.*  **3. Bài tập 2: Tìm và phân tích tác dụng của biện pháp tư từ**  - Ở hai dòng thơ *Cha lại dắt con đi trên cát mịn / Ánh nắng cháy đầy vai* sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ cảm giác (chuyển đổi cảm giác).  - Cảm giác về ánh nắng không được miêu tả bằng các từ chỉ trạng thái vốn có của nó (soi, chiếu, toả) mà được thể hiện bằng từ chảy vốn chỉ cảm giác về trạng thái di chuyển thành dòng của các chất lỏng.  - Tác dụng: Nhờ đó mà ánh nắng được miêu tả một cách cụ thể, sinh động, đầy ấn tượng.    **4. Bài tập 3: Phân tích tác dụng của dấu chấm lửng.**  a) Dấu chấm lửng dùng để tỏ ý còn nhiều tấm gương chưa được liệt kê hết.  b) Dấu chấm lửng được dùng để thể hiện lời nói bỏ dở.  c) Dấu chấm lửng dùng để làm giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ biểu thị nội dung bất ngờ: ngợp.  d) Có ba dấu chấm lửng:  - Hai dấu chấm lửng đầu tiên được dùng để thể hiện lời nói ngập ngừng, ngắt quãng vì người nói bất ngờ và không đồng tình trước mệnh lệnh vô lí của cấp trên.  - Dấu chấm lửng thứ ba thể hiện lời nói bị bỏ dở. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh kết hợp với tạo lập văn bản để giải quyết bài tập theo yêu cầu GV.

**b. Nội dung:** GV cho HS viết đoạn văn giải thích nghĩa của các từ in đậm trong hai dòng thơ và giải thích.

**c. Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành đoạn văn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: *Viết một đoạn văn (khoảng 5 – 7 dòng) giải thích nghĩa của các từ in đậm trong hai dòng thơ dưới đây và cho biết em dựa vào đâu để xác định được nghĩa của mỗi từ đó:*

*Ngày ngày* ***Mặt trời*** *đi qua trên lăng*

*Thấy một* ***Mặt trời*** *trong lăng rất đỏ.*

- GV gợi ý cho HS viết đoạn văn theo yêu cầu trên; trong đó, lần lượt xác định nghĩa và chỉ ra ngữ cảnh giúp hiểu nghĩa của từng từ in đậm.

- GV định hướng cho HS: Ở dòng thơ thứ nhất, từ *Mặt Trời* chỉ *thiên thể nóng sáng, là nguồn chiếu sáng và sưởi ấm chủ yếu cho Trái Đất.* Ngữ cảnh giúp xác định nghĩa của từ *Mặt Trời* trong dòng thơ này là các từ ngữ đứng trước và đứng sau (*Ngày ngày ... đi qua trên lăng*).

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV để viết đoạn văn theo yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS lên đọc đoạn văn của mình trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Hoàn thành các bài tập trong sách bài tập Ngữ văn 7 tập 2.

+ Đọc trước ở nhà văn bản ***Mẹ và quả***(Nguyễn Khoa Điềm) và thực hiện các nhiệm vụ nêu ở mục Chuẩn bị, trong khi đọc và sau khi đọc văn bản.

**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

## TIẾT 92: VĂN BẢN 3. MẸ VÀ QUẢ

(Nguyễn Khoa Điềm)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được nét độc đáo về hình thức (từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,…) và nội dung (đề tài, chủ đề, tình cảm, cảm xúc,…) của bài thơ.

- HS nhận biết và nêu được tác dụng của một số biện pháp tu từ có trong VB.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- *Năng lực ngôn ngữ*: Nhận biết nét độc đáo về hình thức (từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ,…) của bài thơ.

- *Năng lực văn học*: Nhận biết nét độc đáo về nội dung (đề tài, chủ đề, tình cảm, cảm xúc,…) của bài thơ.

**3. Phẩm chất:**

- HS biết trân trọng tình cảm mẹ con sâu nặng, xúc động.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh và thông tin về nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Mẹ và quả.*

**b. Nội dung:** GV chiếu hình ảnh cho HS quan sát và đặt câu hỏi gợi mở.

**c. Sản phẩm:** HS nhìn hình, kể được những sự vật xuất hiện trong VB và trả lời câu hỏi gợi mở.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu cho HS quan sát một vài hình ảnh và yêu cầu HS kể tên những sự vật xuất hiện trong VB chuẩn bị học.





- GV đặt câu hỏi gợi mở cho HS: *Khi nghĩ về cha mẹ, điều gì khiến em xúc động nhất? Hãy chia sẻ điều đó với bạn bên cạnh.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát một vài hình ảnh và kể tên những sự vật xuất hiện trong VB chuẩn bị học, sau đó trả lời câu hỏi gợi mở.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS trình bày câu trả lời trước lớp:

+ Hình 1: *mẹ và con*

+ Hình 2: *quả bầu*

+ Hình 3: *quả bí*

+ Hình 4: *mặt trăng*

+ Hình 5: *mặt trời*

- GV mời số HS chia sẻ câu trả lời cho câu hỏi gợi mở trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã trả lời đúng.

- Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Khi nghĩ về cha mẹ, chắc chắn chúng ta sẽ không thể nào không cảm thấy xúc động nghẹn ngào. Trong bài 7. Thơ chúng ta đã học được hai bài thơ đều ca ngợi về tình cảm cha mẹ và con cái hết sức trong sáng và tình cảm. Trong văn bản hôm nay, chúng ta sẽ cùng đến với những lời tâm tình xúc động của tác giả Nguyên Khoa Điểm khi nói về những khó khăn, vất vả mà người mẹ đã phải chịu đựng, từ đó tác giả bộc lộ được lòng kính yêu tha thiết trong bài thơ* ***Mẹ và quả.***

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và kiểm tra việc đọc của HS**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả Nguyễn Khoa Điềm, tác phẩm *Mẹ và quả.*

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS dựa vào các nội dung nêu ở cột bên phải VB để kiểm tra việc đọc ở nhà của HS và hướng dẫn HS tìm hiểu những thông tin về tác giả Nguyễn Khoa Điềm, tác phẩm *Mẹ và quả.*

**c. Sản phẩm học tập:** HS đọc văn bản, nêu được một số nét về tác giả Nguyễn Khoa Điềm và thông tin tác phẩm *Mẹ và quả.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS dựa vào các nội dung nêu ở cột bên phải VB để kiểm tra việc đọc ở nhà của HS.  - GV yêu cầu HS phân chia bố cục cho VB và đặt tên cho từng phần.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc bài và thực hiện theo yêu cầu GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2-3 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét,  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  - Bố cục: 2 phần  + Phần 1: 2 khổ thơ đầu: Lòng mong mỏi đợi chờ và công phu khó nhọc của người mẹ khi chăm sóc cây trái trong vườn.  + Phần 2: Khổ thơ cuối: Sự băn khoăn lo lắng khi mẹ đã già mà mình còn chưa trưởng thành. |
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS tìm hiểu, chia sẻ thông tin về nhà thơ Ta-go, về tác phẩm dựa trên phần đã chuẩn bị, kết hợp với một số “mảnh thông tin” GV cung cấp trên slide về tác giả và tác phẩm.  - Dựa trên phần tự chuẩn bị, GV yêu cầu HS chọn được các thông tin đúng. Từ đó, kết nối thông tin để giới thiệu tác giả, tác phẩm một cách ngắn gọn (*tên khai sinh, bút danh, quê quán, năm sinh, các tác phẩm chính,…*).  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc và tìm hiểu thông tin đã sưu tầm được về tác giả, tác phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài chia sẻ phẩn chuẩn bị của mình trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.  - GV bổ sung kiến thức, giới thiệu về tác giả Nguyễn Khoa Điềm.  *+ Nguyễn Khoa Điềm là một trong những nhà thơ tiêu biểu nhất trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.*  *+ Ông từng tham gia hoạt động trong quân đội, trở thành hội viên của Hội nhà văn Việt Nam và là ủy viên Bộ Chính trị, bí thư Trung ương, Trưởng ban Tư tưởng văn hóa Trung ương.*  *+ Thơ của ông chân thật và giàu tính chiêm nghiệm, đặc biệt là cảm xúc vô cùng sâu lắng mang đậm màu sắc trữ tình.*  *+ Những câu thơ của ông lấy chất liệu từ văn học dân gian thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của người công dân, người lính với đất nước.*  - GV bổ sung thêm kiến thức về tác phẩm:  *Bài thơ Mẹ và quá nói về tình cảm chân thành, tha thiết của người con đối với người mẹ kính yêu của mình vi mẹ đã phải chịu đựng biết bao vất vả, thiệt thòi.* | **2. Tìm hiểu chung**  ***a) Tác giả***  - *Tên đầy đủ*: Nguyễn Khoa Điềm.  - *Quê quán*: Thừa Thiên Huế.  - *Năm sinh*: 1943.  - *Thể loại sáng tác*: Thơ ca  - *Phong cách sáng tác:* Thơ ca mang đậm màu sắc trữ tình về tình yêu quê hương, đất nước và tinh thần chiến đấu của người chiến sĩ Việt Nam.  - *Tác phẩm thơ tiêu biểu:* *Đất nước (1974), Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ (1971), Có một ngày (1982), Lời chào (1974),…*  ***b) Tác phẩm***  - *Xuất sứ*: In trong *“Thơ Nguyễn Khoa Điềm, tuyển tập 40 năm do tác giả chọn”,* NXB Văn học, Hà Nội, 2012. |

**Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và hình thức của VB *Mẹ và quả* theo đặc trưng của văn bản.

**b. Nội dung:** GV linh hoạt hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi, thực hiện các nhiệm vụ trong SGK để tìm hiểu văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học *Mẹ và quả*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu đặc điểm hình thức của bài thơ**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV phát cho HS Phiếu học tập tìm hiểu về đặc điểm hình thức của bài thơ, yêu cầu HS trao đổi để hoàn thành.  - GV yêu cầu HS nhận xét đặc điểm của hình thức bài thơ thông qua việc nêu tác dụng của những yếu tố nghệ thuật đó trong Phiếu học tập số 1:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập số 1**  **Họ tên:**........................................  *1. Phân tích nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua các yếu tố:*   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Nét độc đáo** | | Thể thơ |  | | Bố cục |  | | Từ ngữ |  | | Hình ảnh |  | | Số tiếng mỗi dòng |  | | Vần |  | | Nhịp |  | | Biện pháp tu từ |  |   *2. Nêu tác dụng của những yếu tố đó.*  .................................................................  .................................................................  ................................................................. |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc theo cặp và hoàn thành phiếu học tập số 1 tìm hiểu về hình thức bài thơ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số nhóm HS đại diện trình bày Phiếu học tập số 1 trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **II. Đọc hiểu văn bản**  ***1. Đặc điểm hình thức của bài thơ***   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập số 1**  **Họ tên:**........................................  Phân tích nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua các yếu tô:   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Nét độc đáo** | | Thể thơ | Tự do | | Bố cục | Ba khổ | | Từ ngữ | Bình dị, quen thuộc, gợi hình, gợi tả. | | Hình ảnh | Trong sáng, gần gũi và mang tính tượng trưng: Mặt trăng, mặt trời, quả bí, quả bầu,... | | Sô tiếng mỗi dòng | 7 – 8 tiếng xen kẽ nhau tạo nên tứ thơ độc đáo, mang tính phát hiện đầy ám ảnh về người mẹ và những thành quả mà mẹ tạo ra. | | Vần | Gieo vần hỗn hợp: vần chân, vần cách. | | Nhịp | Ngắt nhịp linh hoạt: 3/4, 3/5, 3/2/3, 2/5. | | Biện pháp tu từ | - Điệp ngữ: *những mùa quả*.  - Đối lập: *lặn – mọc, lớn lên – lớn xuống.*  - So sánh: quả - *như Mặt Trời, như Mặt Trăng;* quả - *mang dáng giọt mồ hôi mặn.*  - Ẩn dụ: *chúng tôi, một thứ quả trên đời; hái; quả non xanh.*  - Nói giảm – nói tránh: *ngày bàn tay mẹ mỏi.* |   *2. Nêu tác dụng của những yếu tố đó.*  Nhũng yếu tố đó đã giúp tác giả thể hiện cảm xúc chân thành, đồng thời, nêu được những suy ngẫm, triết li thâm trầm, sâu lắng của tác giả về mẹ. | |
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu lòng mong mỏi đợi chờ và công phu khó nhọc của người mẹ khi chăm sóc cây trái trong vườn**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc một lượt VB và đặt câu hỏi:  *+ Bài thơ là lời của ai nói, nói với ai và điều gì?*  *+ Tâm trạng và thái độc của người nói như thế nào?*  - GV yêu cầu HS đọc khổ thơ đầu tiên, thảo luận trong nhóm: *giải thích ý nghĩa của từ “lặn” và “mọc” trong khổ thơ.*  - GV chiếu và phóng to hình ảnh trong SGK và đặt câu hỏi cho HS: *Hình ảnh này minh họa cho nội dung nào của bài thơ?*    - GV yêu cầu HS đọc khổ thơ thứ hai, tiếp tục thảo luận trong nhóm: *nêu cách hiểu của từ “lớn lên” và “lớn xuống” ở các dòng thơ số 5, 6 trong bài thơ.*  - GV dẫn dắt và đặt vấn đề cho HS thảo luận: *Có thể thấy, người mẹ trong bài thơ không được miêu tả trực tiếp, nhưng người đọc vẫn nhận ra được phẩm chất của bà qua các dòng thơ ở khổ 1 và 2. Qua đó, nhà thơ cho thấy những phẩm chất tốt đẹp nào của người mẹ?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc theo nhóm, trao đổi và thực hiện theo yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu mời một vài nhóm HS trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | ***2. Lòng mong mỏi đợi chờ và công phu khó nhọc của người mẹ khi chăm sóc cây trái trong vườn***  - Bài thơ là lời nói của tác giả trong vai một người con, nói với mình, cũng là nói với mẹ và với mọi người về công lao của người mẹ.  - Tác giả thể hiện sự thấu hiểu những vất vả, nhọc nhằn mà người mẹ đã trải qua, ca ngợi công lao của mẹ, day dứt khi cưa đền đáp được công lao to lớn ấy.  *\* Khổ thơ đầu tiên:*  Từ “lặn” và “mọc” được sử dụng có ý nghĩa mùa qua hết rồi mùa quả lại tới, là sự đều đặn, tuần hoàn cũng giống như cái lặn và mọc tuần hoàn của Mặt Trời và Mặt Trăng.  *\* Khổ thơ thứ hai:*  - Hình ảnh trong tranh minh họa cho nội dung người mẹ trồng bí, bầu và đã đến lúc được thu hoạch.  - Hình ảnh trong câu thơ: *Còn những bí và bầu lớn xuống / Chúng mang dáng giọt mồ hôi mặn*: Tác giả dựa vào hình dáng quả bí, quả bầu khi lớn lên, đồng thời liên hệ dến giọt mồ hôi của mẹ, thể hiện sự hi sinh, vất vả, khó nhọc của mẹ. Biết bao giọt mồ hôi mặn của mẹ đã nhỏ xuống âm thầm, lặng lẽ “kết nên” những quả bí, quả bầu.  🡺 Những phẩm chất tốt đẹp của người mẹ được thể hiện trong hai khổ thơ đầu:  - Trông chờ mọi thành quả vào đôi bàn tay lao động của mình.  - Lao động chăm chỉ, cần cù.  - Yêu thương, nuôi nấng, dạy dỗ các con.  - Lặng thầm chịu đựng những gian truân, vất vả. |
| **Nhiệm vụ 3:** **Tìm hiểu sự băn khoăn lo lắng khi mẹ đã già mà mình còn chưa trưởng thành**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc khổ thơ cuối và đặt câu hỏi cho HS làm việc cá nhân:  *+ Từ “quả” ở khổ thơ 1 và từ “quả” ở khổ thơ 3 có gì giống và khác nhau về nghĩa?*  *+ Ở hai dòng thơ cuối, vì sao nhà thơ lại “hoảng sợ” khi nghĩ mình vẫn còn là “một thứ non xanh”?*  - GV phát Phiếu học tập số 2 cho HS hoàn thành:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập số 2**  **Họ tên:**........................................  *1. Từ “quả” ở khổ thơ 1 và từ “quả” ở khổ thơ 3 có gì giống và khác nhau về nghĩa?*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Khổ thơ 1** | **Khổ thơ 3** | | Giống nhau |  | | | Khác nhau |  |  |   *2. Ở hai dòng thơ cuối, vì sao nhà thơ lại “hoảng sợ” khi nghĩ mình vẫn còn là “một thứ non xanh”?*  *a) Quả non xanh* chỉ điềugì?..................  .................................................................  .................................................................  b) Tại sao điều ấy lại làm tác giả “hoảng sợ”?..........................................................  .................................................................  ................................................................. |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ để hoàn thành Phiếu học tập số 2.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài HS trình bày kết quả Phiếu học tập số 2 trước lớp, HS còn lại lắng nghe và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | ***3. Sự băn khoăn lo lắng khi mẹ đã già mà mình còn chưa trưởng thành***  *\* Khổ thơ thứ 3:*   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập số 2**  **Họ tên:**........................................  *1. Từ “quả” ở khổ thơ 1 và từ “quả” ở khổ thơ 3 có gì giống và khác nhau về nghĩa?*   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Khổ thơ 1** | **Khổ thơ 3** | | Giống nhau | Cùng chỉ một quá trình nuôi dưỡng, chăm sóc | | | Khác nhau | Chỉ bộ phận của cây do bầu nhụy hoa phát triển mà thành, bên trong có hạt. | Cụ thể chỉ những đứa con (“lũ chúng tôi”) của người mẹ. |   *2. Ở hai dòng thơ cuối, vì sao nhà thơ lại “hoảng sợ” khi nghĩ mình vẫn còn là “một thứ non xanh”?*  *a) Quả non xanh* chỉ điềugì?  - Nghĩa đen: quả chưa chín.  - Nghĩa bóng: người con chưa trưởng thành, chín chắn, chưa báo đáp được ơn sinh thành và dưỡng dục của mẹ.  b) Tại sao điều ấy lại làm tác giả “hoảng sợ”? Tác giá hoảng sợ khi nghĩa đến lúc mẹ già yếu, gần đất xa trời mà mình vẫn chưa khôn lớn, trưởng thành và chưa đáp đền được công ơn của mẹ. | |
| **Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Sau khi hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi thực hiện các nhiệm vụ*,* GV yêu cầu HS: *Nêu khái quát giá trị nổi bật đáng ghi nhớ của văn bản về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, suy nghĩ để tổng kết bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  - Bài thơ thể hiện tình yêu thương, sự trân trọng của nhà thơ đối với mẹ; đồng thời, bộc lộ sự day dứt, xót xa khi chưa làm cho mẹ được thanh thản lúc cuối đời.  ***2. Nghệ thuật***  - Thơ 7 chữ kết hợp 8 chữ giàu nhịp điệu, sâu lắng.  - Ngôn ngữ thơ giản dị, mộc mạc.  - Hình ảnh thơ trong sáng, quen thuộc.  - Các biện pháp tu từ sử dụng linh hoạt. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản *Mẹ và quả* đã học.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS chía sẻ với các bạn trong nhóm về dòng thơ, khổ thơ yêu thích nhất trong bài thơ.

**c. Sản phẩm học tập:** Chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu cho HS: *Em thích dòng thơ, khổ thơ nào nhất trong bài thơ? Vì sao?*

- GV yêu cầu HS suy nghĩ, ghi câu trả lời vào vở.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS lắng nghe yêu cầu và thực hiện ghi câu trả lời vào vở.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV yêu cầu HS chia sẻ trong nhóm trước, sau đó, GV mời một vài HS xung phong, tự tin chia sẻ trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết luận.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về bài *Mẹ và quả* để liên hệ với bản thân giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của bản thân về tình cảm dành cho cha mẹ.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu HS: *Thông qua tình cảm của nhà thơ Nguyên Khoa Diềm dành cho mẹ trong bài thơ Mẹ và quả, em hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 7-10 câu) trình bày suy nghĩ của bản thân về tình cảm dành cho cha mẹ.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và suy nghĩ để viết đoạn văn hoàn chỉnh.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS tự tin đọc to bài đoạn văn của mình trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá nhiệm vụ, tuyên dương những bài viết tốt của HS và nhắc các em còn lại hoàn thiện đoạn văn ở nhà.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại bài *Mẹ và quả.*

+ Đọc trước ở nhà bài ***Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ****.*

## TIẾT 93+94: VIẾT ĐOẠN VĂN GHI LẠI CẢM XÚC SAU KHI ĐỌC

## MỘT BÀI THƠ

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.

**2. Năng lực.**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng viết đoạn văn.

**3. Phẩm chất:**

- Nghiêm túc trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học*Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.*

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS hệ thống lại những bài thơ đã học đươc ở trong Bài 7. *Thơ* vào bảng theo gợi ý.

**c. Sản phẩm:** Bảng hệ thống các bài thơ đã được học ở trong Bài 7. *Thơ.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV hướng dẫn HS hệ thống lại những bài thơ đã học đươc ở trong Bài 7. *Thơ* vào bảng theo gợi ý.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Những cánh buồm** | **Mây và sóng** | **Mẹ và quả** |
| *Tác giả* |  |  |  |
| *Nội dung* |  |  |  |
| *Nghệ thuật* |  |  |  |
| *Bài học rút ra* |  |  |  |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận và hoàn thành bảng hệ thống theo gợi ý.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS trình bày bảng đã hoàn thành trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá nhiệm vụ, tổng hợp và chiếu bảng hệ thống cho HS đối chiếu, chỉnh sửa:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | **Những cánh buôm** | **Mây và sóng** | **Mẹ và quả** |
| *Tác giả* | Hoàng Trung Thông | Ta-go | Nguyễn Khoa Điềm |
| *Nội dung* | Thể hiện cảm xúc, ước mơ của hai cha con muốn đi khám phá những vùng đất xa xôi được thể hiện qua cuộc nói chuyện khi đi dạo trên bờ biển. | Thể hiện tình mẫu tử thiêng liêng, bất giệt, giản dị mà lớn lao, mang ý nghĩa tượng trưng cao cả. | Thể hiện tình yêu thương, sự trân trọng của nhà thơ đối với mẹ; đồng thời, bộc lộ sự day dứt, xót xa khi chưa làm cho mẹ được thanh thản lúc cuối đời. |
| *Nghệ thuật* | - Thể thơ tự do linh hoạt.  - Những biện pháp tu từ, điệp ngữ, từ láy,... sinh động.  - Hình ảnh thơ trong sáng, hấp dẫn. | - Xây dựng hình ảnh thiên nhiên mang ý nghĩa tượng trưng: mây và sóng.  - Đối thoại lồng trong lời kể, tác giả hóa thân vào nhân vật trữ tình.  - Giàu trí tưởng tượng, bay bổng phóng khoáng. | - Thơ 7 chữ kết hợp 8 chữ giàu nhịp điệu, sâu lắng.  - Ngôn ngữ thơ giản dị, mộc mạc.  - Hình ảnh thơ trong sáng, quen thuộc.  - Các biện pháp tu từ sử dụng linh hoạt. |
| *Bài học rút ra* | Mỗi người cần phải biết quan tâm đền giá đình, vì đó luôn là điểm tựa tinh thần và gắn bó với ta đến suốt cuộc đời. | Mỗi người nhận ra tình yêu thương mẫu tử và đó là điểm tựa vững chắc trong cuộc sống. | Mỗi người con đều phải biết yêu thương quý mến mẹ mình. |

- GV dẫn dắt vào bài học mới*: Sau khi hệ thống xong 3 bài thơ đã được học, các em chắc chắn đã lựa chọn được cho mình một bài thơ mà mình yêu thích và ấn tượng nhất rồi phải không nào? Ở mỗi bài thơ, các em sẽ có những suy nghĩ, cảm nhận riêng về bài học mà bài thơ đó mang lại. Vậy thì chúng ta hãy cùng bước vào bài học ngày hôm nay để cùng nhau tìm hiểu và thực hành* ***Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ*** *nhé!*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Định hướng**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những định hướng khi viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS đọc và ghi nhớ định hướng khi viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc lại phần *Định hướng* trong SGK, trang 28, 29 SGK để bước đầu nắm được khái niệm và những lưu ý về kiểu viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.  *-* GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn văn tham khảo trong SGK và suy nghĩ thảo luận theo cặp trả lời câu hỏi: *Đoạn trích nêu lên cảm xúc của nguời viết về vấn đề gì? (về nội dung hay một yếu tố nghệ thuật đặc dắc?)*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc, ghi chép vào vở và thảo luận trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài đại diện HS trả lời câu hỏi trước cả lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **1. Định hướng viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ**  ***a) Khái niệm***  - Đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ là nêu lên những cảm nghĩ của bản thân về bài thơ đó.  - Phạm vi: Nêu lên những nội dung một khổ thơ, đoạn thơ hoặc yếu tố nghệ thuật đặc sặc mà em yêu thích.  ***b) Lưu ý***  - Đọc kĩ để hiểu nội dung và nắm được những nét đặc sắc về nghệ thuật của bài thơ 🡺 Dẫn ra một khổ thơ, đoạn thơ hoặc yếu tố nghệ thuật đặc sắc trong bài thơ gây ấn tượng, gợi cảm xúc cho em.  - Yêu cầu cần nêu rõ: *Yếu tố nào (nội dung, nghệ thuật) của bài thơ đã tạo cho em cảm xúc? Đó là cảm xúc như thế nào? Vì sao em có cảm xúc đó?*  ***c) Đoạn văn tham khảo***  Đoạn trích nêu lên cảm xúc của nguời viết về nội dung của khổ thơ đầu của bài thơ *Những cảnh buồm*. |

**Hoạt động 2: Chuẩn bị trước khi viết**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các kĩ năng viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ theo các bước.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS áp dụng viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ theo các bước.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - ***GV nêu yêu cầu bài:*** *Em hãy viết đoạn văn nêu lên cảm xúc cảu em sau khi đọc một trong các bài thơ: “Những cánh buồm” (Hoàng Trung Thông), “Mây và sóng” (Ta-go), “Mẹ và quả” (Nguyễn Khoa Điềm).*  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị trước khi viết theo các bước:  ***\* Chuẩn bị***  - GV hướng dẫn HS lựa chọn bài thơ mình yêu thích, sau đó chuẩn bị bài viết:  *+ Xem lại nội dung đọc hiểu bài thơ.*  *+ Xác định những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.*  ***\* Tìm ý và lập dàn ý***  ***- Tìm ý:***  GV hướng dẫn HS huy động tối đa các ý tưởng để tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:  *+ Bài thơ viết về điều gì? Em thấy ấn tượng nhất với yếu tố nào trong bài thơ?*  *+ Yếu tố ấy đặc săc như thế nào? (về nội dung hoặc nghệ thuật)?*  *+ Yếu tố ấy đã mang lại cho em những cảm xúc gì? Vi sao?*  ***- Lập dàn ý***  GV hướng dẫn HS sắp xếp các câu trả lời theo trật tự hợp lí để hoàn thành dàn ý với ba phần như gợi ý trong SGK trang 30: *Mở đoạn, Thân đoạn, Kết đoạn.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe yêu cầu, thực hiện theo các bước để chuẩn bị thực hành viết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS báo cáo kết quả thực hiện.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **2. Trước khi viết**  - Lựa chọn bài thơ.  - Tìm ý.  - Lập dàn ý:  a) Mở đoạn:  + Nêu cảm nghĩ chung về bài thơ.  + Dẫn ra khổ thơ, đoạn thơ có nội dung nghệ thuật đặc sắc mang lại cho em nhiều cảm xúc.  b) Thân đoạn: Nêu cụ thể cảm xúc của em về yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật đặc sắc khiến em yêu thích.  c) Kết đoạn: Khái quát lại suy nghĩ của bản thân về yếu tố đã mang lại những cảm xúc ấy. |

**Hoạt động 3: Thực hành trong khi viết**

**a. Mục tiêu:** Viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một đoạn thơ.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS viết đoạn văn theo dàn ý vừa lập.  - GV lưu ý HS trong khi viết:  *+ Chú ý thời gian, tốc độ và dung lượng bài làm trong một đoạn văn.*  *+ Cần sử dụng các từ ngữ ghi lại cảm xúc của em một cách trung thực, tránh các câu chữ sáo rỗng.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe yêu cầu để thực hành viết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS báo cáo kết quả thực hiện.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **3. Trong khi viết**  - Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để thực hành kiểm tra và chỉnh sửa, hoàn thiện đoạn văn.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS tự kiểm tra, chỉnh sủa đoạn văn của mình.

**c. Sản phẩm học tập:** HS chỉnh sửa, hoàn thiện đoạn văn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS kiểm tra và chỉnh sửa đoạn văn của mình theo các bước:  \* Kiểm tra lại xem bài viết đã đầy đủ và đúng trình tự.  \* Tự phát hiện và biết cách sửa các lỗi về viết như:  *+* Lỗi về ý: *thiếu ý (ý sơ sài, chưa nêu hết được những điều cần viết); ý lộn xộn (các ý không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí); lạc ý (nêu các ý không liên quan đến nội dung bài yêu cầu); ý tản mạn (nêu các ý không tập trung vào nội dung chính của bài viết).*  + Lỗi về diễn đạt (dùng tư, viết câu), chính tả.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe hướng dẫn để kiểm tra và chỉnh sửa đoạn văn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS báo cáo kết quả thực hiện.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **4. Sau khi viết**  - Kiểm tra và chỉnh sửa đoạn văn của mình. |

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Xem lại nội dung bài học.

+ Đọc trước ở nhà bài ***Trao dổi về một vấn đề*** trang 31-32 SGK.

## TIẾT 95: NÓI VÀ NGHE. TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS trao đổi được về một vấn đề.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập trao đổi về vấn đề.

**3. Phẩm chất:**

- HS tham gia tích cực vào nội dung bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Trao đổi về một vấn đề.*

**b. Nội dung:** GV kiểm tra phần chuẩn bị bài nói của HS.

**c. Sản phẩm:** Phần chuẩn bị của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS dành ra khoảng 5 phút để tự rà soát lại nội dung bài nói đã chuẩn bị ở nhà.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập để trình bày trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét..

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi HS đã chia sẻ.

- Từ chia sể của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong cuộc sống, có rất nhiều vấn đề cần chúng ta trao đổi để đưa ra ý kiến của bản thân mình. Những vấn đề đó xuất phát từ rất nhiều vị trí, đặc biệt là được liên hệ từ trong các văn bản văn học. Trong buổi học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau* ***Trao đổi về một vấn đề*** *đặt ra trong phần Đọc hiểu văn bản nhé!*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Định hướng**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kết hợp hướng dẫn của GV để chuẩn bị bài nói.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói đã được chuẩn bị trước ở nhà.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV dẫn dắt: *Các em đã được học mục đích, nội dung và cách thức trao đổi về một vấn đề ở Bài 2 trong sách Ngữ văn 7, tập 1. Bài này tập trung vào thực hành trao đổi gắn với các vấn đề đặt ra trong phần Đọc hiểu văn bản.*  - GV yêu cầu HS đọc trước mục *Định hướng* ở nhà, ghi lại những thắc mắc về nội dung đã học để trao đổi với các bạn.  - GV tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận để chốt lại cách trao đổi về một vấn đề đặt ra trong các văn bản đọc hiểu.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc và ghi lại những thắc mắc để trao đổi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày trước lớp, cả lớp lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **1. Định hướng**  + Lựa chọn vấn đề cần trao đổi (đặc điểm nội dung hoặc nghệ thuật của một bài thơ).  + Xác định các ý kiến khác nhau về vấn đề cần trao đổi.  + Chuẩn bị lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ ý kiến của mình.  + Khi trao đổi, cần tôn trọng các ý kiến khác biệt. |

**Hoạt động 2: Chuẩn bị trước khi nói và nghe**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS thảo luận, trình bày trong nhóm và trước lớp.

**c. Sản phẩm học tập:** HS trình bày, thảo luận sôi nổi, tích cực

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - ***GV nêu yêu cầu bài:*** *Chọn một trong hai đề sau:*  *+ Để 1. Sau khi học bài thơ "Những cánh buồm" (Hoàng Trung Thông), có bạn cho rằng: Hình ảnh cánh buồm trong bài thơ tượng trưng cho khát vọng vươn xa của người con. Lại cỏ bạn cho rằng: Hình ảnh cánh buồm tượng trưng cho những ước mơ chưa đạt được của người cha. Ý kiến của em như thế nào?*  *+ Đề 2. Có bạn cho rằng: Chủ đề của bài thơ “Mây và sóng" (Ta-go) là ca ngợi tình mẫu tử. Bạn khác lại cho rằng: Chủ đề bài thơ ấy ca ngợi trí tưởng tượng của em nhỏ. Ý kiến của em như thế nào?*  - GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm với các mục gợi ý như trong SGK:  ***\* Chuẩn bị:***  + Xem lại nội dung đọc hiểu văn bản.  + Chuẩn bị các phương tiện như tranh, ảnh, video,… và máy chiếu, màn hình (nếu có).  ***\* Tìm ý và lập dàn ý:***  ***- Tìm ý:***  GV hướng dẫn HS tìm ý cho bài nói bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi vào Phiếu học tập sau:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập**  Họ và tên:………………………..  Nhóm:……….  Đề tài lựa chọn:………  *Hoàn thành bảng tìm ý sau cho đề tài mà các em lựa chọn:*   |  |  | | --- | --- | | Các ý kiến nêu trong đề bài có gì giống nhau và khác nhau? |  | | Mỗi ý kiến có điểm gì hợp lí và chưa hợp lí? |  | | Ý kiến của em như thế nào? |  | | Vì sao em hiểu như thế? |  | |   ***- Lập dàn ý:***  GV hướng dẫn HS lập dàn ý cho bài nói bằng cách lựa chọn, sắp xếp các ý theo bố cục 3 phần như trong SGK trang 31: *Mở đầu, nội dung chính, kết thúc.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS chuẩn bị trước khi nói theo các bước.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức cho các nhóm HS cùng trao đổi, thảo luận kết quả làm việc với nhau trong nhóm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **2. Trước khi nói và nghe**  \* Lựa chọn đề tài.  \* Tìm ý.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập**  Họ và tên:………………………..  Nhóm:……….  Đề tài lựa chọn: số 1.  *Hoàn thành bảng tìm ý sau cho đề tài mà các em lựa chọn:*   |  |  | | --- | --- | | Các ý kiến nêu trong đề bài có gì giống nhau và khác nhau? | - Giống nhau: Đều chung hình ảnh “cánh buồm”, đều thể hiện khát vọng của con người vươn cao, vươn xa.  - Khác nhau: Ý kiến đầu tượng trưng cho khát vọng vươn xa của người con. Ý kiến thứ hai tượng trưng cho những ước mơ chưa đạt được của người cha. | | Mỗi ý kiến có điểm gì hợp lí và chưa hợp lí? | Mỗi ý kiến đều có phần đúng, nhưng vẫn thiếu ý và chưa hoàn chỉnh. | | Ý kiến của em như thế nào? | Theo em, khi nhận xét về hình ảnh cánh buồm, đây là hình ảnh ẩn dụ vừa thể hiện khát vọng vươn xa của người con, vừa thể hiện được những ước mơ chưa đạt được của người cha. | | Vì sao em hiểu như thế? | Vì thông qua ngữ cảnh của bài thơ và xem xét các ý kiến trong chỉnh thể bài thơ. | |   \* Lập dàn ý:  a) Mở đầu: Nêu vấn đề cần trao đổi.  b) Nội dung chính: Nêu và phân tích các ý kiến khác nhau, từ đó phát biểu ý kiến của em theo gợi ý sau:  - Nêu điểm giống nhau và khác nhau giữa hai ý kiến.  - Nêu và giải thích những điểm hợp lí và chưa hơp lí trong mỗi ý kiến.  - Ý kiến của em: có thể tán thành một trong hai ý kiến hoặc không tán thánh cả hai và đưa ra ý kiến khác.  c) Kết thúc: Khẳng định lại ý kiến của bản thân và những điểm hợp lí trong hai ý kiến đã nêu. |

**Hoạt động 3: Thực hành trong khi viết**

**a. Mục tiêu:** Trình bày được bài nói trao đổi về một vấn đề.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã thực hành bài nói trao đổi về một vấn đề.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu 1 HS xung phong làm người chủ trì và giao nhiệm vụ cho người chủ trì: *Nêu nội dung và cách thức trao đổi, mời người nói trình bày ý kiến.*  - GV chiếu bảng phân công nhiệm vụ cho người nói và người nghe cho HS thực hiện: | **3. Trong khi nói và nghe** |
| |  |  | | --- | --- | | **Người nói** | **Người nghe** | | - Nêu ý kiến của mình trước nhóm hoặc lớp,...  - Trình bày bằng lời, tránh viết thành văn để đọc; sử dụng điệu bộ, cử chỉ và các phương tiện hỗ trợ phù hợp.  - Chú ý điều chỉnh giọng điệu, cách trình bày; quan sát thái độ, lắng nghe ý kiến phản hồi của người nghe.  - Trả lời các câu hỏi của người nghe (nếu có). | - Tập trung theo dõi và nắm được thông tin từ người nói; ghi chép các ý chính và các điểm chưa rõ cần hỏi lại.  - Sử dụng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt để khích lệ người nói.  - Nêu câu hỏi về những vấn đề chưa rõ; trao dổi lại về ý kiến mà mình thấy chưa thuyết phục. | | |
| **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe yêu cầu để thực hành trao đổi bài nói.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu chủ trì dẫn dắt cuộc thảo luận bài nói.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. |  |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để thực hành kiểm tra và chỉnh sửa, hoàn thiện bài nói – nghe.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS tự kiểm tra, chỉnh sủa bài nói – nghe của mình.

**c. Sản phẩm học tập:** HS chỉnh sửa, hoàn thiện bài nói – nghe.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS kiểm tra và chỉnh sửa bài nói và nghe của mình: | **4. Sau khi nói và nghe**  - Kiểm tra và chỉnh sửa bài nói và nghe của mình. |
| |  |  | | --- | --- | | **Người nói** | **Người nghe** | | - Đối chiếu với dàn ý để xem xét nội dung ý kiến đã trình bày, cách dẫn dắt, các lí lẽ và bằng chứng.  - Rút kinh nghiệm về cách phát biểu và hiệu quả của việc sử dụng các phương tiện hỗ trợ.  - Xem xét lại nội dung, cách thức trả lời câu hỏi và ý kiến trao đổi với các bạn. | - Hiểu đúng và tóm tắt được các thông tin từ người nói bằng văn bản  - Tập trung chú ý theo dõi người nói; thể hiện sự mạnh dạn, cầu thị và thái độ hoa nhã, lịch sự khi trao đổi với người nói. | | |
| **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe hướng dẫn để kiểm tra và chỉnh sửa bài nói – nghe.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS báo cáo kết quả thực hiện.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét và tổ chức cho HS nhận xét bài nói của nhau, rút kinh nghiệm về cách trao đổi về một vấn đề trong đời sống hoặc trong văn học. |  |

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Xem lại nội dung bài học.

+ Xem trước nội dung bài ***Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*** (Hồ Chí Minh).

**TIẾT 96: TỰ ĐÁNH GIÁ ( KTTX- KTĐGNL ) KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT**

# Bài 8. NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

**…………………………………………………..**

**Môn: Ngữ văn 7**

**Số tiết:** 12 tiết

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

## TIẾT 97+98+99: VĂN BẢN 1.

## TINH THẦN YÊU NƯỚC CỦA NHÂN DÂN TA

(Hồ Chí Minh)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận: mục đích và nội dung chính; ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ của chúng.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- *Năng lực văn học*: Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghịp luận: mục đích và nội dung chính; ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ của chúng.

**3. Phẩm chất:**

- HS tự hào về truyền thống yêu nước; có lối sống giản dị, khiêm nhường và biết ơn những thế hệ đã hi sinh vì Tổ quốc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh và thông tin về Hồ Chí Minh;

- Máy tính, máy chiếu, video clip;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình, từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.*

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi *Ai nhanh tay hơn?*

**c. Sản phẩm:** HS nêu được tên anh hùng xuất hiện trong các hình ảnh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức cho HS cả lớp tham gia troc chơi *Ai nhanh tay hơn?*

- GV phổ biến luật chơi: *GV lần lượt chiếu hình ảnh của 12 vị anh hùng dân tộc tiêu biểu khác nhau trên màn hình chiếu. HS sẽ quan sát và nêu tên của nhân vật lịch sử đó. HS nào giơ tay trả lời nhanh và chính xác nhất cho mỗi lượt chiếu sẽ được tuyên dương và cộng điểm.*

   



**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS hào hứng, tích cực tham gia trò chơi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- HS giơ tay nêu tên nhân vật lịch sử có trong các hình ảnh:

+ Hình 1: *Hùng Vương (vua Hùng)*

+ Hình 2: *Hai Bà Trưng (Trưng Trắc, Trưng Nhị)*

+ Hình 3: *Lý Nam Đế (Lý Bí)*

+ Hình 4: *Ngô Quyền*

+ Hình 5: *Lý Thái Tổ (Lý Công Uẩn)*

+ Hình 6: *Trần Hưng Đạo (Trần Quốc Tuấn)*

+ Hình 7: *Lê Thái Tổ (Lê Lợi)*

+ Hình 8: *Nguyễn Trãi*

+ Hình 9: *Quang Trung (Nguyễn Huệ)*

+ Hình 10: *Hồ Chí Minh*

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi tinh thần tham gia trò chơi của cả lớp.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Những hình anh mà các em vừa nêu tên chính là những vị anh hùng tiêu biểu của dân tộc đã có công lao rất to lớn trong cuộc chiến đấu và lao động gian khổ để giữ gìn, bảo vệ và dựng xây đất nước có được như ngày hôm nay. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu bài văn nghị luận về lòng yêu nước của nhân dân ta của chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại mang tên* ***Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.***

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những kiến thức cơ bản về văn bản nghị luận và tác phẩm *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.*

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, đọc văn bản, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu đặc điểm của VB nghị luận xã hội**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc phần *Kiến thức ngữ văn* trong SGK trang 36 để khơi gợi lại những điều các em đã học về văn bản nghị luận xã hội.  - GV hướng dẫn HS đọc và lưu ý một số điều khi đọc văn bản nghị luận xã hội:  *+ VB viết về vấn đề gì của đời sống xã hội? Nhan đề của VB có liên quan đến vấn đề ấy như thế nào?*  *+ Mục đích của VB là gì?*  *+ Các ý kiến, lí lẽ và bằng chứng phục vụ cho mục đích của VB như thế nào?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe và ghi lại những điều cần ghi nhớ về văn bản nghị luận xã hội.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày kết quả trước lớp.  - GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.  - GV nhấn mạnh: *Để khẳng định lòng yêu nước của nhân dân ta là một truyền thống lâu đời và quý báu của dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triển khai nội dung văn bản Tinh thần yêu nước của nhân dân ta bằng các lí lẽ và dẫn chứng cụ thể từ các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm trước đây đến cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp với những biểu hiện yêu nước ở mọi lứa tuổi, mọi tầng lớp nhân dân, miền núi cũng như miền xuôi, nông thôn cũng như thành thị. Điều đó đã thuyết phục được người đọc, người nghe một cách thấm thía, sâu sắc. Chúng ta hãy cùng đi tìm hiểu chi tiết về văn bản nhé!* | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đặc điểm của văn bản nghị luận xã hội**  - Viết ra nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về một tư tưởng, quan điểm nào đó, hướng tới giải quyết những vấn đề có ý nghĩa xã hôi trong đời sống.  - Cấu trúc: nêu ý kiến (quan điểm), phát triển ý kiến và làm sáng tỏ lí lẽ và các bằng chứng cụ thể 🡺 Thuyết phục người đọc, người nghe. |
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV kiểm tra việc đọc ở nhà của HS bằng cách yêu cầu HS tóm tắt văn bản, nêu một số thông tin chưa có trong bài.  - Tiếp theo, GV đọc lại một vài đoạn và lưu ý HS quan sát, suy nghĩ các câu hỏi ở cột bên phải và cùng HS tìm hiểu các từ ngữ khó trong VB (nếu có).  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp:  + Tìm hiểu thêm các tư liệu về chủ tịch Hồ Chí Minh và giai đoạn kháng chiến thống thực dân Pháp (1946 – 1954) của nhân dân để hiểu hơn hoàn cảnh ra đời, mục đích và ý nghĩa của VB.  + Phân chia và xác định nội dung chính của từng phần trong VB.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc văn bản và tìm hiểu thông tin về tác giả, tác phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài chia sẻ phần chuẩn bị của mình trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.  - GV bổ sung kiến thức, giới thiệu về tác giả Hồ Chí Minh.  *+ Hồ Chí Minh (1890 – 1969) là người chiến sĩ cách mạng, anh hùng dân tộc, vĩ lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, lá nhà văn, nhà thơ lớn của Việt Nam và là danh nhân văn hóa thế giới.*  *+ Văn chính luận chiếm vị trí vô cùng quan trọng trong sự nghiệp văn thơ của Người.*  - GV lưu ý HS về bối cảnh ra đời của VB:  *Giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp gian khổ (1951), Chủ tịch Hồ Chí Minh viết văn bản này nhằm biểu dương tinh thần yêu nước, động viên các tầng lớp nhân dân.* | ***2. Tìm hiểu chung***  ***a) Tác giả***  - *Tên đầy đủ*: Hồ Chí Minh.  - *Quê quán*: Nam Đàn, Nghệ An.  - *Năm sinh – năm mất*: 1890 – 1969.  - *Thể loại sáng tác*: Văn chính luận, thơ ca.  - *Tác phẩm tiêu biểu:* *Ngục trung nhật kí, Đường kếch mệnh, Bán án chế độ thực dân Pháp,…*  ***b) Tác phẩm***  - *Xuất xứ*: Trích trong *Báo cáo Chính trị* của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Đại hội lần thứ II, tháng 2 năm 1951 của Đảng Lao động Việt Nam họp tại Việt Bắc trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp.  *- Bố cục:*  + Phần (1) – Mở bài: *Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ý kiến khái quát, khắng định dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước và nêu lên giá trị to lớn của lòng yêu nước ấy.*  + Phần (2) – Thân bài: *Người phát triển ý kiến nêu ở mở bài bằng cách chứng minh, làm sáng tỏ qua các lí lẽ và dẫn chứng* (chủ yếu là lấy dẫn chứng thực tế trong lịch sử dân tộc).  + Phần (3) – Kết bài: *Người nêu lên giá trị của lòng yêu nước và trách nhiệm của mỗi người dân*. |

**Hoạt động 3: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận: mục đích và nội dung chính; ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ của chúng qua đọc hiểu VB *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.*

**b. Nội dung:** GV linh hoạt hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi, thực hiện các nhiệm vụ trong SGK để tìm hiểu văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu mục đích của VB**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS tìm hiểu và trao đổi về câu hỏi: *+ Văn bản viết về vền đề gì?*  *+ Mục đích của văn bản này là gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận để xác định mục đích của VB.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **II. Đọc hiểu văn bản**  ***1. Mục đích của văn bản***  - Văn bản viết về vấn đề bàn về lòng yêu nước, được thể hiện ngay trong nhan đề của VB: *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.*  - Mục đích của VB rất sáng rõ: Chú tịch Hồ Chí Minh nêu lên và làm sáng tỏ ý kiến của mình về một vấn đề xã hội: *Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.* |
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung phần mở bài**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS phần 1 của VB và trả lời câu hỏi:  *+ Câu văn nào ở phần (1) khái quát được nội dung vấn đề nghị luận trong VB?*  *+ Vì sao phần (1) là phần mở bài?*  - Sau đó, GV yêu cầu HS: *Chỉ ra những nhận định chung về tinh thần yêu nước của nhân dân ta được Bác Hồ miêu tả.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng | ***2. Nội dung của văn bản***  ***2.1. Phần mở bài – đặt vấn đề***  - Câu văn khái quát nội dung vấn đề nghị luận: *Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước*  🡺 Đây chính là ý kiến, quan điểm, nội dung trọng tâm mà bài nghị luận sẽ làm sáng tỏ.  - Phần mở bài đã nêu lên nhận định chung về lòng yêu nước:  + Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước, chân thành và luôn sục sôi.  + Tinh thần yêu nước ấy kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn... nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước.  🡺 Gợi sức mạnh và khí thế mạnh mẽ của lòng yêu nước. |
| **Nhiệm vụ 3:** **Tìm hiểu nội dung phần thân bài**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc phần 2 của VB, thảo luận theo cặp đôi để hoàn thành các nhiệm vụ:  *+ Việc liệt kê tên các nhân vật lịch sử ở phần (2) có tác dụng gì?*  *+ Các dẫn chứng trong phần (2) được sắp xếp theo trình tự nào?*  *+ Mô hình liệt kê theo mẫu câu: “Từ...đến...” đã giúp tác giả thể hiện được điều gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tích cực trao đổi, thảo luận cặp đôi để hoàn thành các nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, nhóm HS khác lắng nghe và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng | ***2.3. Phần thân bài – giải quyết vấn đề***  - Việc liệt kê tên các nhân vật lịch sử có tác dụng chứng minh cho tinh thần yêu nước của nhân dân ta trong quá khứ.  - Các dẫn chứng trong phần (2) được sắp xếp theo:  + trình tự thời gian: *từ xưa đến nay.*  + lứa tuổi: *từ cụ già đến các cháu nhi đồng, từ những phụ nữ đến các bà mẹ,...*  + vùng miền: *từ miền ngược đến miền xuôi, từ đồng bào trong nước đến kiểu bào nước ngoài, từ tiền tuyết đến hậu phương,...*  🡺 Mô hình liệt kê theo mẫu “Từ...đến...” đã giúp tác giả thể hiện được sự đầy đủ, toàn diện, rộng khắp,... về các biểu hiện cho tình yêu nước của nhân dân ta. |
| **Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nội dung phần kết bài**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc và nêu nội dung chính của phần 3.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc và suy nghĩ trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS trả lời trước lớp, nhóm HS còn lại lắng nghe và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | ***3. Phần kết bài – tổng kết vấn đề***  - Bác Hồ chỉ ra những nhiệm vụ chính của nhân dân ở hiện tại: *Phải ra sức giải thích, tuyên truyền, tổ chức, lãnh đạo, làm cho tinh thần yêu nước của mọi người đều được thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến*.  🡺 Cần phải thể hiện lòng yêu thương bằng những việc làm cụ thể. |
| **Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng và mối quan hệ của chúng với mục đích VB**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS nhắc lại khái niệm lí lẽ và bằng chứng đã học ở lớp 6.  - Sau đó, GV hướng dẫn HS vận dụng để tìm vi dụ về ý kiến, phân biệt lí lẽ và bằng chứng của người viết được tác giả nêu trong VB.  - GV đặt câu thêm câu hỏi gợi mở: *Các lí lẽ, bằng chứng đã làm sáng tỏ mục đích ấy như thế nào?*  - GV phát cho HS phiếu học tập và yêu cầu HS thảo luận theo nhóm hoàn thành.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập**  Họ và tên:...................................  Nhóm:...........  *1. Ý kiến, lí lẽ và các bằng chứng được tác giả nêu trong VB:*   |  |  | | --- | --- | | **Ý kiến** | | | Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước | | | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | |  |  |   *2.* *Các lí lẽ, bằng chứng đã làm sáng tỏ mục đích ấy như thế nào?*  ...................................................................  ...................................................................  ................................................................... |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài nhóm HS lên báo cáo kết quả phiếu học tập của nhóm đã hoàn thành, yêu cầu HS các nhóm còn lại lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức và tổng hợp vào Phiếu học tập: | ***4. Ý kiến, lí lẽ, dẫn chứng và mối quan hệ của chúng với mục đich VB***  - Phiếu học tập: *đính kèm dưới nhiệm vụ.* |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập**  Họ và tên:...................................  Nhóm:...........  *1. Ý kiến, lí lẽ và các bằng chứng được tác giả nêu trong VB:*   |  |  | | --- | --- | | **Ý kiến** | | | Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước | | | **Lí lẽ** | **Bằng chứng** | | Lịch sủ ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta. | Chúng ta có quyền tự hào vì những trang lịch sử vẻ vang thời đại Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung,... | | Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước | Từ các cụ già tóc bạc đên các cháu nhi đồng trẻ thơ, từ những kiều bào ở nước ngoài đến những đồng bào ở vùng bị tạm chiêm, từ nhân dân miền ngược đến nhân dân miền xuôi, ai cùng một lòng nồng nàn yêu nước, ghét giặc. | | Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý | Có khi được tửng bày trong tủ kính, trong bình pha lê, rõ ràng dễ thấy. Nhưng cũng có khi đực cất giấu kín đáo trong rương, trong hòm. |   *2.* *Các lí lẽ, bằng chứng đã làm sáng tỏ mục đích ấy như thế nào?*  Để làm rõ ý kiến ấy, Người đã dùng các lí lẽ và chủ yếu là bằng chứng có trong lịch sử và hiện thực cuộc kháng chiến của dân tộc, vô cùng sinh động, phong phú, toàn diện và đầy sức thuyết phục, không ai có thể bác bỏ được. Nghĩa là đã làm sáng tỏ được mục đích mà Người đã đặt ra. | | |
| **Nhiệm vụ 6: Tìm hiểu nghệ thuật và nội dung ý nghĩa.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Sau khi hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi thực hiện các nhiệm vụ, GV yêu cầu HS: *Nêu khái quát nổi bật đáng ghi nhớ của VB về nội dung và hình thức theo nhận thức của HS.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, suy nghĩ để tổng kết bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, nêu ý kiến của mình nhắm khái quát và tổng hợp đày đủ và sâu sắc hơn 🡺 Ghi lên bảng. | **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  Bài nghị luận đã làm rõ được vấn đề cần làm sáng tỏ: *Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước.*  ***2. Nghệ thuật***  Thể hiện rõ đặc điểm và yêu cầu của VB nghị luận xã hội:  - Nêu ý kiến, đưa ra lí lẽ và các bằng chứng cụ thể, sinh động, toàn diện để thuyết phục người đọc.  - Trình bày (bố cục văn bản) rõ, gọn và sáng sủa, dễ hiểu. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* đã học.

**b. Nội dung:** GV phát cho HS phiếu trắc nghiệm củng cố lại kiến thức đã học về VB *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.*

**c. Sản phẩm học tập:** Phiếu trắc nghiệm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV phát cho HS phiếu trắc nghiệm nhằm củng cố lại kiến thức đã học về VB *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.*

|  |
| --- |
| **Phiếu trắc nghiệm**  Họ và tên:....................................................................  ***Khoanh tròn trước đáp án đúng:***  **Câu 1.** Văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* thuộc thể loại nào?   1. Tự sư 2. Miêu tả 3. Biểu cảm 4. Nghị luận   **Câu 2.** Văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* được ra đời trong hoàn cảnh nào?   1. Trong cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên Mông. 2. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. 3. Trong cuộc kháng chến chống đế quốc Mĩ. 4. Trong cuộc kháng chiến chống phát-xít Nhật.   **Câu 3.** Văn bản nghị luận về nội dung gì?   1. Tinh thân yêu nước của nhân dân ta. 2. Truyền thống chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta. 3. Tinh thần đoàn kết trong xây dựng đất nước ta. 4. Truyền thống hiếu học của nhân dân ta.   **Câu 4.** Để chứng minh làm rõ tinh thần yêu nước của đồng bào ta ngày nay, tác giả đã nêu những biểu hiện của lòng yêu nước, đó là những biểu hiện nào?   1. Tất cả mọi người đều có lòng yêu nước 2. Từ tiền tuyến đến hậu phương đều có hành động yêu nước 3. Mọi nghề nghiệp, mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi đều thi đua yêu nước. 4. Cả ba phương án trên.   **Câu 5.** Trong bài văn trên, Bác Hồ viết về lòng yêu nước của nhân dân ta trong thời kì nào?   1. Trong quá khứ 2. Trong hiện tại 3. Trong quá khứ và hiện tại 4. Trong tương lai.   **Câu 6.** Đối tượng nào không xuất hiện trong bài văn *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta*?   1. Công chức 2. Chiến sĩ, công nhân. 3. Nông dân, điền chủ 4. Tư sản.   **Câu 7.** Biện pháp nghệ thuật đặc sắc của bài văn *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* là gi?   1. Sử dụng biện pháp so sánh. 2. Sử dụng biện pháp so sánh và liệt kê 3. Sử dụng biện pháp ẩn dụ. 4. Sử dụng biện pháp nhân hóa.   **Câu 8.** Bài văn *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* đề cập đến lòng yêu nước của nhân dân ta trong những lĩnh vực nào?   1. Trong việc xây dựng đất nước 2. Trong công cuộc chiến đấu chống kẻ thù xâm lược. 3. Trong việc giữ gìn sự giàu đẹp của tiếng Việt. 4. Tất cả đều đúng. |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS suy nghĩ và hoàn thành phiếu trắc nghiệm.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV một vài HS trình bày phiếu trắc nghiệm trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá thực hiện nhiệm vụ và chiếu đáp án cho HS đối chiếu và chỉnh sửa:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** |
| **D** | **B** | **A** | **D** | **C** | **D** | **B** | **D** |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng, liên hệ kiến thức đã học về bài *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* đến thực tiễn viết bài nghị luận của mình.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để nêu những bài học rút ra được về cách viết bài văn nghị luận một vấn đề xã hội.

**c. Sản phẩm học tập:** Chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu HS: *Qua văn bản này, em học được gì về cách viết bài văn nghị luận một vấn đề xã hội (lựa chọn vấn đề nghị luận, bố cục bài viết, lựa chọn và nêu bằng chứng, diễn đạt,...)?*

- GV lưu ý HS:

*+ Lựa chọn vấn đề nghị luận chính là lựa chọn đề tài. Có nhiều đề tài, trong đó, biết chọn các đề tài có ý nghĩa và liên quan nhiều đến đời sống HS là một yêu cầu trong viết văn nghị luận.*

*+ Các yêu cầu về bố cục, lựa chọn, nêu bằng chứng và diễn đạt trong văn nghị luận thì đã rõ.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV cho HS tìm hiểu và trao đổi, nêu ý kiến của mỗi HS.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS chia sẻ trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá nhiệm vụ và chốt lại kiến thức.

- Sau đó, GV nhắc lại những lưu ý về cách / chiến thuật đọc văn bản theo thể loại hoặc kiểu văn bản (như đã nêu ở mục *Chuẩn bị*).

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại bài *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta.*

+ Hướng dẫn đọc mở rộng và chuẩn bị bài tiếp theo: Đọc trước văn bản *Đức tỉnh giản dị của Bác Hồ* (Phạm Văn Đồng) và tìm hiểu theo mục *Chuẩn bị* trong bài đọc ấy.

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

## TIẾT 100+101: VĂN BẢN 2. ĐỨC TÍNH GIẢN DỊ CỦA BÁC HỒ

(Phạm Văn Đồng)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận: mục đích và nội dung chính; ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ của chúng.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- *Năng lực văn học*: Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghịp luận: mục đích và nội dung chính; ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ của chúng.

**3. Phẩm chất:**

- HS tự hào về truyền thống yêu nước; có lối sống giản dị, khiêm nhường và biết ơn những thế hệ đã hi sinh vì Tổ quốc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh và thông tin về Phạm Văn Đồng;

- Máy tính, máy chiếu, video clip;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình, từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Đức tính giản dị của Bác Hồ.*

**b. Nội dung:** GV nêu câu hỏi gợi mở cho HS trả lời.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu câu hỏi gợi mở cho HS:

*+ Em hiểu sống giản dị là như thế nào?*

*+ Trong cuộc sống hằng ngày, em đã gặp một người có lối sống giản dị chưa?*

*+ Hãy giới thiệu về một người có lối sống giản dị mà em biết (ông bà, bố mẹ, hoặc thầy giáo, cô giáo, bạn bè cùng lớp,…)*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi gợi mở.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS trả lời trước lớp, yêu cầu HS còn lại lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi những HS có chia sẻ và câu trả lời thú vị.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Giản dị là một đức tính cao đẹp và quý giá. Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, dù ở bất kỳ cương vị nào, từ một người phụ bếp lúc ra đi tìm đường cứu nước, cho đến khi trở thành vị lãnh tụ, Bác Hồ vẫn giữ một nếp sống vô cùng giản dị. Đó cũng chính là điểm nổi bật trong phong cách, đạo đức của Người. Chúng ta đi vào tìm hiểu văn bản* ***Đức tính giản dị của Bác Hồ*** *của Phạm Văn Đồng để thấy được đức tính giản dị của Bác Hồ biểu hiện như thế nào cũng như hiểu rõ cách chứng minh của tác giả nhé!*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những kiến thức cơ bản về văn bản nghị luận và tác phẩm *Đức tính giản dị của Bác Hồ.*

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, đọc văn bản, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Đọc văn bản**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức cho HS đọc văn bản, đồng thời, kiểm tra việc đọc ở nhà của HS bằng cách yêu cầu HS tóm tắt văn bản, hoặc một vài thông tin nêu ở cột bên phải VB.  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp: *Tìm hiểu bối cảnh ra đời của bài viết một số thông tin về tác giả Phạm Văn Đồng và cuộc đời giản dị của Chủ tịch Hồ Chí Minh*.  - Từ đó, GV cho HS đọc lại một số đoạn văn bản và hướng dẫn HS theo các chú ý về kĩ thuật đọc đã nêu ở cột bên phải.  - GV lưu ý cho HS đọc diễn cảm VB.  - GV yêu cầu HS chỉ ra trình tự triển khai nội dung, từ đó, nêu bố cục và chí ra vấn đề được nêu trong mối phần của VB.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc văn bản và tìm hiểu thông tin về tác giả, tác phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài chia sẻ phần chuẩn bị, tìm hiểu của mình trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.  - GV bổ sung kiến thức, giới thiệu về tác giả Hồ Chí Minh.  *+ Phạm Văn Đồng (1890 – 1969) là nhà cách mạng, nhà văn hóa lớn, là một cộng cự gần gũi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, từng là Thủ tướng Chính phú trên 30 năm.*  *+ Tác phẩm của ông loi cuống người đọc bằng tư tưởng sâu sắc và giản di, tình cảm sôi nổi, lời văn trong sáng.*  *+ Do có điều kiện sống và làm việc bên cạnh Bác Hồ, ông đã viết nhiều tác phẩm về Bác. Các tác phẩm đó không chỉ nói về cuộc đời hoạt động các mạng và tư tưởng của vị lãnh tụ, mà còn chú ý đến con người, lối sống, phẩm chất đạo đức cao đẹp của Bác.*  - GV lưu ý HS về cuộc đời giản dị của Bác:  *Bứa ăn của Bác chỉ có vài ba món đơn giản, trang phục hàng ngày là bộ quần áo kaki màu nâu, đôi dép cao su. Không những vậy, Bác còn rất giản dị trong quan hệ với mọi người tạo nên sự gần gũi, thân thiết. Chúng ta sẽ cùng bước vào tìm hiểu chi tiết văn bản để thấy rõ hơn đức tính giản dị của Bác nhé!* | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  ***1. Đọc văn bản***  ***2. Tìm hiểu chung***  ***a) Tác giả***  - *Tên đầy đủ*: Phạm Văn Đồng.  - *Quê quán*: Mộ Đức, Quảng Ngãi.  - *Năm sinh – năm mất*: 1906 – 2000.  - *Thể loại sáng tác*: Văn chính luận.  - *Tác phẩm tiêu biểu về Bác Hồ:* *Hồ Chủ tịch, hình ảnh của dân tộc (1948), Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại (1970),…*  ***b) Tác phẩm***  - *Xuất sứ:* Trích từ diễn văn *Chú tịch Hồ Chí Minh, tinh hoa và khí phách của dân tộc, lương tâm của thời đại* đọc trong Lễ kỉ niệm 80 năm ngày sinh của Bác Hồ (1970).  *- Trình tự triển khai:* Nêu nhận định chung, sau đó chứng minh lối sống giản dị của Bác qua các phương diện.  *- Bố cục: 4 phần*  + Phần (1): *Nêu nhận định chung về đức tính giản dị của Bác.*  + Phần (2): *Sư giản dị của Bác trong đời sống và trong quan hệ với mọi người.*  + Phần (3): *Lời bình luận về lối sống vật chất và tinh thần giản dị của Bác*  *+* Phần (4): *Sự giản dị của Bác trong lời nói và bài viết.* |

**Hoạt động 3: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận: mục đích và nội dung chính; ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ của chúng qua đọc hiểu VB *Đức tính giản dị của Bác Hồ.*

**b. Nội dung:** GV linh hoạt hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi, thực hiện các nhiệm vụ trong SGK để tìm hiểu văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học *Đức tính giản dị của Bác Hồ.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu vấn đề chính của VB**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS tìm hiểu:  *+ Quan điểm của tác giả Phạm Văn Đồng trong VB là gì?*  *+ Người viết đã làm sáng rõ quan điểm đó từ những phương diện nào trong đời sống và con người của Bác?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận để xác định mục đích của VB.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **III. Đọc hiểu văn bản**  ***1. Vấn đề chính của văn bản***  - Vấn đề của văn bản nghị luận này thể hiện rõ ngay ở tên văn bản (nhan đề): *Đức tính giản dị của Bác Hồ*. Cụ thể hơn, tác giả muốn nêu lên vấn đề: *“Điều rất quan trọng cần phải làm nổi bật là sự nhất quán giữa đời hoạt động chính trị lay trời chuyển đất với đời sống bình thường vô cùng giản dị và khiêm tốn của Hồ Chủ tịch.”.*  - Để làm sáng tỏ ý kiến đó, tác giả đã nêu lên các phương diện sau:  + *giản dị trong đời sống* (ăn, mặc, làm việc và sinh hoạt hằng ngày).  + *giản dị trong quan hệ với mọi người và giản dị trong nói, viết*. |
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nhận định chung về đức tính giản dị của Bác**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc phần 1 và thực hiện nhiệm vụ:  *+ Phần (1) nêu vấn đề trực tiếp hay gián tiếp?*  *+ Tìm câu văn chứa đựng thông tin chính.*  *+ Tác giả đã có lời bình như thế nào về phẩm chất của Bác?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ để thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng | ***2. Nội dung của văn bản***  ***2.1. Nhận định chung về đức tính giản dị của Bác***  - Phần (1) nêu vấn đề trực tiếp.  - Câu văn chứa thông tin chính: *“Điều rất quan trọng cần phải làm nổi bật là sự nhất quán giữa đời hoạt động chính trị lay trời chuyển đất với đời sống bình thường vô cùng giản dị và khiêm tốn của Hồ Chủ tịch.”.*  - Lời binh sâu sắc về nét phẩm chất tốt đẹp của Bác: *Bác Hồ vẫn giữ nguyên phấm chất cao đẹp của một người chiến sĩ cách mạng, tất cả vì dân, vì sự nghiệp lớn, trong sáng, thanh bạch, tuyệt đẹp.* |
| **Nhiệm vụ 3:** **Tìm hiểu sự giản dị của Bác trong đời sống và trong quan hệ với mọi người***.*  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc phần 2 của VB, thảo luận theo cặp đôi để hoàn thành các nhiệm vụ:  *+ Lí lẽ được dùng kết hợp với dẫn chứng trong phần (2) như thế nào?*  *+ Nhận xét về cách viết nghị luận của tác giả ở phần (2). Theo em, điều gì đã làm nên sức thuyết phục của phần này?*  - GV phát cho HS *Phiếu học tập* và yêu cầu HS hoàn thành nhiệm vụ 1 và 2 trong phiếu tìm những lí lẽ, bằng chứng về sự giản dị của Bác Hồ trong đời sống và trong quan hệ với mọi người.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập**  Họ và tên:......................................  ***1. Sự giản dị của Bác Hồ trong đời sống:***   |  |  | | --- | --- | | Bữa cơm |  | | Đồ dùng |  | | Ngôi nhà |  | | Làm việc |  |   ***2. Sự giản dị của Bác Hồ trong mối quan hệ với mọi người:***  ......................................................................  ......................................................................  ......................................................................  ***3. Sự giản dị của Bác Hồ trong lời nói và bài viết:***  ......................................................................  ......................................................................  ...................................................................... |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tích cực trao đổi, thảo luận cặp đôi để hoàn thành các nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, nhóm HS còn lại lắng nghe và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | ***2.2. Sự giản dị của Bác trong đời sống và trong quan hệ với mọi người****.*  - Tác giả đưa ra hệ thống lí lẽ kết hợp với dẫn chứng trong phần (2) theo lối song hành với nhau.  - Trong phần (2), tác giả đi sâu vào chứng minh cho đời sống giản dị của Bác Hồ qua các bằng chứng cụ thể về đời sống và trong quan hệ với mọi người.  - Các lí lẽ và bằng chứng trong VB rất cụ thể, rõ ràng, phong phú và sinh động nên rất thuyết phục với người đọc về lối sống giản dị của Bác, cũng làm sáng tỏ được mục đích bài viết của tác giả.  - Những lí lẽ, bằng chứng về sự giản dị của Bác Hồ trong đời sống và trong quan hệ với mọi người: *Phiếu học tập đính kèm phía dưới nhiệm vụ.* |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập**  Họ và tên:......................................  ***1. Sự giản dị của Bác Hồ trong đời sống:***   |  |  | | --- | --- | | Bữa cơm | Chỉ có vài ba món, lúc ăn không để rơi vãi một hột nào, thức ăn còn lại được sắp xếp tươm tất. | | Đồ dùng | Cái bát bao giờ cũng sạch, Bác quý trọng kết quả sản xuất của con người và kính trọng người phục vụ. | | Nhà ở | Nhà sàn vỏn vẹn ba phòng, nhà luôn lộng gió và ánh sáng, phảng phất hương thơm của hoa, đời sống thanh bạch và tao nhã. | | Làm việc | Suốt đơi làm việc, suốt ngày làm việc, làm từ những việc lớn đến viêc nhỏ, những việc Bác có thể làm thì không cần đến sự giúp đỡ của người khác. |   ***2. Sự giản dị của Bác Hồ trong mối quan hệ với mọi người:***  Bác viết thư cho một đồng chí, nói chuyện với các cháu thiếu nhi, đặt tên cho các anh lính gác, thăm nhà tập thể công nhân,... | | |
| **Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu lời bình luận về lối sống vật chất và tinh thần giản dị của Bác**  - GV yêu cầu HS đọc và cho biết: *Phần (3) nêu lên lí lẽ hay bằng chứng? Vì sao?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc và suy nghĩ trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS trả lời trước lớp, nhóm HS còn lại lắng nghe và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | ***2.3. Lời bình luận về lối sống vật chất và tinh thần giản dị của Bác***  - Phần (3) sử dụng hệ thống luận điểm, luạn cứ để chứng minh, kết hơp bình luận, giải thích sâu sắc:  *+ Sự khắc khổ của Bác không nằm ở lối sống khắc khổ của nhà tu hành, các nhà hiền triết.*  *+ Sự giản dị về đời sống vật chất làm nổi bất sự phong phú về đời sống tinh thần, tâm hồn, tình cảm của Bác.* |
| **Nhiệm vụ 5: Tìm hiểu *sự giản dị của Bác trong lời nói và bài viết.***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc phần 4 và hoàn thành nốt ở nhiệm vụ 3 trong phiếu học tập tìm hiểu về sự giản dị của Bác trong lời nói và bài viết.  - và trả lời câu hỏi: *Để người đọc hiểu sâu sắc hơn về đức tính giản dị của Bác và sức mạnh của phẩm chất cao quý đó, người viết đã thuyết phục như thế nào?*  - GV yêu cầu HS chú ý vào kết thúc VB và đặt câu hỏi cho HS thảo luận đưa ra ý kiến: *Theo em, tác giả muốn khẳng định điều gì qua câu kết “Những chân lí giản dị mà sâu sắc đó lúc thâm nhập vào quả tim và bộ óc của hàng triệu con người đang chờ đợi nó, thì đó là sức mạnh vô địch, đó là chú nghĩa anh hùng cách mạng”?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm để hoàn thành phiếu học tập và trả lời các câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài nhóm HS lên báo cáo kết quả phiếu học tập đã hoàn thành, yêu cầu HS các nhóm còn lại lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, và kết luận để HS ghi nhớ: *Các câu kết của văn bản nghị luận thường có ý nghĩa rất sâu sắc, nâng cao giá trị, tư tưởng, quan điểm của người viết.*  - GV tổng hợp kết quả vào Phiếu học tập: | ***2.4. Sự giản dị của Bác trong lời nói và bài viết.***  - Những lí lẽ, bằng chứng về sự giản dị của Bác Hồ trong lời nói và bài viết *Phiếu học tập đính kèm phía dưới nhiệm vụ.*  - Phần (4) như nhấn mạnh thêm sự nhất quán trong đức tính giản dị của Bác. Tác giả dùng cách nêu lí lẽ: *Bác không những giản dị trong đời sống và quan hệ với mọi người mà còn giản dị trong cả cách viết, cách nói.* Từ các ví dụ cụ thể mà nhận xét, bình luận khái quát về sức mạnh của cách viết, cách nói giản dị ấy.  - Câu văn kết thúc văn bản *“Những chân lí giản dị ... anh hùng cách mạng”* muốn khái quát, khẳng định về sức mạnh to lớn trong cách nói, cách viết giản dị của Bác Hồ. |
| |  | | --- | | **Phiếu học tập**  Họ và tên:...................................  Nhóm:...........  ***3. Sự giản dị của Bác Hồ trong lời nói và bài viết:***  Trích đoạn lời nói, bài viết của Bác với chân lý giản dị, gần gũi, thân thuộc trong bản Tuyên ngôn độc lập “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một... không bao giờ thay đổi’, mang sức mạnh vô địch, chủ nghĩa anh hùng cách mạng. | | |
| **Nhiệm vụ 6: Tìm hiểu nghệ thuật và nội dung ý nghĩa.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Sau khi hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi thực hiện các nhiệm vụ, GV yêu cầu HS: *Nêu khái quát nổi bật đáng ghi nhớ của VB về nội dung và hình thức theo nhận thức của HS.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, suy nghĩ để tổng kết bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, nêu ý kiến của mình nhắm khái quát và tổng hợp đầy đủ và sâu sắc hơn 🡺 Ghi lên bảng. | **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  Bài nghị luận khẳng định lối sống giản dị của Bác Hồ và sức tác động to lớn của lối sống ấy.  ***2. Nghệ thuật***  Thể hiện rõ đặc điểm và yêu cầu của VB nghị luận xã hội:  - Cách nêu lí lẽ và bằng chứng phong phú, giàu sức thuyết phục.  - Trình bày (bố cục văn bản) rõ, gọn và sáng sủa, dễ hiểu. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản *Đức tính giản dị của Bác Hồ* đã học.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ tư duy hoặc lập bảng hệ thống các lí lẽ, dẫn chứng chứng minh cho luận điểm chính trong VB.

**c. Sản phẩm học tập:** Sơ đồ tư duy hoặc bảng hệ thống mà HS lập được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm để vẽ sơ đồ tư duy hoặc lập bảng hệ thống các lí lẽ, dẫn chứng chứng minh cho luận điểm chính trong VB.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS thảo luận, lên ý tưởng và hoàn thành nhiệm vụ theo yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV một vài nhóm HS trình bày sản phẩm của nhóm trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá thực hiện nhiệm vụ và chiếu sơ đồ tư duy cho HS tham khảo

Đức tính giản dị của Bác Hồ

Trong tác phong

Trong lời nói và bài viết

Trong quan hệ với mọi người

Trong đời sống

*Bữa cơm và đồ dùng:*

- chỉ có vài ba món

- lúc ăn không để rơi một hột

- cái bát bao giờ cũng sạch

- thức ăn còn lại đều được sắp xếp tươm tất

- chân lý giản dị, gần gũi, thân thuộc trong bản Tuyên ngôn độc lập “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một... không bao giờ thay đổi’...

- viết thư cho một đồng chí

- nói chuyện với các cháu thiếu nhi

- đặt tên cho các anh lính gác

- thăm nhà tập thể công nhân,...

- suốt đời làm việc, suốt ngày làm việc

- làm từ những việc lớn đến viêc nhỏ

- những việc có thể làm thì không cần đến sự giúp đỡ của người khác.

*Ngôi nhà:*

- vỏn vẹn chỉ vài ba phòng

- lúc nào cũng chan hòa ánh sáng, phảng phất hương thơm, cùng tâm hồn thanh bạc, tao nhã.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng, liên hệ kiến thức đã học về bài *Đức tính giản dị của Bác Hồ* để rút ra cách hiểu về đức tính giản dị và liên hệ với cuộc sống của bản thân.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn trình bày suy nghĩ, cách hiểu về đức tính giản dị và liên hệ với cuộc sống của bản thân cách rèn luyện đức tính giản dị.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu HS về nhà: *Qua văn bản, em hiểu như thế nào là giản dị? Hãy viết đoạn văn ngắn (khoảng 7 – 10 câu) trình bày cách hiểu của em về đức tính giản dị và liên hệ bản thân về cách rèn luyện đức tính ấy.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe và viết đoạn văn theo yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV yêu cầu HS báo cáo vào buổi học sau. .

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá nhiệm vụ và chốt lại kiến thức.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại bài *Đức tính giản dị của Bác Hồ.*

+ Đọc và soạn trước bài ***Thực hành tiếng Việt*** trang 43 SGK.

## TIẾT 102+103: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

**LIÊN KẾT, MẠCH LẠC TRONG VĂN BẢN**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS phân tích được tính mạch lạc, tính liên kết của VB.

- HS xác định và phân tích vị ngữ mở rộng.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập phân tích tính mạch lạc, liên kết của VB; xác định, phân tích vị ngữ mở rộng.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**3. Phẩm chất:**

- Thái độ học tập nghiêm túc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *về tính mạch lạc và liên kết của văn bản.*

**b. Nội dung:** GV yêu cầu nhận diện phép liên kết của vân bản qua giải bài tập

**c. Sản phẩm:** HS nhận diện được liên kết văn bản.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu lên bảng câu *“Tôi đến trường, em Lan bị ngã”* và đặt câu hỏi cho HS:

*+ Câu trên có mấy thông tin? Các thông tin có liên quan đến nhau không?*

*+ Em sẽ sửa câu đó như thế nào?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV bốc thăm ngẫu nhiên và gọi một số HS trả lời câu hỏi, HS khác lắng nghe và bổ sung:

*+ Câu văn trên có hai thông tin, không liên quan đến nhau 🡺 Gây khó hiểu.*

*+ Sửa câu: Trên đường đến trường, tôi nhìn thấy em Lan bị ngã.*

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS có sự chuẩn bị bài tốt,

- từ đó, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Để văn bản dễ hiểu, có ý nghĩa và ránh mạch, hợp lí không chỉ có tính chất liên kết chặt chẽ, mà còn phải có sự sắp xếp, trình bày các câu, đoạn theo một trình tự hợp lí, hay đó còn gọi là mạch lạc trong văn bản. Chúng ta hãy cùng đi tìm hiểu sâu hơn về tính mạch lạc, liên kết trong văn bản trong bài học* ***Thực hành tiếng Việt*** *ngày hôm nay, thông qua việc củng cổ kiến thức và giải quyết các bài tâp luyện tập và vận dụng nhé!*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Xác định các khái niệm mạch lạc, liên kết.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS dựa vào nội dung trình bày ở phần Kiến thúc ngữ văn để tình bày về khái niệm mạch lạc, liên kết.

**c. Sản phẩm học tập:** HS nắm được các khái niệm và ví dụ về mạch lạc, liên kết.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *-* GV yêu cầu HS đọc lại phần *Kiến thức ngữ văn* trong trang 36 SGK để xác định khái niệm mạch lạc, liên kết.  - GV lưu ý HS chú ý vào những ví dụ về tính mạch lạc, liên kết đã được trình bày trong phần Kiến thức ngữ văn để HS phân tích lãm rõ, khắc sâu và ghi nhớ các khái niệm.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** HS suy nghĩ và thực hiện yêu cầu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS đại diện lớp tình bày, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức 🡺 Ghi lên bảng | **I. Liến kết và mạch lạc trong văn bản**  ***1. Liên kết***  - Là sự thể hiện mối quan hệ về nội dung giữa các câu, các đoạn, các phần của VB bằng phương tiện ngôn ngữ thích hợp.  ***2. Mạch lạc***  - Là sự thống nhất về chủ đề chủ đề và tính lô gíc của VB.  - Một VB được coi là có tính mạch lạc khi các phần, các đoạn, các câu của VB đều nói về một chú đề và được sắp xếp theo một trình tự hợp lí. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**Hoạt động 1: Phân tích tính mạch lạc, tính liên kết trong văn bản**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức, kĩ năng về phân tích tính mạch lạc, liên kết của VB

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn cho HS suy nghĩ, trao đổi để giải quyết bài tập 1, 2 trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành bài tập 1, 2 trong sách giáo khoa.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1: BT1 SGK/42**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

*-* GV hướng dẫn HS thảo luận theo nhóm làm rõ tính mạch lạc của VB *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* (Hồ Chí Minh) bằng cách chứng minh qua các câu hỏi:

*+ Các phần, các đoạn, các câu của VB này đều nói về chú đề tinh thần yêu nước của nhân dân ta như thế nào?*

*+ Các phần, các đoạn, các câu của VB này được sắp xếp theo một trình tự hợp lí như thế nào?*

*-* GV gợi ý cho các nhóm hoàn thành nhiệm vụ vào *Phiếu bài tập* số 1:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu bài tập số 1**  Họ và tên:..................................................................  Nhóm:................  Hãy lãm rõ tính mạch lạc của VB *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* (Hồ Chí Minh) bằng cách chứng minh các phần, các đoạn, các câu của VB này:   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Chú đề** | **Trình tự** | | Phần mở đầu (Đoạn 1) |  |  | | Phần thứ hai (Đoạn 2, 3) |  |  | | Phần cuối (Đoạn 4) |  |  | |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS thảo luận và thực hiện theo hướng dẫn của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài nhóm HS tình bày phần thảo luận nhóm, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và tổng hợp vào Phiếu bài tập số 1:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu bài tập số 1**  Họ và tên:..................................................................  Nhóm:................  Hãy lãm rõ tính mạch lạc của VB *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* (Hồ Chí Minh) bằng cách chứng minh các phần, các đoạn, các câu của VB này:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | **Chú đề** | | **Trình tự** | | Phần mở đầu (Đoạn 1) | Tác giả khẳng định *tinh thần yêu nước là một truyền thống quý báu của nhân dân ta* và chỉ ra một cách khái quát truyền thống đó được thể hiện qua suốt chiều dài lịch sử (*từ xưa đến nay*), nhất là *mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng.* | | Nêu khái quát về truyền thống yêu nước của nhân dân ta | | Phần thứ hai (Đoạn 2, 3) | Tác giả chứng minh cụ thể *tinh thần yêu nước của nhân dân ta* thể hiện qua các giai đoạn lịch sử: | | Làm rõ ý nghĩa khái quát ở phần mở đầu bằng việc chứng minh tinh thần yêu nước của nhân dân ta thể hiện qua các giai đoạn lịch sử (từ thời xa xưa đến hiện đại) | | Ở đoạn 2*, tinh thần yêu nước của nhân dân ta* được tác giả chứng minh qua lịch sử của thời xa xưa với bằng chứng hùng hồn là các cuộc kháng chiến vĩ đại gắn với tên tuổi của những vị anh hùng dân tộc như Hai Bà Trưng, Bà Triệu, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung.... | Ở đoạn 3, *tinh thần yêu nước của nhân dân ta* tiếp tục được tác giả đề cập và chứng minh qua lịch sử hiện đại với bằng chứng là sự hết lòng tham gia, ủng hộ kháng chiến của đông đảo các tầng lớp đồng bào ở trong và ngoài nước bằng những hoạt động, *những cử chỉ cao quý tuy khác nhau nơi việc làm, nhưng đều giống nhau nơi lòng nồng nàn yêu nước.* | | Phần cuối (Đoạn 4) | Tác giả vẫn nói về tinh *thần yêu nước của nhân dân ta*, tác giả khẳng định đây là *những thứ quý báu* nhưng chưa được bộc lộ, chưa được khai thác hết, mà bổn phận của mỗi người chúng ta là phải làm cho chúng được bộc lộ và thực hành vào công việc yêu nước, công việc kháng chiến. | | Khẳng định giá trị quý báu của truyền thống yêu nước và xác định trách nhiệm của mỗi người dân đối với Tổ quốc. | |

**Nhiệm vụ 2: BT2 SGK/42-43**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

*-* GV hướng dẫn HS thảo luận theo 2 nhóm phân tich làm rõ tính liên kết của VB *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* (Hồ Chí Minh) với các yêu cầu cụ thể:

*+ Nhóm 1: Xác định những từ ngữ được dùng làm phương tiện liên kết câu trong đoạn 1 và đoạn 2.*

*+ Nhóm 2: Xác định những câu có tác dụng iên kết đoạn văn chưa chung với đoạn văn đứng trước trong văn bản.*

*-* GV gợi ý cho các nhóm hoàn thành nhiệm vụ vào *Phiếu bài tập* số 2:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu bài tập số 2**  Họ và tên:..................................................................  Nhóm:................  Hãy phân tich làm rõ tính liên kết của VB *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* (Hồ Chí Minh):   1. *Xác định những từ ngữ được dùng làm phương tiện liên kết câu trong đoạn 1 và đoạn 2.*  |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Đoạn 1** | **Đoạn 2** | | Các từ ngữ được dùng làm phương tiện liên kết |  |  | |  |  1. *Xác định những câu có tác dụng iên kết đoạn văn chưa chung với đoạn văn đứng trước trong văn bản.*  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu có tác dụng liên kết** | **Câu cụ thể** | **Biện pháp liên kết** | | Đoạn 2 với đoạn 1 |  |  | | Đoạn 3 với đoạn 2 và đoạn 1 |  |  | | Đoạn 4 với các câu đoạn văn trước |  |  | |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS thảo luận theo nhóm và thực hiện theo hướng dẫn của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài nhóm HS tình bày phần thảo luận nhóm, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và tổng hợp vào Phiếu bài tập số 2:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu bài tập số 2**  Họ và tên:..................................................................  Nhóm:................  Hãy phân tich làm rõ tính liên kết của VB *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* (Hồ Chí Minh):   1. *Xác định những từ ngữ được dùng làm phương tiện liên kết câu trong đoạn 1 và đoạn 2.*  |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Đoạn 1** | **Đoạn 2** | | Các từ ngữ được dùng làm phương tiện liên kết | Đại từ *đó* (thay thế cho câu 1), đại từ *ấy* (thay thế cho cụm từ nồng nàn yêu nước. Trong đoạn văn này, tác giả còn sử dụng đại từ *nó*, nhưng đại từ này được sử dụng để liên kết các về câu trong câu ghép. *“Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, so lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”.* Nó cũng có tác dụng tăng cường sự liên kết giữa các câu trong đoạn văn, nhất là trong văn nói, nhưng đó không phải là tác dụng chính. | Tử được lập, làm phương tiện liên kết câu 2, câu 3 với nhau và với câu 1 là *chúng ta, lịch sử.* Trong câu 3, cụm từ được dùng để thay thế cho tên các nhân vật lịch sử đã nêu ở câu 2 là *các vị anh hùng dân tộc*. Cụm từ này là một phương tiện liên kết cấu 3 với câu 2. | | + Từ đồng nghĩa *tinh thần* (thay thế cho *làng*). Việc sử dụng phép thể thể hiện ở các từ ngữ cụ thể trên đây có tác dụng liên kết câu 2 với câu 1 trong đoạn văn. |  1. *Xác định những câu có tác dụng iên kết đoạn văn chưa chung với đoạn văn đứng trước trong văn bản.*  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu có tác dụng liên kết** | **Câu cụ thể** | **Biện pháp liên kết** | | Đoạn 2 với đoạn 1 | *“Lịch sử ta đã có nhiều cuộc kháng chiến vĩ đại chứng tỏ tinh thần yêu nước của dân ta”.* | phép lặp (lập cụm từ *dân ta* đã xuất hiện ở đoạn 1) | | Đoạn 3 với đoạn 2 và đoạn 1 | *“Đồng bào ta ngày nay cũng rất xứng đáng với tổ tiên ta ngày trước”.* | - phép lặp(lặp từ *ta* đã xuất hiện ở đoạn 1 và đoạn 2)  - phép thế (thay thế từ *dân* ở đoạn 1, đoạn 2 bằng từ đồng nghĩa: *đồng bào*). | | Đoạn 4 với các câu đoạn văn trước | *“Tinh thần yêu nước cũng như các thứ của quý”.* | phép lặp (lặp hai từ *yêu nước*, cụm từ *tinh thần yêu nước* đã xuất hiện ở các đoạn văn trước đó). | |

**Hoạt động 2: Tìm, phân tích vị ngữ là cụm động từ**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức, kĩ năng về xác định và phân tích vị ngữ là cụm động từ.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn cho HS suy nghĩ, trao đổi để giải quyết bài tập 3 trong SGK

**c. Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành bài tập 3trong sách giáo khoa.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

*-* GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu theo 2 nhóm: tìm vị ngữ là cụm động trong hai câu đã cho trong BT3 SGK/43, xác định động từ trung tâm và thành tố phụ là cụm chủ vị từ trong mỗi vị ngữ.

*+ Nhóm 1: Câu a*

*+ Nhóm 2: Câu b*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS thảo luận theo nhóm và thực hiện theo hướng dẫn của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài nhóm HS trình bày phần thảo luận nhóm, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện và chiếu đâp án cho HS đối chiếu, chỉnh sửa:

+ Ở câu a), vị ngữ là cụm động từ *càng thấy Bác quý trọng biết bao kết quả sản xuất của con người và kính trọng như thế nào người phục vụ*, có trung tâm là thấy và thành tố phụ là cụm chủ vị *Bác quý trọng biết bao kết quả sản xuất của con người và kính trọng như thế nào người phục vụ*.

+ Ở câu b), vị ngữ là cụm động từ *chớ hiểu lầm rằng Bác sống khắc khổ theo lối nhà tu hành, thanh tạo theo kiểu nhà hiền triết ẩn dật*, có trung tâm là hiểu và thành tố phụ là cụm chủ vị *Bác sống khắc khổ theo lối nhà tu hành, thanh tạo theo kiểu nhà hiền triết ẩn dật.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về tính mạch lạc và liên kết trong văn bản để giải quyết bài tập theo yêu cầu GV.

**b. Nội dung:** GV cho HS viết đoạn văn nêu cảm ngỉ về một văn bản nghị luận đã học trong đó chỉ ra tính mạch lạc và liên kết được sử dụng.

**c. Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành đoạn văn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: *Viết một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng) nêu cảm nghĩ của em về một vấn bản nghị luận đã học. Chỉ ra tỉnh mạch lạc và các biện pháp liên kết được sử dụng trong đoạn văn đó*

- GV hướng dẫn HS lần lượt thực hiện các yêu cầu:

*+ Viết một đoạn văn nêu cảm nghĩ về một văn bản nghị luận xã hội đã học (đảm bảo tính mạch lạc, tính liên kết):* GV có thể hướng dẫn HS viết một đoạn văn nêu cảm nghĩ về văn bản *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta (Hồ Chí Minh)* vừa được học (dựa vào kết quả thực hiện các bài tập 1, 2) theo gợi ý sau*: “Tinh thần yêu nước của nhân dân ta (Hồ Chí Minh) là một trong những văn bản có giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật. Về nội dung, văn bản này đã khẳng định và chứng minh bằng thực tiễn lịch sử một chân lí lớn: Yêu nước là một truyền thống quý báu của dân tộc ta. Về nghệ thuật, nét nổi bật ở văn bản này là được trình bày một cách hết sức mạch lạc và có tính liên kết rất chặt chẽ ”.*

*+ Chỉ ra tỉnh mạch lạc và các biện pháp liên kết được sử dụng trong đoạn văn đã viết:*

* *Tính mạch lạc: Các câu trong đoạn văn đều nói về một chủ đề: giá trị đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản* ***Tĩnh thần yêu nước của nhân dân ta*** *(Hồ Chí Minh).*
* *Các biện pháp liên kết: Các câu trong đoạn văn có sự liên kết chặt chẽ với nhau bằng phép lặp (lặp các từ* ***văn bản, nội dung, nghệ thuật, yêu nước****) và phép thế (thay thế tên văn bản bằng đại từ* ***này****).*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV để viết đoạn văn theo yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS lên đọc đoạn văn của mình trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Hoàn thành các bài tập trong sách bài tập Ngữ văn 7 tập 2.

+ Đọc trước ở nhà văn bản ***Tượng đài vị đại nhất***(Uông Ngọc Dậu) và thực hiện các nhiệm vụ nêu ở mục Chuẩn bị, trong khi đọc và sau khi đọc văn bản.

**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

## TIẾT 104: VĂN BẢN 3. TƯỢNG ĐÀI VĨ ĐẠI NHẤT

(Uông Ngọc Dậu)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận: mục đích và nội dung chính; ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ của chúng.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- *Năng lực văn học*: Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghịp luận: mục đích và nội dung chính; ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ của chúng.

**3. Phẩm chất:**

- HS tự hào về truyền thống yêu nước; có lối sống giản dị, khiêm nhường và biết ơn những thế hệ đã hi sinh vì Tổ quốc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh và thông tin về Uông Ngọc Dậu;

- Máy tính, máy chiếu, video clip;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Tượng đài vĩ đại nhất.*

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS liên hệ VB *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* và hiểu biết của em về những tấm gương hi sinh cao cả của những lớp người để hiểu thêm VB nghị luận.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV hướng dẫn HS liên hệ VB *Tinh thần yêu nước của nhân dân ta* và hiểu biết của em về những tấm gương hi sinh cao cả của những lớp người đi trước để hiêu thêm VB nghị luận.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ và liên hệ theo yêu cầu của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời số HS chia sẻ câu trả lời cho câu hỏi gợi mở trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS có chia sẻ hay và thú vị.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Tinh thần yêu nước, sẵn sàng chiến đấu hi sinh vì đất nước, vì độc lập dân tộc nhấn mạnh, thể hiện sự tự hào niềm tin mãnh liệt vào đất nước, dân tộc. Tát cả đều là những nôi dung chúng ta sẽ cùng nhàu tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay trong văn bản* ***Tượng đài vĩ đại nhất.***

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và kiểm tra việc đọc của HS**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả Uông Ngọc Dậu, tác phẩm *Tượng đài vĩ đại nhất.*

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS dựa vào các nội dung nêu ở cột bên phải VB để kiểm tra việc đọc ở nhà của HS và hướng dẫn HS tìm hiểu những thông tin về tác giả Uông Ngọc Dậu, tác phẩm *Tượng đài vĩ đại nhất..*

**c. Sản phẩm học tập:** HS đọc văn bản, nêu được một số nét về tác giả Uông Ngọc Dậu và thông tin tác phẩm *Tượng đài vĩ đại nhất.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS dựa vào các nội dung nêu ở cột bên phải VB để kiểm tra việc đọc ở nhà của HS.  - GV yêu cầu HS dựa vào sư chuẩn bị ở nhà và thông tin trong SGK đẻ tìm hiểu về tác giả Uông Ngọc Dậu, tìm hiểu thông tin về thời điểm bài viết ra đời thông qua câu hỏi gợi mở: *Thời điểm 27-7 được nêu ở cuối bài giúp em hiểu thêm gì về nội dung bài viết?*  - GV yêu cầu HS phân chia bố cục cho VB và đặt tên cho từng phần.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc bài và thực hiện theo yêu cầu GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2-3 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  - GV kết luận về thời điểm ra đời bài viết: *Thời điểm 27-7 được nêu ở cuối bài giúp chúng ta hiểu thêm về sự hi sinh cao cả của những người chiến sĩ để chúng ta có cuộc sống như ngày hôm nay.* | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tìm hiểu chung**  ***a) Tác giả***  - *Tên đầy đủ*: Uông Ngọc Dậu.  - *Quê quán*: Thanh Hóa.  - *Năm sinh*: 1957.  - *Thể loại sáng tác*: Báo chí.  ***b) Tác phẩm***  - *Xuất xứ*: In trong *“Bình luận 6 giờ”,* NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2017.  - Bố cục: 4 phần  + Phần 1: Từ đầu đến “truyền từ đời này sang đời khác”: Những truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam..  + Phần 2: Tiếp đến “hàng triệu tâm tư”: Sự hóa thân của những người anh hùng vào sông núi, dáng hình đất nước.  + Phần 3: Tiếp đến “lên mỗi sáng, bình minh”: Những người luôn ngẩng cao đầu, oai hùng, không lo sợ, sẵn sàng hi sinh vì Tổ quốc.  + Phần 4: Còn lại: Tượng đài vĩ đại nhất. |

**Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận: mục đích và nội dung chính; ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối quan hệ của chúng qua đọc hiểu VB *Tượng đài vĩ đại nhất.*

**b. Nội dung:** GV linh hoạt hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi, thực hiện các nhiệm vụ trong SGK để tìm hiểu văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học *Tượng đài vĩ đại nhất..*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu vấn đề chính của VB**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc lại một luợt VB và đặt câu hỏi cho HS: *VB viết về vấn đề gì? Vì sao có thể cho rằng vấn đề đó rất đáng được quan tâm?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS đại diện lên trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **II. Đọc hiểu văn bản**  ***1. Vấn đề chính của văn bản***  - Văn bản *Tượng đài vĩ đại nhất* viết nhân ngày Thương binh liệt sĩ 27-7, nêu lên ý nghĩa của những tấm gương hi sinh dũng cảm vì Tổ quốc, nhằm giáo dục lòng biết ơn đối với những người đã có công với Tổ quốc, thực hiện đạo lí “uống nước nhớ nguồn”.  - Vấn đề này rất đáng được quan tâm vì đất nước ta đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh, rất nhiều người đã hi sinh vì Tổ quốc; cần giáo dục cho thể hệ trẻ biết sống đúng đắn để xứng đáng vứi những người đã khuất; biết ơn những thế hệ cha anh đã ngã xuống để có cuộc sống hòa bình. |
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu mục đich và mối quan hệ giữa mục đích với những lí lẽ, bằng chứng cụ thể trong VB**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp:  *+ Xác định mục đích chính của VB.*  *+ Chỉ ra những lí lẽ và bằng chứng cụ thể được tác giả nêu trong VB để làm sáng tỏ mục đích đó.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc theo cặp trao đổi và thực hiện theo yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu mời một vài nhóm HS trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng | ***2. Mục đich và mối quan hệ giữa mục đích với những lí lẽ, bằng chứng cụ thể trong VB***  - Mục đích chính: Nêu lên và thuyết phục người đọc vấn đề: Để có cuộc sống hòa bình hôm nay, biết bao lớp người đi trước đã ngã xuống vì Tổ quốc. Từ đó, nhắc nhở mọi người cần ghi nhớ ông ơn của các thể hệ cha anh và khẳng định *“tượng đài vĩ đại nhất là hình hài Tổ quốc nguyên vẹn, tròn đầy; là dân tộc với cuộc sống hòa bình, độc lập, tư do, ngày một ấm no, hạnh phúc”.*  - Để làm rõ mục đích ấy, tác giả đã nêu lên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục, vừa khái quát như phần (1), phần (4), vừa rất cụ thể như phần (2) và (3). |
| **Nhiệm vụ 3:** **Tìm hiểu nội dung từng phần của VB**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV chia lớp thành 4 nhóm, giao cho mỗi nhóm sẽ tìm hiểu nội dung của từng phần dựa trên sự phân chia bố cục ở đầu VB.  - GV hướng dẫn mỗi nhóm trả lời một số câu hỏi gợi mở:  + Nhóm 1: *Ý khải quát được nêu trong phần (1) là gì?*  + Nhóm 2: *Phép lặp ở phần (2) có tác dụng biểu đạt điều gì? Chú ý các bằng chứng được nêu trong phần (2).*  + Nhóm 3: *Chú ý câu mờ đầu phần (3).*  + Nhóm 4: *Em hiểu “tượng đài vĩ đại nhất” mà tác giả muốn nói tới là gì? Vì sao đó lại là “tượng đài vĩ đại nhất”?*  - GV phát Phiếu học tập cho HS hoàn thành:   |  | | --- | | **Phiếu học tập**  Họ tên:........................................  Nhóm:................  ***1. Ý khải quát được nêu trong phần (1) là gì?***.....................................................  ...............................................................  ***2. Phép lặp ở phần (2) có tác dụng biểu đạt điều gì?***  *................................................................*  ................................................................  ***Chú ý các bằng chứng được nêu trong phần (2).***  ................................................................  .................................................................  ***3. Chú ý câu mờ đầu phần (3).***  .................................................................  .................................................................  ***4. Em hiểu “tượng đài vĩ đại nhất” mà tác giả muốn nói tới là gì? Vì sao đó lại là “tượng đài vĩ đại nhất”?***  ................................................................  ................................................................  ................................................................  ................................................................ |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc theo sự phân công từng nhóm, hoàn thành phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài HS trình bày kết quả Phiếu học tập trước lớp, HS còn lại lắng nghe và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức chính, cốt lõi 🡺 Ghi lên bảng.  - GV tổng hợp kết quả các nhóm vào Phiếu học tập chung: | ***3. Nội dung từng phần của văn bản***  ***3.1. Truyền thống tốt đẹp của người dân Việt Nam – sẵn sàng hi sinh vì Tổ quốc.***  - Trên dài đất hình chữ S, mỗi ngọn núi, mỗi dòng sông, mỗi tấc đất đều thành sự tích, in bóng những người anh hùng xả thân vì dân tộc.  - Tên tuổi của các anh hùng liệt sĩ thành tên sông, tên núi, hóa vào hình sông thể núi  - Ở đâu trên đất nước cũng có dấu ấn của những người anh hùng.  ***3.2. Tư thế hi sinh oai hùng***  - Những người con đất Việt luôn ngẩng cao đầu, hướng về phía trước  + Các nhà yêu nước ra pháp trường đầu rơi máu chảy vẫn lạc quan tin vào ngày mai tươi sáng.  + Hàng ngàn hàng vạn chiến sĩ cách mạng bị địch bắt đi tù đày, tra tấn bằng đủ thứ cực hình vẫn một dạ kiên trung  + Những chiến sĩ ôm bom ba càng, bom xăng xông lên ngăn xe tăng giặc  + Nhưng thanh niên xung phong biến mình thành cọc tiêu, bên bom nổ chậm, dẫn đường cho đoàn xe ra trận  → Với người Việt cái chết đã trở thành thứ vũ khí vô hình khiến kẻ thù phải run sợ.  ***3.3. Tượng đài vĩ đại nhất***  - Cần nhiều tượng đài tôn vinh, ghi tạc công ơn những người con ưu tú vì Tổ quốc.  - Nhưng tượng đài vĩ đại nhất là hình hài Tổ quốc, có máu xương, mồ hôi, công sức, trí tuệ của của lớp anh hùng liệt sĩ. |
| ***1. Ý khải quát được nêu trong phần (1) là gì?***  Khắp nơi trên đất nước Việt Nam đều có những câu chuyện về sự hi sinh cao cả vì cộng đồng, vì dân tộc.  ***2. Phép lặp ở phần (2) có tác dụng biểu đạt điều gì?***  Tác dụng: Nhấn mạnh sự hi sinh cao cả của những anh hùng liệt sĩ.  ***Chú ý các bằng chứng được nêu trong phần (2).***  Trên khắp các nẻo đường đất nước đều có các chiến sĩ “từ Tây Bắc đến... Tây Nguyên... từ con đường Trường Sơn đến con đường biển Đông và con đường trên không”...”tính qua hai cuộc kháng chiến đã có hàng triệu người con hi sinh...”.  ***3. Chú ý câu mờ đầu phần (3).***  Câu mở đầu *“Cách hi sinh vì nghĩa lớn của người con đất Việt cũng thật đáng tự hào, luôn ngẩng cao đầu, hướng về phía trước*” 🡺 Khẳng định sự hi sinh của những con đất Việt luôn đáng tự hào, trân trọng.  ***4. Em hiểu “tượng đài vĩ đại nhất” mà tác giả muốn nói tới là gì? Vì sao đó lại là “tượng đài vĩ đại nhất”?***  - Tượng đài tác giả muốn nói tới trong bài: *“Nhưng tượng đài vĩ đại nhất là hình hài Tổ quốc, có máu xương, mồ hôi ... độc lập, tự do, ngày một ấm no, hạnh phúc!”.*  - Khẳng định đó là “tượng đài vĩ đại nhất” vì đây không phải là một tượng đài vật chất cụ thể mà là hình Tổ quốc, là đất nước luôn thống nhất toàn vẹn, là dân tộc được dan hoà bình, ấm no, hạnh phúc,... Chỉ có tượng đài như thế thì mới xứng đáng với sự hi sinh to lớn của những lớp người đi trước và mới thực sự có ý nghĩa. | |
| **Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Sau khi hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi thực hiện các nhiệm vụ*,* GV yêu cầu HS: *Nêu khái quát giá trị nổi bật đáng ghi nhớ của văn bản về nội dung và nghệ thuật..*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, suy nghĩ để tổng kết bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  - Ca ngợi truyền thống yêu nước quý báu của dân tộc Việt Nam ta, sẵn sàng hi sinh vì đất nước.  - Mỗi dòng sông đất nước, ngọn núi ở quê hương đều mang tên nhân dân những người con ưu tú của dân tộc Việt Nam.  ***2. Nghệ thuật***  - Lí lẽ thống nhất với dẫn chứng và được diễn đạt dưới hình ảnh so sánh sinh động, dễ hiểu.  - Bố cục chặt chẽ, lập luận mạch lạc.  - Giọng văn tha thiết, giàu cảm xúc. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản *Tượng đài vĩ đại nhât* đã học.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS chọn lựa một đoạn văn yêu thích nhất trong VB và chia sẻ lí do vì sao em yêu thích.

**c. Sản phẩm học tập:** Chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu cho HS: *Em thích đoạn văn nào nhất trong văn bản? Vì sao?*

- GV yêu cầu HS suy nghĩ, ghi câu trả lời vào vở.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS lắng nghe yêu cầu và thực hiện ghi câu trả lời vào vở.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV yêu cầu HS chia sẻ trong nhóm trước, sau đó, GV mời một vài HS xung phong, tự tin chia sẻ trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết luận.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về bài *Tượng đài vĩ đại nhất* để liên hệ với bản thân giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn giải thích vì sao thế hệ trẻ cần phát huy truyền thống “uống nước nhớ nguồn”.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu HS: *Viết đoạn văn (khoảng 5 – 7 dòng) giải thích vì sai thê hệ trẻ cần phát huy truyền thống “uống nước nhớ nguồn”.*

- GV hướng dẫn HS viết đoạn văn:

*+ Cho HS tìm hiểu nghĩa của câu “Uống nước nhớ nguồn” là gì.*

*+ Yêu cầu HS nêu lí do vì sao thế hệ trẻ cần phát huy truyền thống đó.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và suy nghĩ để viết đoạn văn hoàn chỉnh.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS tự tin đọc to bài đoạn văn của mình trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá nhiệm vụ, tuyên dương những bài viết tốt của HS và nhắc các em còn lại hoàn thiện đoạn văn ở nhà.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại bài *Tượng đài vĩ đại nhất.*

+ Đọc trước ở nhà bài ***Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống****.*

**TIẾT 105: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II:**

**ĐỌC HIỂU, THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**TIẾT 106+107 KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA KÌ**

**( KIỂM TRA THEO ĐỀ CHUNG CỦA PHÒNG GIÁO DỤC)**

**VIẾT**

## TIẾT 108+ 109: VIẾT BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

**2. Năng lực.**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng viết bài văn.

**3. Phẩm chất:**

- Nghiêm túc trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học*Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.*

**b. Nội dung:** GV chiếu cho HS xem hình ảnh và trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu cho HS quan sát một số hình ảnh và đặt câu hỏi: Những hình ảnh sau làm em liên tưởng đến sự việc, hiện tượng gì diễn ra trong cuộc sống hằng ngày?



**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và bổ sung

+ Hình 1: *Vi phạm giao thông.*

+ Hình 2: *Học sinh hút thuốc lá*

+ Hình 3: *Đi du lịch với bạn bè.*

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã trả lời đúng.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Vi phạm giao thông, học sinh hút thuốc lá, đi du lịch với bạn bè,… đều là các vấn đề thuộc về sự việc, hiện tượng trong đời sống hằng ngày của mỗi chúng ta. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ đi tìm hiểu về kiểu bài và thực hành* ***viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống****.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Định hướng**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những định hướng khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS đọc và ghi nhớ định hướng khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc phần *Định hướng* trong SGK, trang 46 SGK và nêu ý kiến về hai yêu cầu:  *+ Nêu cách hiểu về kiểu bài bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.*  *+ Để viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, HS cần phải làm gì?*  - GV khuyến khích HS nêu ra các vấn đề trong đời sống khác chưa có trong SGK, qua đó giúp các em nhận biết thế nào là một hiện tượng đời sống.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc, ghi chép vào vở và thảo luận trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài đại diện HS trả lời câu hỏi trước cả lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **1. Định hướng viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.**  ***a) Khái niệm***  - Nghị luận về một vấn đề trong đời sống là nêu lên và trình bày ý kiến của mình (tán thành hay phản đối) về một vấn đề của đời sống bằng cách đưa ra được lí lẽ rõ ràng, kết hợp với bằng chứng đa dạng để thuyết phục người đọc, người nghe.  ***b) Lưu ý***  - Xác định được vấn đề cần bàn luận.  - Tìm hiểu các tư liệu liên quan đến vấn đề xã hội cần nghị luận đó.  - Giái thích vấn đề và làm sáng tỏ ý kiến của mình bằng việc nêu ra lí lẽ và bằng chứng. |

**Hoạt động 2: Chuẩn bị trước khi viết**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các kĩ năng viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS áp dụng viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - ***GV nêu yêu cầu bài:*** *Viết bài văn trả lời cho câu hỏi: “Thế nào là lối sống giản dị?”.*  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị trước khi viết theo các bước:  ***\* Chuẩn bị***  - GV hướng dẫn HS:  *+ Đọc kĩ lại văn bản Đức tính giản dị của Bác Hồ (Phạm Văn Đồng) và xem lại nội dung đọc hiểu của VB này.*  *+ Xem mục Định hướng nêu trên để nắm vững các yêu cầu của bài văn nghị luận về một vấn đè trong đời sống.*  *+ Tập hợp những hiểu biết từ sách báo và đời sống thực tế về những lời dạy và tấm gương có lối sống cao đẹp, giản dị.*  ***\* Tìm ý và lập dàn ý***  ***- Tìm ý:***  GV hướng dẫn HS huy động tối đa các ý tưởng để tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:  *+ Thế nào là giản di?*  *+ Tính giản dị được biểu hiện qua những phương diện nào?*  *+ Tại sao cần sống giản dị?*  *+ Em biết những tấm gương nào về lối sống giản dị trong thực tế, sách bảo,…?*  *+ Em có suy nghĩ như thế nào về việc rèn luyện cho mình lối sống giản dị?*  ***- Lập dàn ý***  GV hướng dẫn HS sắp xếp các câu trả lời theo trật tự hợp lí để hoàn thành dàn ý với ba phần như gợi ý trong SGK trang 47: *Mở bài, Thân bài, Kết bài.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe yêu cầu, thực hiện theo các bước để chuẩn bị thực hành viết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS báo cáo kết quả thực hiện.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **2. Trước khi viết**  - Tìm hiểu đề.  - Tìm ý.  - Lập dàn ý:  *a) Mở bài:*  + Dẫn dắt vấn đề cần nghị luận.  + Nêu vấn đề.  *b) Thân bài:*  + Nêu quan niệm về lối sống giản dị.  + Nêu biểu hiện của lối sống giản dị.  + Phân tích ý nghĩa của lối sống giản dị.  + Liên hệ với bản thân trong việc rèn luyện lối sống giản dị.  *c) Kết bài:*  + Khẳng định vai trò của lối sống giản dị.  + Nêu suy nghĩ về hướng rèn luyện của em. |

**Hoạt động 3: Thực hành trong khi viết**

**a. Mục tiêu:** Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS từ việc luyện tập ở tiết trước, thực hành viết bài văn theo hai hướng khác nhau:  + Một là từ dàn ý đã xây dựng, GV yêu cầu HS tự chọn viết một đoạn (mở bài hoặc một ý lớn của thân bài), sau đó, đọc to trước lớp và tập sửa chữa, hoàn thiện phần đã viết (15 – 20 phút). GV lưu ý HS: Cần tập trun vào ý dã chọn, không viết lan man sang các ý khác.  + Hai là GV yêu cầu HS viết hoàn chỉnh bài văn tại lớp.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe yêu cầu để thực hành viết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS báo cáo kết quả thực hiện.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **3. Trong khi viết**  - Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để thực hành kiểm tra và chỉnh sửa, hoàn thiện đoạn văn.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS tự kiểm tra, chỉnh sủa đoạn văn của mình.

**c. Sản phẩm học tập:** HS chỉnh sửa, hoàn thiện đoạn văn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS kiểm tra và chỉnh sửa đoạn văn của mình theo các bước:  \* Kiểm tra lại xem bài viết đã đầy đủ và đúng trình tự.  \* Tự phát hiện và biết cách sửa các lỗi về viết như:  *+* Lỗi về ý: *thiếu ý (ý sơ sài, chưa nêu hết được những điều cần viết); ý lộn xộn (các ý không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí); lạc ý (nêu các ý không liên quan đến nội dung bài yêu cầu); ý tản mạn (nêu các ý không tập trung vào nội dung chính của bài viết).*  + Lỗi về diễn đạt (dùng tư, viết câu), chính tả.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe hướng dẫn để kiểm tra và chỉnh sửa đoạn văn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS báo cáo kết quả thực hiện.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **4. Sau khi viết**  - Kiểm tra và chỉnh sửa bài văn của mình. |

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Xem lại nội dung bài học.

+ Đọc trước ở nhà bài ***Thảo luận nhóm về một vấn đề trong đời sống*** trang 48-49 SGK.

**NÓI VÀ NGHE**

## TIẾT 110: THẢO LUẬN NHÓM VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS biết thảo luận nhóm tình bày về một vấn đề trong đời sống.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập thảo luận nhóm về một vấn đề trong đời sống.

**3. Phẩm chất:**

- HS tham gia tích cực vào nội dung bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Thảo luận nhóm về một vấn đề trong đời sống.*

**b. Nội dung:** GV kiểm tra phần chuẩn bị bài nói của HS.

**c. Sản phẩm:** Phần chuẩn bị của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS dành ra khoảng 5 phút để tự rà soát lại nội dung bài nói đã chuẩn bị ở nhà, yêu cầu HS xếp vị trí quây thành các nhóm nhỏ để cùng tham gia trao đổi.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập để trình bày trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét..

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi HS đã chia sẻ.

- Từ chia sể của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong buổi học Nói – nghe của bài trước, chúng ta đã cùng nhau trao đổi về một vấn đề trong phần Đọc hiểu văn bản. Ở tiết học Nói – nghe ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng thảo luận với nhóm của mình để đưa ra những ý kiến, quan điểm của bản thân, kết hợp với sự chuẩn bị ở nhà của các em* ***trình bày về một vấn đề trong đời sống*** *nhé!*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Định hướng**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kết hợp hướng dẫn của GV để chuẩn bị bài nói.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói đã được chuẩn bị trước ở nhà.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc trước mục *Định hướng* ở nhà, ghi lại những thắc mắc về nội dung đã học để trao đổi với các bạn.  - GV định hướng cho HS: *Các em dựa vào những văn bản đã học ở phần Đọc hiểu văn bản và nội dung phần Viết để lựa chọn vấn đề định thảo luận.*  - GV tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận để đề xuất thêm một vài ý tưởng trong bài nói – nghe.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc và ghi lại những thắc mắc để trao đổi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày trước lớp, cả lớp lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **1. Định hướng**  ***a) Khái niệm***  - Thảo luận nhóm về một vấn đề là dùng hình thức nói (thuyết trình) để trao đổi, tranh luận về một vấn đề nào đó còn có ý kiến chưa thống nhất.  - Mục đich thảo luận là nêu lên những điểm thống nhất và khác biệt của các thành viên trong nhóm để tìm cách giải quyết.    ***b) Lưu ý***  - Bày tỏ ý kiến về vấn đề (tán thành hay phản đối).  - Sử dụng các lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục mọi người.  - Sử dụng tranh, ảnh hoặc video, thiết bị hỗ trợ (nếu có).  - Bảo vệ ý kiến của mình bằng các lí lẽ, bằng chứng, đồng thời tôn trọng, tiếp thu những ý kiến khác biệt. |

**Hoạt động 2: Chuẩn bị trước khi nói và nghe**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS thảo luận, trình bày trong nhóm và trước lớp.

**c. Sản phẩm học tập:** HS trình bày, thảo luận sôi nổi, tích cực

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - ***GV nêu yêu cầu bài:*** *Thảo luận nhóm về vấn đề: “Thế nào là lối sống giản dị?”*  - GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm với các mục gợi ý như trong SGK:  ***\* Chuẩn bị:***  + Xem lại dàn ý đã làm ở phần *Viết*.  + Sắp xếp tranh, ảnh hoặc các phương tiện hỗ trợ khác (nếu có).  ***\* Tìm ý và lập dàn ý:***  GV hướng dẫn HS dưụa vào dàn ý trong phần *Viết*, bổ sung và chính sửa dàn ý cho bài nói (nếu cần thiết).  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS chuẩn bị trước khi nói theo các bước.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức cho các nhóm HS cùng trao đổi, thảo luận kết quả làm việc với nhau trong nhóm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **2. Trước khi nói và nghe**  - Lựa chọn đề tài.  - Tìm ý và lập dàn ý: |

**Hoạt động 3: Thực hành trong khi viết**

**a. Mục tiêu:** Trình bày được bài nói trao đổi về một vấn đề.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức để thực hành thảo luận nhóm trao đổi về một vấn đề trong đời sống.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu các nhóm cử 1 nhóm trưởng điều hành viêc thảo luận, nêu vấn đề thảo luận: *“Thế nào là lối sống giản dị?”*  - GV chiếu bảng phân công nhiệm vụ cho người nói và người nghe cho HS thực hiện:  + Người nói: *Dựa vào dàn ý, thực hiện việc trình bày bằng lời ý kiến về vấn đề đã lựa chọn trước nhóm.*  + Người nghe: *Tập trung theo dõi, ghi chép nội dung chính và quan sát cách trình bày của người nói, trao đổi, tranh luận với các ý kiến còn khác biệt.*  - Sau đó, GV yêu cầu nhóm trưởng tổng kết lại các điểm đã thống nhất và điểm còn khác biệt (nếu có).  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe yêu cầu để thực hành trao đổi bài nói.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu chủ trì dẫn dắt cuộc thảo luận bài nói.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **3. Trong khi nói và nghe** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để thực hành kiểm tra và chỉnh sửa, hoàn thiện bài nói – nghe.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS tự kiểm tra, chỉnh sủa bài nói – nghe của mình.

**c. Sản phẩm học tập:** HS chỉnh sửa, hoàn thiện bài nói – nghe.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS kiểm tra và chỉnh sửa bài nói và nghe của mình: | **4. Sau khi nói và nghe**  - Kiểm tra và chỉnh sửa bài nói và nghe của mình. |
| |  |  | | --- | --- | | **Người nói** | **Người nghe** | | - Xem xét nội dung ý kiến đã đủ ý chưa?  + Tán thành điểm nào và không tán thành điểm nào?  + Lí lẽ tán thành và không tán thành là gì?  + Có nêu được các bằng chứng cụ thể không?  - Rút kinh nghiệm về cách phát biểu (Diễn đạt có rõ ràng, dễ hiểu không? Ngôn ngữ, điệu bộ, thái độ,... đã phù hợp chưa?). | - Hiểu đúng và tóm tắt được các thông tin từ người nói (ý kiến, lí lẽ và bằng chứng về vấn đề đã trao đổi).  - Tập trung chú ý theo dõi người nói.  - Nêu câu hỏi về những vấn đề chưa rõ hoặc muốn mở rộng hiểu biết; mạnh dạn trao đổi lại với ý kiến mình thấy chưa thuyết phục. | | |
| **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe hướng dẫn để kiểm tra và chỉnh sửa bài nói – nghe.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS báo cáo kết quả thực hiện.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét và tổ chức cho HS nhận xét bài nói của nhau, rút kinh nghiệm về cách trao đổi về một vấn đề trong đời sống hoặc trong văn học. |  |

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Xem lại nội dung bài học.

+ Đọc trước ở nhà bài ***Cây tre Việt Nam*** trang 54 SGK.

# TIẾT 111: TỰ ĐÁNH GIÁ( KTTX- KTĐGNL VIẾT)

# Bài 9. TÙY BÚT VÀ TẢN VĂN

**…………………………………………………..**

**Môn: Ngữ văn 7**

**Số tiết:** 12 tiết

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

## TIẾT 113+114+115: VĂN BẢN 1. CÂY TRE VIỆT NAM

(Thép Mới)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được một số yếu tố hình thức (chất trữ tình, cái “tôi”, ngôn ngữ,…), nội dung (đề tài, chủ đề và ý nghĩa) của tùy bút và tản văn; kết hợp ôn lại các đặc điểm của các tác phẩm kí nói chung như: ngôi kể, tính xác thực của sự việc được kể, hình thức ghi chép.

- HS phân tích được ý nghĩa của các sự việc, chi tiết được chọn lọc ghi chép trong đoạn trích; nêu được mối quan hệ giữa các sự việc, chi tiết với suy nghĩ, cảm xúc của tác giả.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- *Năng lực ngôn ngữ*: Nhận biết được một số yếu tố hình thức: chất trữ tình, cái “tôi”, ngôn ngữ,… của bài tùy bút.

- *Năng lực văn học:* Nhận biết được một số yếu tố nội dung: đề tài, chủ đề và ý nghĩa của bài tùy bút; Phân tích được ý nghĩa của các sự việc, chi tiết được chọn lọc ghi chép trong đoạn trích; Nêu được mối quan hệ giữa các sự việc, chi tiết với suy nghĩ, cảm xúc của tác giả.

**3. Phẩm chất:**

- HS yêu quý, trân trọng truyền thống, cảnh vật và con người của quê hương, đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh và thông tin về nhà văn Thép Mới;

- Máy tính, máy chiếu, video clip;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình, từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Cây tre Việt Nam.*

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi *Ai nhanh tay hơn?*

**c. Sản phẩm:** HS nêu được tên anh hùng xuất hiện trong các hình ảnh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV trình chiếu cho HS xem video clip về hình ảnh cây tre trong tâm thức người Việt: https://www.youtube.com/watch?v=4swRfCpHdh4 (từ 1:19 đến 4:52).

- GV dặt câu hỏi gợi mở cho HS: *Thông qua video clip vừa rồi, kết hợp với việc đọc trước văn bản Cây tre Việt Nam ở nhà, theo em nhan đề văn bản liên quan gì đến nội dung chính của văn bản này?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS quan sát video và trả lời câu hỏi gợi mở.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước cả lớp, yêu cầu các HS khác lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá chia sẻ, câu trả lời thú vị của HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV liên hệ để dẫn dắt vào bài học mới: *Dân tộc Việt Nam ta từ bao đời nay vốn có truyền thống đánh giặc kiên cường, bất khuất, hình ảnh người dân cầm vũ khí là những bụi tre đi đánh giặc là những hình ảnh vô cùng quen thuộc, giản dị và gần gũi trong tiềm thức dân tộc Việt. Đồng thời, cây tre chính là biểu tượng cho những phẩm chất cao đẹp của con người Việt Nam. Ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng khám phá những điều đó thông qua văn bản* ***Cây tre Việt Nam.***

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những kiến thức cơ bản về tùy bút, tản văn và tác phẩm *Cây tre Việt Nam.*

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, đọc văn bản, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu kiến thức về tùy bút, tản văn**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV giao nhiệm vụ cho HS: Đọc phần *Kiến thức ngữ văn* trong SGK trang 53 để định hướng cho các em những kiến thức về tùy bút, tản văn.  - GV đặt câu hỏi cho HS thảo luận:  *+ Tùy bút và tản văn là gì? Vì sao tùy bút và tản văn đều xếp vào thể loại tác phẩm kí? Từ đó, nhận ra điểm giống và khác nhau của hai thể loại này.*  *+ Tìm hiểu chất trữ tính, cái “tôi” và ngôn ngữ của tùy bút, tản văn thể hiện cụ thể như thế nào?*  - GV hướng dẫn HS lưu ý một số điều khi đọc tùy bút và yêu cầu HS ghi nhớ:  *+ Đề tài của tùy bút (ghi chép về ai, về sự việc gì).*  *+ Những cảm xúc, suy tư, nhận xét, đánh giá của tác giả.*  *+ Ý nghĩa xã hội sâu sắc của nội dung bài tùy bút.*  *+ Ngôn ngữ giàu hình ảnh và chất thơ của bài tùy bút.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe và ghi lại những điều cần ghi nhớ về bài tùy bút, tản văn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày kết quả trước lớp.  - GV gọi HS khác nhận xét và bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Tùy bút và tản văn**  **a) Khái niệm:** Tùy bút và tản văn đều là các thể loại của kí, đều là văn xuôi đậm chất trữ tình.  - Tùy bút là thể văn xuôi trữ tình ghi chép lại một cách tự do những suy nghĩ, cảm xúc mang đậm màu sắc cá nhân của tác giả về con người và sự việc.  - Tản văn là một dạng bài gắn với tùy bút, là thể thể văn xuôi sử dụng cả tự sự, trữ tình, nghị luận,… nêu lên hiện tượng giàu ý nghĩa xã hội và bộc lộ một cách chân thực, trục tiếp tình cảm, ý nghĩ mang đậm cá tính của tác giả.  **b) Chất trữ tính, cái “tôi”, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn**   |  |  | | --- | --- | | Chất trữ tính | Là sự thể hiện trực tiếp những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc chủ quan câ người viết trước con người và sự việc được nói tới | | Cái “tôi” | Tức con người tác giả, hiện lên rất rõ nét như: nhẹ nhàng, lặng lẽ hay sôi nổi; tinh tế, lịch lẵm hay quyết liệt,… | | Ngôn ngữ | - Giàu chất thơ, do chú trọng tái hiện nội tâm, cảm xúc.  - Cách miêu tả thiên nhiên mơ mộng.  - Sử dụng nhiều biện pháp tu từ, nhiều từ ngữ sinh động, giàu hình ảnh và nhịp điệu,… rất phù hợp với chất trữ tình. | |
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu tác giả, tác phẩm**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV hướng dẫn HS đọc văn bản và tìm hiểu tác giả, tác phẩm:  - GV có thể nêu câu hỏi kiểm tra HS từ các vấn đề nêu trong mục *Chuẩn bị* của bài học, nhất là lưu ý các đặc điểm khi đọc tuỳ bút và bối cảnh ra đời của bài tuỳ bút *Cây tre Việt Nam* của Thép Mới. *Bối cảnh ấy giúp người đọc hiểu gì về nội dung và ý nghĩa của bài tuỳ bút này?*  *-* GV tổ chức cho HS đọc và tìm hiểu các từ ngữ, hình ảnh, biểu tượng khó trong bài viết. Lưu ý HS các hướng dẫn đọc (cột bên phải văn bản trong SGK) như: Cho HS đọc diễn cảm cả bài hoặc một số đoạn tiêu biểu, thể hiện rõ cái “tôi”, chất trữ tình và ngôn ngữ giàu chất thơ của thể tuỳ bút. Từ đó, liên hệ với các kiến thức ngữ văn đã nêu ở phần mở đầu bài học để hiểu về các khái niệm này.  - GV yêu cầu HS phân chia bố cục và khái quát nội dung chính từng phần.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc văn bản và tìm hiểu thông tin về tác giả, tác phẩm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài chia sẻ phần chuẩn bị của mình trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.  - GV bổ sung kiến thức, giới thiệu về tác giả Thép Mới.  *+ Hồ Chí Minh (1925 – 1991) là nhà văn nổi tiếng tại Việt Nam, chuyên viết về đề tài chiến tranh Đông Dương và chiến tranh Việt Nam.*  *+ Ông sinh ra ở thành phố Nam Định, còn có bút danh khác là Phượng Kim, Hồng Châu.*  *+ Ông mất ngày 28 tháng 8 năm 1991 tại TP. Hồ Chí Minh.* | ***2. Tìm hiểu chung***  ***a) Tác giả***  *- Tên khai sinh:* Hà Văn Lộc.  - *Quê quán*: Tây Hồ, Hà Nội.  - *Năm sinh – năm mất*: 1925 – 1991.  - *Thể loại sáng tác*: Báo chí, bút kí, thuyết minh phim.  - *Tác phẩm tiêu biểu:* *Kháng chiến sau lũy tre, trên đồng lúa (1947), Hữu nghị (1955), Nguyễn Ái Quốc đến với Lê-nin (1980),…*  ***b) Tác phẩm***  - *Xuất xứ*: Viết năm 1955, được dùng làm lời bình cho bộ phim tài liệu cùng tên của các nhà điện ảnh Ba Lan. Thông qua hình ảnh cây tre (tượng trưng cho đất nước và con người Việt Nam), bộ phim ca ngợi cuộc chiến đấy chống thực dân Pháp (1945 – 1954) của dân tộc ta.  *- Bố cục:*  + Phần 1: Từ đầu đến *“chí khí như người”:* *Giới thiệu chung về cây tre.*  + Phần 2: Tiếp đến *“chung thủy”:* *Tre gắn bó với con người trong cuộc sống, lao động và sản xuất.*  + Phần 3: Tiếp đến *“Việt Nam dân chủ Cộng hòa”*: *Tre sát cánh với con người trong cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương, đất nước.*  + Phần 4: Còn lại: *Tre vẫn là người bạn đồng hành cùng dân tộc ta trong hiện tại và tương lai.* |

**Hoạt động 3: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được một số yêu tố về hình thức và nội dung của VB, phân tích được ý nghĩa của các sự việc, chi tiết được chọn lọc ghi chép trong đoạn trích; nêu được mối quan hệ giữa các sự việc, chi tiết với suy nghĩ, cảm xúc của tác giả trong bài học *Cây tre Việt Nam.*

**b. Nội dung:** GV linh hoạt hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi, thực hiện các nhiệm vụ trong SGK để tìm hiểu văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học *Cây tre Việt Nam*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung của VB**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi cho cả lớp thảo luận:  *+ Nhan đề là Cây tre Việt Nam nhưng nội dung chính mà tác giả muốn làm nổi bật qua bài tùy bút này là gì? Điều đó có ý nghĩa sâu sắc như thế nào?*  *+ Hình ảnh cây tre trong bài tùy bút tiêu biểu cho những phẩm chất nào của con người Việt Nam?*  - GV tổ chức cho HS thi nhau: *tìm những câu hoặc đoạn văn thể hiện rõ tình cảm yêu mến và tự hào của tác giả về cây tre Việt Nam?*  - GV chia lớp thành 4 nhóm, mỗi nhóm sẽ tương ứng với một phần, yêu cầu các nhóm thảo luận tìm hiểu:  *+ Nội dung chính của phần được phân công.*  *+ Điểm giống nhau giữa tre, núa, trúc, mai, vầu ở phần (1) là gì?*  *+ Câu kết phần (2) và đoạn kết phần (4) khẳng định điều gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo nhóm để thực hiện nhiệm vụ GV giao tìm hiểu về nội dung của VB.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số nhóm HS đại diện trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  - HS có thể nêu nhiều câu hoặc đoạn văn thể hiện rõ tình cảm yêu mến và tự hào của tác giả về cây tre Việt Nam, ví dụ như:  *+ “Muôn đời biết ơn chiếc gậy tầm vông... Tre, anh hùng chiến đấu!”.*  *+ “Ngày mai, trên đất nước này... Tiếng sáo diều tre cao vút mãi”....*  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức chính 🡺 Ghi lên bảng. | **III. Đọc hiểu văn bản**  ***1. Nội dung của văn bản***  - Nội dung chính của văn bản: tác giả mượn hình ảnh “cây tre Việt Nam” để nói lên những suy nghĩ, cảm xúc của mình về con người Việt Nam, đồng thời ca ngợi những phầm chất cao đẹp: anh dũng, cần cù, bền bỉ thủy chung, sống có nghĩa, có tình,...  ***1.1. Giới thiệu về cây tre***  - Là người bạn thân của nông dân, nhân dân Việt Nam.  - Đặc điểm của cây tre:  + Vào đâu tre cũng sống, cũng xanh tốt.  + Dáng tre vươn mộc mạc, màu tre tươi nhũn nhặn.  + Tre lớn lên, cứng cáp, dẻo dai, vững chắc.  - Tre, nưá, trúc, mai, vầu cùng một mầm non mọc thẳng.  🡺 Tre thanh cao, giản dị, chí khí như con người.  ***1.2. Tre gắn bó với con người trong cuộc sống, lao động và sản xuất.***  - Tre trùm lên âu yếm bản làng, xóm thôn  - Dưới bóng tre, giữ gìn một nền văn hóa lâu đời, con người dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang.  - Tre là cánh tay của người nông dân.  - Tre là người nhà, khăng khít với đời sống hằng ngày.  - Tre buộc chặt những tình cảm chân quê.  - Tre là niềm vui của tuổi thơ, của người già.  - Tre chung thủy.  🡺 Câu kết khái quát tre gắn bó với con người thủy chung suốt cuộc đời.  ***1.3. Tre sát cánh với con người trong cuộc chiến đấu bảo vệ quê hương, đất nước****.*  - Tre xung phong vào xe tăng, đại bác.  - Tre giữ làng, giữ nước.  - Tre hi sinh để bảo vệ con người.  - Tre mang khúc nhạc tâm tình.  🡺 Tre là tất cả, tre là vũ khí chiến đấu bảo vệ quê hương, đất nước.  ***1.4. Tre vẫn là người bạn đồng hành cùng dân tộc ta trong hiện tại và tương lai.***  - Tre vẫn còn nguyên vị trí trong tương lai khi đất nước đi vào công nghiệp hóa: tre vấn là bóng mát,...  🡺Đoạn kết khẳng định những nét đẹp phẩm chất, khí phách của cây tre cũng chính là những phẩm chất cao quý của con người Việt Nam. |
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu hình thức của VB**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV đặt câu hỏi cho HS: *Nhận biết và chỉ ra tác dụng của một biện pháp tu từ nổi bật trong bài tùy bút Cây tre Việt Nam.*  - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi lớn, thông qua hướng dẫn HS trả lời những câu hỏi nhỏ cho từng phần:  *+ Chú ý tác dụng của việc lặp lại cụm từ “dưới bóng tre” ở phần (2).*  *+ Chí ra tác dụng của các biện pháp tu từ trong đoạn “Tre xung phong vào xe tăng,... Tre, anh hùng chiến đấu!”.*  *+ Chí ra tác dụng của biện pháp điệp trong “Nhạc của trúc, ... sáo trúc vang lưng trời”.*  - GV nêu yêu cầu gợi mở: *Dẫn ra một hoặc hai câu văn mà em cho là đã thể hiện rõ đặc điểm: Ngôn ngữ của tùy bút rất giàu hình ảnh và cảm xúc.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo nhóm để tìm ra những đặc điểm hình thức của VB.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét.  - HS trả lời yêu cầu gợi mỏ, tìm và dẫn ra đoạn văn thể hiện rõ đặc điểm *Ngôn ngữ của tùy bút rất giàu hình ảnh và cảm xúc*, ví dụ như: *“Nước Việt Nam xanh muôn ngàn cây lá khác nhau ... Tre ấy trông thanh cao, giản dị, chí khí hơn người”.*  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | ***2. Hình thức của văn bản***  ***2.1. Biện pháp tu từ***  Tác giả sử dụng nhiều biện pháp tu từ, nhưng chủ yếu là biện pháp nhân hóa và điệp ngữ nổi bật hơn hẳn:  - Biện pháp nhân hóa: Trong đoạn *“Tre xung phong vào xe tăng... Tre, anh hùng chiến đấu!”* nhằm biểu đạt sự thân thiết, tre với người như một; tre là người và người như tre, cũng chung những hành động và phẩm chất cao đẹp như nhau,...  - Biện pháp điệp ngữ:  + Việc lặp lại cụm từ “dưới bóng tre” ở phần (2) có tác dụng nhấn mạnh ý nghĩa cùng sự xuất hiện của cây tre trong đời sống con người Việt Nam.  + Trong đoạn *“Nhạc của trúc,... sáo trúc vang lưng trời...”:* điệp ngữ *Nhạc của trúc, nhạc của tre...,* điệp cấu trúc câu *Diều bay, diều lá tre bay lưng trời... Sáo tre, sáo trúc vang lưng trời..*. đã tạo nên nhịp điệu bay bổng, lên xuống uyền chuyển, mềm mai không chỉ của âm thanh mà còn là hình ảnh bay lượng của những con diều sáo những trưa hè. |
| **Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổng kết lại nội dung đã học, hướng dẫn HS suy nghĩ về sự thống nhất giữa nội dung và hình thức trong bài tùy bút này.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, suy nghĩ để tổng kết bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, nêu ý kiến của mình nhắm khái quát và tổng hợp đày đủ và sâu sắc hơn 🡺 Ghi lên bảng. | **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  Bài tùy bút đã đem đến cho người đọc vẻ đẹp bình dị, phù hợp với cảm hứng ca ngợi cây tre, ca ngợi những phẩm chất cao đẹp của con người và dân tộc Việt Nam. Qua đó, ta thấy được tình cảm yêu quý, trân trọng của tác giả giành cho cây tre – biểu tượng của đất nước Việt Nam.  ***2. Nghệ thuật***  - Giọng văn biểu cảm, tâm tình.  - Ngôn ngữ giàu chất thơ.  - Sử dụng chi tiết, hình ảnh chọn lọc mang ý nghĩa biểu tượng.  - Phối hợp linh hoạt các biện pháp nhân hóa và điệp ngữ. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản *Cây tre Việt Nam* đã học.

**b. Nội dung:** GV phát cho HS phiếu trắc nghiệm củng cố lại kiến thức đã học về VB *Cây tre Việt Nam.*

**c. Sản phẩm học tập:** Phiếu trắc nghiệm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV phát cho HS phiếu trắc nghiệm nhằm củng cố lại kiến thức đã học về VB *Cây tre Việt Nam.*

|  |
| --- |
| **Phiếu trắc nghiệm**  Họ và tên:....................................................................  ***Khoanh tròn trước đáp án đúng:***  **Câu 1.** Văn bản *Cây tre Việt Nam* thuộc thể loại nào?   1. Kí 2. Truyện ngắn 3. Tiều thuyết 4. Thơ   **Câu 2.** Câu nào dưới đây nói về văn bản *Cây tre Việt Nam*?   1. Là truyện ngắn đạt giải nhất trong cuộc thi viết về làng quê và con người Việt Nam 2. Là lời bình cho bộ phim cùng tên của các nhà điện ảnh Ba Lan. 3. Là kí sự của tác giả viết về cây tre Việt Nam. 4. Là tác phẩm đạt giải nhì trong cuộc vận động sáng tác cho thiếu nhi.   **Câu 3.** Trong đoạn trích, nguồn vui mà tre mang lại cho trẻ thơ là từ đâu?   1. Tre hát ru em bé trong giấc ngủ êm nồng. 2. Tạo tỏa bóng mát cho trẻ em nô đùa. 3. Nguyên liệu từ tre tạo ra que đánh chuyền. 4. Tre làm nên chiếc nôi đưa trẻ.   **Câu 4.** Người già dùng tre làm gì để tạo ra sự khoan khoái?   1. Chiếc cày để cày ruộng. 2. Chiếc võng để đung đưa trong những trưa hè oi bức. 3. Chiếc cần câu để câu cá thư giãn. 4. Chiếc điếu cày để hút thuốc.   **Câu 5.** Đoạn văn “Suốt một đời người, từ thưở lọt lòng trong chiếc nội tre, đến khi nhắm mắt xuôi tay, nằm trên giường tre, tre với mình, sống có nhau, chết có nhau, chung thùy” nói lên điều gì?   1. Sự gắn bó thủy chung của tre với con người trong suốt cả cuộc đời. 2. Sự tận tình của tre trong việc phục vụ con người. 3. Những phẩm chát cao quý của tre đối với con người. 4. Những đóng góp của tre cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.   **Câu 6.** Tác giả đã gọi tre là gì của con người trong kháng chiến?   1. Tre là bạn thân của con người. 2. Tre là đồng chí chiến đấu của con người. 3. Tre là đồng đội của con người. 4. Tre là cấp dưới của con người.   **Câu 7.** Trong chiến đấu, tre được sử dụng làm vũ khí gì?   1. Làm súng và làm chõng. 2. Làm gậy tầm vông và làm súng. 3. Làm gậy tầm vông và làm chông. 4. Làm gáo mác và làm gậy tầm vông.   **Câu 8.** Trong bài viết, tác giả đã sử dụng rộng rãi biện pháp tu từ nào?   1. So sánh 2. Ăn dụ 3. Hoán dụ 4. Nhân hóa.   **Câu 9.** Câu nào dưới đây nói về lời văn trong đoạn trích trên?   1. Lời văn trau chuốt, giàu hình và gợi cảm. 2. Lời văn giàu cảm xúc và nhịp điệu. 3. Lời văn gấp khúc, mạnh mẽ và lôi cuốn. 4. Lời văn sinh động, hấp dẫn.   **Câu 10.** Trong chiến đấu, tre đã tham gia vào những công việc gì?   1. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. 2. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. 3. Tre hi sinh để bảo vệ con người. 4. Cả ba câu A, B và C. |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS suy nghĩ và hoàn thành phiếu trắc nghiệm.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV một vài HS trình bày phiếu trắc nghiệm trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá thực hiện nhiệm vụ và chiếu đáp án cho HS đối chiếu và chỉnh sửa:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **A** | **B** | **C** | **D** | **A** | **B** | **C** | **D** | **B** | **D** |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng, liên hệ kiến thức đã học về bài *Cây tre Việt Nam* đến thực tiễn viết bài nghị luận của mình.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để dẫn ra một số bằng chứng để thấy tre, nứa vẫn gắn bó thân thiết với đời sống con người Việt Nam.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu HS: *Em hãy dẫn ra một số bằng chứng để thấy tre, nứa vẫn gắn bó thân thiết với đời sống con người Việt Nam.*

- GV cho HS tham khảo đoạn trích sau từ nguồn *bambooxanh.vn* nêu lên các sản phẩm của tre và những ứng dụng phổ biến của tre:

*“Từ măng tre sử dụng làm thực phẩm, tre làm vật liệu xây dựng, sử dụng trong y học, hay vải tre hoặc nhiên liệu sinh học, tất cả đã được thực hiện trước đây. Trong 15 năm qua, các chuyên gia tre đã thử nghiệm với nhiều công dụng của trẻ và vẫn phát hiện ra các ứng dụng mới hằng ngày, sợi tre cho ngành may mặc và ô tô, ván sàn,... Tấm tre, đặc biệt là sàn nhà, ngày càng có nhiều nhu cầu trên toàn thế giới, bởi vì chúng có kết cấu rắn chắc như đá cẩm thạch và sự sang trọng của gỗ. Ngoài ra, tre rất bền, mịn, sạch, không trượt và chống ẩm.*

*Những thách thức chúng ta phải đối mặt ngày hôm nay là cải thiện hơn nữa và đổi mới việc sử dụng sản phẩm bằng tre. Vì tre là cây phát triển nhanh nhất trên Trái Đất và là vật liệu xây dựng bền vững, nó có thể dễ dàng thay thế tất cả các ứng dụng gỗ đã biết mà không ảnh hưởng đến môi trường sinh thái. Hơn nữa, tre liên tục phát triển sau khi thu hoạch mà không cần phải trồng lại. Tre cũng chuyển đổi nhiều hơn 35% CO, thành oxi so với cây thông thường.*

*Các sản phẩm tre chúng ta thấy trên thị trường hiện nay chỉ là đỉnh của tảng băng trôi, chúng tôi dự đoán rằng ngày càng có nhiều ứng dụng tre sáng tạo sẽ gia nhập thị trường tiêu dùng nhanh chóng. Do đó, đây là một thời đại thú vị để sống nếu bạn cũng là người tin tưởng về cách tre có thể đóng góp cho một môi trường xanh hơn và sạch hơn. Chúng ta không thể thay đổi nền kinh tế dựa trên tiêu dùng, nhưng chúng ta chắc chắn có thể thay đổi các nguồn lực chúng ta sử dụng và cách chúng ta sản xuất các sản phẩm của mình.”.*

- GV cho HS tìm những hình ảnh về các sản phẩm từ tre trên Internet để minh họa khi trả lời câu hỏi này.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV cho HS tìm hiểu và trao đổi, nêu ý kiến của mỗi HS.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS chia sẻ trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá nhiệm vụ và chốt lại kiến thức.

- Sau đó, GV lưu ý HS về dặc điểm và cách đọc thể loại tùy bút như đã nói ở phần *Chuẩn bị* và yêu cầu HS ghi nhớ.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại bài *Cây tre Việt Nam.*

+ Hướng dẫn đọc mở rộng và chuẩn bị bài tiếp theo: Đọc trước văn bản *Người ngồi đợi trước hiên nhà* (Huỳnh Như Phương) và tìm hiểu theo mục *Chuẩn bị* trong bài đọc ấy.

**ĐỌC HIỂU VĂN BẢN**

## TIẾT 116+117+118 : VĂN BẢN 2. NGƯỜI NGỒI ĐỢI TRƯỚC HIÊN NHÀ

(Huỳnh Như Phương)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được một số yếu tố hình thức (chất trữ tình, cái “tôi”, ngôn ngữ,…), nội dung (đề tài, chủ đề và ý nghĩa) của tản văn; kết hợp ôn lại các đặc điểm của các tác phẩm kí nói chung như: ngôi kể, tính xác thực của sự việc được kể, hình thức ghi chép.

- HS phân tích được ý nghĩa của các sự việc, chi tiết được chọn lọc ghi chép trong đoạn trích; nêu được mối quan hệ giữa các sự việc, chi tiết với suy nghĩ, cảm xúc của tác giả.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- *Năng lực ngôn ngữ*: Nhận biết được một số yếu tố hình thức: chất trữ tình, cái “tôi”, ngôn ngữ,… của bài tản văn.

- *Năng lực văn học:* Nhận biết được một số yếu tố nội dung: đề tài, chủ đề và ý nghĩa của bài tản văn; Phân tích được ý nghĩa của các sự việc, chi tiết được chọn lọc ghi chép trong đoạn trích; Nêu được mối quan hệ giữa các sự việc, chi tiết với suy nghĩ, cảm xúc của tác giả.

**3. Phẩm chất:**

- HS yêu quý, trân trọng truyền thống, cảnh vật và con người của quê hương, đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh và thông tin về nhà văn Huỳnh Như Phương;

- Máy tính, máy chiếu, video clip;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình, từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Người ngồi trước hiên nhà.*

**b. Nội dung:** GV nêu câu hỏi gợi mở cho HS trả lời.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS..

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu lên nhiều câu hỏi gợi mở cho HS thảo luận trả lời:

*+ Em có hiểu biết gì về những hi sinh, mất mát của dân tộc và nhân dân ta trong các cuộc kháng chiến chống giặc ngoại xâm?*

*+ Hãy nêu lên một ví dụ về sự hi sinh, mất mát đối với người phụ nữ trong cuộc kháng chiến mà em cho là mất mát lớn nhất.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS liên hệ bản thân để suy nghĩ trả lời các câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS chia sẻ câu trả lời trước cả lớp.

- GV yêu cầu các HS khác lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá chia sẻ, câu trả lời thú vị của HS.

- Từ chia sẻ của HS, GV liên hệ để dẫn dắt vào bài học mới: *Ở bài học trước, chúng ta đã được học về hình ảnh cây tre quật cường chiến đấu trong cuộc kháng chiến chống giăc ngoại xâm, giữ gìn độc lập cho đất nước. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau đọc và tìm hiểu một hình ảnh vô cùng đẹp khác, nhưng lại rất buồn về tình cảm vợ chồng trong cuộc kháng chiến ngãy xưa. Hãy cùng bước vào văn bản* ***Người ngồi đợi trước hiên nhà*** *nhé!*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những kiến thức cơ bản về tác giả và tác phẩm *Người ngồi đợi trước hiên nhà.*

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, đọc văn bản, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS xem lại khái niệm tản văn ở phần *Kiến thức ngữ văn* để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.  - GV kiểm tra việc HS đọc VB khi ở nhà, lưu ý HS mục đích của các câu hỏi ở cột bên phải VB trong khi đọc VB.  - GV chú ý HS những điều khi đọc tản văn và yêu cầu các em trả lời:  *+ Bài tản văn viết về ai, về sự việc gì (đề tài)?*  *+ Tác giả sử dụng phương thức biểu đạt nào? Chỉ ra tác dụng của việc kết hợp đó.*  *+ Vấn đề tác giả nêu lên có ý nghĩa xã hội như thế nào?*  *+ Những yếu tố nào bộc lộ trực tiếp tình cảm, ý nghĩ của tác giả?*  - GV yêu cầu HS tóm tắt VB.  - GV yêu cầu HS tra cứu Internet để tìm hiểu thêm về tác giả Huỳnh Như Phương và thông tin về những hi sinh, mất mát của nhân dân ta trong thời kì chống Mý cứu nước. Đồng thời, GV yêu cầu HS tra cứu các từ ngữ, hình ảnh, chi tiết khó trong VB.  - GV chiếu tranh minh họa sau và đặt câu hỏi gợi mở: *Tranh minh họa và nhan đề VB có mối liên hệ gì?*  A person sitting at a table  Description automatically generated with medium confidence  - GV yêu cầu HS phân chia bố cục và khái quát nội dung chính từng phần.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc VB, tìm hiểu thông tin về tác giả, tác phẩm và trả lời các câu hỏi gợi mở.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài HS trình bày phần tìm hiểu của mình trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  - HS trả lời câu hỏi gợi mở: *Tranh minh họa và nhan đề có mối liên hệ bổ sung, tương trợ cho nhau. Bởi cả hai đểu làm nối bật nên hình ảnh có một người luôn ngồi đợi trước hiên nhà, chờ đợi những đứa con xa chiến đấu của mình trở về.*  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức.  - GV bổ sung kiến thức, giới thiệu về tác giả Huỳnh Như Phương.  *+ Hồ Chí Minh (1925 – 1991) là nhà giáo chuyên giảng dạy lí thuyết văn học ở trường ĐH KHXH&NV – ĐHQG TP.HCM, đồng thời là nhà nghiên cứu, phê bình văn học trước năm 1975.*  *+ Lúc chưa tời 20 tuổi, ông đã có bài đăng trên các tạp chí có khuynh hướng thiên tả lúc đó như “Trình Bầy”, “Đối Diện”.* | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  ***1. Đọc văn bản***  - Bài tản văn viết về dì Bảy (Lê Thị Thỏa), một người phụ nữ quê ở Quảng Ngãi, đã chờ đợi chồng suốt cả cuộc chiến tranh. Chồng hi sinh trong chiến đấu, dì thầm lặng sống một mình cho đến lúc già.  - Tác giả sử dụng phưng thức biểu đạt tự sự và biểu cảm. Sự biểu cảm thể hiện qua lời người kể chuyện, nhằm bộc lộ tình cảm, suy nghĩ của tác giả với câu chuyện được kể.  - Vấn đề tác giả nêu lên là vấn đề xuất hiện rất nhiều trong xã hội vào những năm tháng chiến tranh, những người phụ nữ phải chịu cảnh chia li người chống thân yêu của mình.  - Yếu tố ngôi kể đã bộc lộ trực tiếp tình cảm, ý nghĩ của tác giả.  ***2. Tìm hiểu chung***  ***a) Tác giả***  *- Tên khai sinh:* Huỳnh Như Phương.  - *Quê quán*: Quảng Ngãi  - *Năm sinh:* 1955  - *Thể loại sáng tác*: Phê bình văn học.  - *Tác phẩm tiêu biểu:* *Dẫn vào tác phẩm văn chương (1986); Trường phá thức Nga (2007), Những nguồn cảm hứng trong văn học (2008),…*  ***b) Tác phẩm***  - *Xuất sứ*: Trích trong *Thành phố - những thước phim quay chậm*, NXB Trẻ, TP. Hồ Chí Minh, 2018.  *- Thể loại:* tản văn  *- Bố cục:*  + Phần 1: Từ đầu đến *“đôi người đôi ngả”:* *Tình cảnh ly tán “kẻ Bắc người Nam” của những gia đình có người tập kết ra Bắc..*  + Phần 2: Tiếp đến *“tìm mộ phần của dượng”:* *Tình cảnh đáng thương của dì Bảy khi dượng Bảy ra chiến trận.*  + Phần 3: Còn lại: *Tấm lòng thủy chung, son sắt của dì.* |

**Hoạt động 3: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được một số yếu tố về hình thức và nội dung của VB, phân tích được ý nghĩa của các sự việc, chi tiết được chọn lọc ghi chép trong đoạn trích; nêu được mối quan hệ giữa các sự việc, chi tiết với suy nghĩ, cảm xúc của tác giả trong bài học *Người ngồi đợi trước hiên nhà.*

**b. Nội dung:** GV linh hoạt hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi, thực hiện các nhiệm vụ trong SGK để tìm hiểu văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học *Người ngồi đợi trước hiên nhà*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu ngôi kể và sự kiện chính trong VB**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, sấp xếp lại các sự kiện đã nêu trong SGK theo trình tự mà bài tản văn đã nêu lên.  - GV yêu cầu HS:  *+ Xác định ngôi kể của VB. Chỉ ra tác dụng của ngội kể đó.*  *+ Tìm và phân tích một số câu hoặc đoạn văn trục tiếp bộc lộ tình cảm, suy nghĩ của tác giả*.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo nhóm để thực hiện nhiệm vụ GV giao.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số nhóm HS đại diện trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  - HS chỉ ra một số đoạn văn trực tiếp bộc lộ tình cảm, suy nghĩ của tác giả như:  *+ “Như trong một câu chuyện cổ ... người lính cũ Nguyễn Ngọc Linh”.*  + Đoạn kết: *“Mùa lũ dữ rồi cũng qua ... bình an, trường thọ”.*  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức chính 🡺 Ghi lên bảng. | **III. Đọc hiểu văn bản**  ***1. Sự kiện chính của VB***  - Dượng Bảy cùng nhiều người con đất Quảng lên đường ra Bắc tập kết.  - Ra miền Bắc rồi vào lại miền Nam chiến đấu, dượng Bảy vẫn liên lạc với gia đình.  - Dượng Bảy ngã xuống trong trận đánh ở Xuân Lộc, trên đường tiến vào Sài Gòn.  - Ngày hòa bình, đì tôi đã qua tuổi 40. Vẫn có người đàn ông để ý đến dì, nhưng lòng dì không còn rung động.  - Dĩ Bảy năm nay tròn 80 tuổi, đang ngồi một mình đợi Tết.  ***2. Ngôi kể của VB***  - Toàn bộ bài tản văn là lời người kể theo ngôi thứ nhất, xưng “tôi”, đó cũng chính là lời tác giả. Đoạn văn nào cũng là lời tác giả.  - Tác giả kể về câu chuyện của dì mình, lời người kể luôn nhỏ nhẹ, luôn thì thầm với người đọc. Cách kể ấy vừa thể hiện được tình cảm và thái độ quý trọng, kính cẩn, thiêng liêng của người cháu, vừa thể hiện được sự hi sinh thầm lặng, sự chịu đựng bền bỉ, âm thầm, lặng lẽ, “biết hi sinh nên chẳng nhiều lời” của những người phụ nữ Việt Nam. |
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nhân vật trong VB**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, tìm hiểu về những chi tiết, câu văn miêu tả và đưa ra nhận xét về hai nhân vật dì Bảy và dượng Bảy trong tác phẩm thông qua việc hoàn thành phiếu học tập:   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập số 1**  Họ và tên:.....................................  Nhóm:.........  ***Tìm hiểu nhân vật:***   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Dì Bảy** | **Dượng Bảy** | | *Hoàn cảnh* |  |  | | *Tính cách, phẩm chất* |  |  | |   - GV yêu cầu HS chú ý những câu hỏi ở cột bên phải VB để thuận lợi cho việc khai thác hai nhân vật**.**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo nhóm để hoàn thành phiếu học tập số 1.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu đại diện nhóm HS trình bày kết quả phiếu học tập trước lớp, yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét.  - HS trả lời một vài câu hỏi ở cột bên phải VB:  *+ Qua lời văn, ta có thể thấy giọng kể của tác giả dường như đang rung lên một nỗi buồn, tiếc nuối đầy xót xa khi kể về hoàn cảnh của nhà mình và của dì Bảy.*  *+ Trước hoàn cảnh của dì Bảy, tác giả cảm thấy xót xa, thương cho số phận của dì – một người dành cả đời đợi chờ trong vô vọng.*  *+ Việc nhắc tên thật của dì ở đoạn cuối có tác dụng gây ấn tượng cho người đọc về một nhân vật có thật, là người dã từng trải, vẫn sống trong sự cô độc suốt nhiều năm.*  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức chính 🡺 Ghi lên bảng. | ***2. Nhân vật trong văn bản***  ***2.1. Nhân vật dì Bảy***  ***a. Hoàn cảnh***  - Mới lấy nhau được 1 tháng, dượng Bảy đã phải ra Bắc tập kết và đồi người đôi ngả.  - Cuối năm 1975, gia đình nhận được giấy bảo tử của dượng 🡺 dì dượng phải chia ly mãi mãi.  ***b. Tính cách, phẩm chất***  - Dù cho có cô đơn, lẻ loi, dì Bảy vẫn một lòng chung thủy với người chống đã khuất của mình.  - Dì Bày là người phụ nữ đức hạnh, đại diện cho phầm chất của những người mẹ, người vợ Việt Nam anh hùng hi sinh tuổi thanh xuân, tuổi trẻ của mình, nén nỗi đau cá nhân vào bên trong, âm thầm góp sức vào sự nghiệp giải phóng dân tộc.  ***2.2. Nhân vật dượng Bảy***  ***a. Hoàn cảnh***  - Dượng mồ côi cha mẹ, đi bộ đội, đóng quân ở làng tôi, thầm yêu dì, rồi đứng ra làm lễ cưới.  - Chỉ một tháng sau khi lấy vợ thì đơn vị chuyển đi, đôi người đôi ngả.  - Dượng hi sinh trong trận đánh ở Xuân Lộc, chỉ mười ngày trước khi chiến tranh ngưng tiếng súng.  ***b. Tình cách, phẩm chất***  - Dượng Bảy đại diện cho những người anh hùng ra đi bỏ lại đằng sau là gia đình, người thân, chiến đấu để giải phóng dân tộc, để nhân dân được bình yên, hạnh phúc. Nhưng lại không có cái may mắn được chứng kiến ngày đất nước được giải phóng.  - Bên cạnh đó, dượng còn là một người luôn nhớ tới gia đình, tới người vợ tần tảo, phải chịu nhiêu thiệt thòi, vất vả. |
| **Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nghệ thuật và nội dung ý nghĩa.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổng kết lại nội dung đã học, hướng dẫn HS suy nghĩ về sự thống nhất giữa nội dung và hình thức trong bài tản văn này.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, suy nghĩ để tổng kết bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, nêu ý kiến của mình nhắm khái quát và tổng hợp đày đủ và sâu sắc hơn 🡺 Ghi lên bảng. | **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  Bài tản văn đã nêu lên được những vấn đề có ý nghĩa xã hội lớn lao: sự hi sinh thầm lặng, phẩm chất thủy chung, kiên định của người phụ nữ Việt Nam trong chiến tranh.  ***2. Nghệ thuật***  - Kể bằng một câu chuyện giản đơn mà rất xúc động.  - Giọng văn nhỏ nhẹ, chất chứa đầy cảm xúc, suy tư và sự thành kính của người viết.  - Miêu tả nhân vật chân thật, sinh động. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản *Người ngồi đợi trước hiên nhà* đã học.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS thảo luận, trình bày ý kiến về vấn đề liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** Ý kiến chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức cho HS thảo luận đưa ta ý kiến về câu nói: *Dì Bảy trong bài tản văn giống như hình tượng hòn Vọng Phu ở các câu chuyện cổ .*

- GV hướng dẫn HS liên hệ với hình tượng những hòn Vọng Phu xuất hiện nhiều trong chuyện cổ cũng như trong thực tế đất nước ta qua việc yêu cầu HS nêu ý kiến của mình về nhận xét đó và cần chỉ ra sự giống nhau về phẩm chất của hai hình tượng hòn Vọng Phu và dì Bảy trong bài tản văn.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS auy nghĩ để đưa ra những ý kiến tham gia thảo luận.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS trình bày, chia sẻ ý kiến của mình trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá thực hiện nhiệm vụ và chốt vài đáp án thống nhất: *Cả hai đều có phầm chất kiên trinh chờ đợi, thủy chung, bền bỉ, thầm lặng,... đối với người chống ra đi và không trở lại.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng, liên hệ kiến thức đã học về bài *Người ngồi đợi trước hiên nhà* để và liên hệ với bản thân về giá trị của cuộc sống.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn trình bày suy nghĩ của em khi được sống trong hòa bình.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu HS về nhà: *Bài văn cho người đọc thấy sự hi sinh thầm lặng mà lớn lao của những người phụ nữ trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Vấn đề ấy gợi cho em suy nghĩ gì khi được sống trong hòa bình. Viết đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 câu) trình bày ý kiến của em về giá trị của cuộc sống hòa bình.*

- GV yêu cầu HS:

+ Nói lên những cảm nghĩ riêng, xuất phát từ những người suy nghĩ và tình cảm chân thực của chính mình;

+ Không phát biểu suy nghĩ theo lối hô khẩu hiệu, sáo mòn;

+ Không chép lại văn mẫu;...

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe và viết đoạn văn theo yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV yêu cầu HS báo cáo vào buổi học sau. .

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá nhiệm vụ và chốt lại kiến thức.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại bài *Người ngồi đợi trước hiên nhà và chú ý cách đọc các bài tản văn..*

+ Đọc và soạn trước bài ***Thực hành tiếng Việt*** trang 62 SGK.

## TIẾT 119: THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

**TỪ HÁN VIỆT**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết từ Hán Việt, xác định nghĩa của các từ Hán Việt và nghĩa của mối yếu tố cấu tạo nên các từ đó.

- HS phân biệt nghĩa của các yêu tố cấu tạo Hán Việt đồng âm.

- HS sử dụng từ Hán Việt trong tạo lập văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài thực hành.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập liên quan đến từ Hán Việt.

- Năng lực tiếp thu tri thức tiếng việt để hoàn thành các bài tập, vận dụng thực tiễn.

**3. Phẩm chất:**

- Thái độ học tập nghiêm túc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *về từ Hán Việt.*

**b. Nội dung:** GV gợi mở kiển thức mới cho HS.

**c. Sản phẩm:** HS nhận biết được từ Hán Việt.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi kiếm tra lại kiến thức của HS:

*+ Từ “Nam quốc sơn hà” là từ thuần Việt hay từ mượn?*

*+ Nếu là từ mượn, thì mượn của nước nào?*

*+ Em hiểu từ Hán Việt là từ như thế nào?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ và thảo luận trả lời câu hỏi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời HS xung phong trả lời các câu hỏi, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét:

+ *Từ “Nam quốc sơn hà” là từ thuần mượn.*

*+ Đó là từ mượn của nước Trung Quốc.*

*+ Em hiểu từ Hán Việt là từ mượn của tiếng Hàn.*

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS có câu trả lời đúng và đính chính nếu các em nhận diện chưa chính xác.

- Từ câu trả lời của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Ở lớp 6, chúng ta đã được tiếp cận với khái niệm từ Hán Việt rồi đúng không nào? Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau đi củng cố lại kiến thức về từ Hán Việt thông qua bài học* ***Thực hành tiếng Việt*** *ngày hôm nay nhé!*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:** Ôn tập lai khái niệm từ Hán Việt, cách xác dịnh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đã học.

**b. Nội dung:** GV gợi nhớ lại cho HS những kiến thức về từ Hán Việt đã học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS nắm được khái niệm từ Hán Việt, cách xác dịnh nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *-* GV yêu cầu HS trao đổi theo cặp, gợi nhớ lại kiến thức và viể ra vở những kiến thức về khái niệm từ Hán Việt và cách xác định nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** HS thảo luận, gợi nhớ kiến thức.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS đại diện lớp trình bày, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức 🡺 Ghi lên bảng | **1. Từ Hán Việt**  - Từ Hán Việt là từ mượn tiếng Việt, có nghĩa gốc của tiếng Hán nhưng được ghi bằng hệ chữ Quốc ngữ và âm dọc là âm đọc tiếng Việt.  **2. Cách xác định nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt**  - Tách từng từ đó ra thành các yếu tố riêng biệt để xem xét.  - Tập hợp những từ đã biết có một trong các yếu tố của từ được tách ra ở trên và xếp chúng vào các nhóm khác nhau.  - Dựa vào nghĩa chung của một vài từ đã biết trong mỗi nhóm để suy ra nghĩa của từng yếu tố, từ đó, bước đầu xác định nghĩa của từ có yếu tố Hán Việt muốn tìm hiểu. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cổ kiến thức, rèn luyện những kí năng cần thiết cho HS về từ Hán Việt.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn cho HS tập trung vào việc phân tích ngữ liệu trong các bài tâp 1, 2, 3 trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành bài tập 1, 2, 3 trong sách giáo khoa.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1: BT1 SGK/62**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

*-* GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS làm việc theo nhóm để thức hiện bài tập 1, trong đó, mỗi nhóm thực hiện một câu với lần lượt các yêu cầu:

*+ Tìm từ Hán Việt trong những câu trích trong tùy bút Cây tre Việt Nam.*

*+ Xác định nghĩa của các từ Hán Việt đã tìm được và nghĩa của mỗi yếu tố cấu tạo nên các từ đó.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS thảo luận theo nhóm và thực hiện theo hướng dẫn của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài nhóm HS tình bày phần thảo luận nhóm, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và tổng hợp đáp án thống nhất:

+ Tìm từ Hán Việt trong những câu đã cho: *thanh cao, giản dị, khai hoang, nông dân, bất khuất.*

+ Xác định nghĩa của các từ Hán Việt và nghĩa của các yếu tố cấu tạo:

* ***Thanh cao:*** *trong sạch và cao thượng (****thanh:*** *trong sạch, thuần khiết,* ***cao:*** *hơn hẳn mức bình thưởng về phẩm chất).*
* ***Giản dị:*** *không cầu kì, phức tạp, rườm rà (****giản****: gọn, sơ lược, không phức tạp;* ***dị****: dễ dàng).*
* ***Khai hoang:*** *khai phả vùng đất chưa được con người sử dụng (****khai****: mở, mở rộng, phát triển;* ***hoang****: vùng đất chưa được con người sử dụng).*
* ***Nông dân:*** *người lao động sản xuất nông nghiệp (****nông:*** *nghề làm ruộng;* ***dân****: người sống trong một khu vực địa lí hoặc hành chính).*
* ***Bất khuất****: không chịu khuất phục (****bất****: không;* ***khuất:*** *chịu quy phục).*

**Nhiệm vụ 2: BT2 SGK/62**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

*-* GV tiếp tục yêu cầu HS làm việc theo nhóm*: phân biệt nghĩa của các yếu tố cấu tạo Hán Việt trong các từ Hán Việt đã cho*, yêu cầu mỗi nhóm giải quyết một trường hợp đồng âm.

- GV phát cho HS các nhóm Phiếu bài tập để HS hoàn thành:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu bài tập**  Họ và tên:.......................................................................  Nhóm:.......................  ***Phân biệt nghĩa của các yếu tố cấu tạo Hán Việt trong các từ Hán Việt sau:***   |  |  | | --- | --- | | ***Trường hợp a: Giác*** | ***Trường hợp c: Thiên*** | |  |  | | ***Trường hợp b: Lệ*** | ***Trường hơp d: Trường*** | |  |  | |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS thảo luận theo nhóm và hoàn thành Phiếu bài tập theo phân công nhóm.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài nhóm HS trình bày phần thảo luận nhóm, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và và tổng hợp vào Phiếu bài tập:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu bài tập**  Họ và tên:.......................................................................  Nhóm:.......................  ***Phân biệt nghĩa của các yếu tố cấu tạo Hán Việt trong các từ Hán Việt sau:***   |  |  | | --- | --- | | ***Trường hợp a: Giác*** | ***Trường hợp c: Thiên*** | | - Trong *tam giác, tứ giác, ngũ giác, đa giác* có nghĩa là: *góc.*  - Trong *khứu giác, thị giác, thính giác, vị giác* có nghĩa là: *phản ứng, cảm nhận của các bộ phận cơ thể chuyên tiếp nhận kích thích từ bên ngoài.* | - Trong *thiên lí, thiên li mã, thiên niên kỉ* có nghĩa là: *nghìn.*  - Trong *thiên cung, thiên nga, thiên đình, thiên tử* có nghĩa là: *trời, tự nhiên*.  - Trong *thiên cư, thiên đô* có nghĩa là: *dời đi nơi khác.* | | ***Trường hợp b: Lệ*** | ***Trường hơp d: Trường*** | | - Trong *luật lệ, điều lệ, ngoại lệ, tục lệ* có nghĩa là: *điều quy định và đã trở thành nếp.*  - Trong *diễm lệ, hoa lệ, mĩ lệ, tráng lệ* có nghĩa là: *đẹp.* | - Trong *trường ca, trường độ, trường kì, trường thành* có nghĩa là: *dài.*  - Trong *chiến trường, ngư trường, phi trường, quảng trường* có nghĩa là: *nơi diễn ra một loạt hành động nhất định có đông người tham gia.* | |

**Nhiệm vụ 3: BT3 SGK/62-63**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

*-* GV hướng dẫn HS đọc và thực hiện bài tập 3 một cách độc lập, yêu cầu HS lần lượt lựa chọn từ Hán Việt/thuần Việt trong ngoặc đơn (*phu nhân, vợ*), (*phụ nữ, đàn bà*), (*nhi đồng, trẻ con*) phù hợp với ô trống

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS làm việc cá nhân để lựa chọn từ cho phù hợp vào ô trống.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS xung phong lên bảng trình bày bài làm của mình, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện và chiếu đâp án cho HS đối chiếu, chỉnh sửa:

+ Ở cặp từ đồng nghĩa thứ nhất (*phu nhân, vợ*) và cặp từ đồng nghĩa thứ hai (*phụ nữ, đàn bà*), các từ Hán Việt (*phu nhân, phụ nữ*) phù hợp với ô trống ở câu đứng trước trong cặp câu đưa ra; các từ thuần Việt (*vợ, đàn bả*) phù hợp với ô trống ở câu đứng sau.

+ Ở cặp từ đồng nghĩa thứ ba (*nhi đồng, trẻ em*), từ Hán Việt (*nhi đồng*) phù hợp với ô trống ở câu đứng sau trong cặp câu đưa ra; từ thuần Việt (*trẻ em*) phù hợp với ô trống ở câu đứng trước.

- Từ bài tập trên, GV đưa ra kết luận và yêu cầu HS ghi nhớ:

+ *Từ Hán Việt thường được sử dụng trong trường hợp cần biểu thị sắc thái trang trọng.*

*+ Từ thuần Việt thường được sử dụng trong trường hợp cần biểu thị sắc thái thân mật.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức để rèn luyện kĩ năng sử dụng từ Hán Việt trong tạo lập văn bản.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS viết một đoạn văn nêu cảm nghĩ về hình ảnh cây tre được thể hiện trong bài tùy bút Cây tre Việt Nam (Thép Mời), trong đó có sử dụng ít nhất hai từ Hán Việt và chỉ ra nghĩa của các từ đó.

**c. Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành đoạn văn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS: *Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 5 – 7 dòng) nêu cảm nghĩ về hình ảnh cây tre được thể hiện trong bài tùy bút Cây tre Việt Nam (Thép Mời), trong đó có sử dụng ít nhất hai từ Hán Việt và chỉ ra nghĩa của các từ đó.*

- GV hướng dẫn HS lần lượt thực hiện các yêu cầu:

*+ Viết một đoạn văn nêu cảm nghĩ về hình ảnh cây tre được thể hiện trong bài tùy bút Cây tre Việt Nam (Thép Mời), trong đó có sử dụng ít nhất hai từ Hán Việt:* GV có thể hướng dẫn HS viết một đoạn theo yêu cầu trên với gợi ý từ đoạn văn sau*: “Hình ảnh cây tre đã được phản ánh nhiều trong sáng tác văn học. Một trong những áng văn thể hiện sâu sắc, thành công nhất hình ảnh này là tuỳ bút Cây tre Việt Nam của Thép Mới. Trong tác phẩm nổi tiếng này, hình ảnh cây tre được miêu tả với vẻ đẹp, sức sống mãnh liệt, gắn bó sâu sắc với con người trong cuộc sống hằng ngày, trong lao động, chiến đấu, đã trở thành biểu trưng cao quý của dân tộc Việt Nam.”.*

*+ Chỉ ra nghĩa của từ Hán Việt được sử dụng trong đoạn văn:*

* *Cao quý:* có giá trị lớn về tinh thần, rất đáng quý trọng*.*
* *Biểu trưng:* biểu hiện một cách tượng trưng và tiêu biểu nhất.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS nghe yêu cầu và hướng dẫn của GV để viết đoạn văn theo yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một số HS lên đọc đoạn văn của mình trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chuẩn kiến thức.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Hoàn thành các bài tập trong sách bài tập Ngữ văn 7 tập 2.

+ Đọc trước ở nhà văn bản ***Trưa tha hương***(Trần Cư) và thực hiện các nhiệm vụ nêu ở mục *Chuẩn bị*, trong khi đọc và sau khi đọc văn bản.

**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

## TIẾT 120: VĂN BẢN 3. TRƯA THA HƯƠNG

(Trần Cư)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được một số yếu tố hình thức (chất trữ tình, cái “tôi”, ngôn ngữ,…), nội dung (đề tài, chủ đề và ý nghĩa) của tùy bút và tản văn; kết hợp ôn lại các đặc điểm của các tác phẩm kí nói chung như: ngôi kể, tính xác thực của sự việc được kể, hình thức ghi chép.

- HS phân tích được ý nghĩa của các sự việc, chi tiết được chọn lọc ghi chép trong đoạn trích; nêu được mối quan hệ giữa các sự việc, chi tiết với suy nghĩ, cảm xúc của tác giả.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- *Năng lực ngôn ngữ*: Nhận biết được một số yếu tố hình thức: chất trữ tình, cái “tôi”, ngôn ngữ,… của bài tùy bút.

- *Năng lực văn học:* Nhận biết được một số yếu tố nội dung: đề tài, chủ đề và ý nghĩa của bài tùy bút; Phân tích được ý nghĩa của các sự việc, chi tiết được chọn lọc ghi chép trong đoạn trích; Nêu được mối quan hệ giữa các sự việc, chi tiết với suy nghĩ, cảm xúc của tác giả.

**3. Phẩm chất:**

- HS yêu quý, trân trọng truyền thống, cảnh vật và con người của quê hương, đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh và thông tin về nhà văn Trần Cư;

- Máy tính, máy chiếu, video clip;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Trưa tha hương.*

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS nêu những hiểu biết về điệu hát ru của miền Bắc.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi cho HS: *Em có hiểu biết gì về điệu hát ru (ru con) của miền Bắc?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ và liên hệ theo yêu cầu của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS chia sẻ, trình bày hiểu biết của mình trước lớp, yêu cầu HS cả lớp lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS có chia sẻ hay và thú vị.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Nỗi nhớ quê hương là một tỏng những đề tài quen thuộc trong văn học Việt Nam. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đến với những thanh âm đơn sơ, mộc mạc nhưng lại vô cùng thân thuộc, gần gũi gợi lên những kỉ niêm xưa cũ không thể nào quên trong văn bản* ***Trưa tha hương*** *nhé!*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và kiểm tra việc đọc của HS**

**a. Mục tiêu:** Nắm được đặc điểm và cách đọc thể loại này, đồng thời biết được những thông tin về tác giả Trần Cư, tác phẩm *Trưa tha hương.*

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS dựa vào các nội dung nêu ở cột bên phải VB để kiểm tra việc đọc ở nhà của HS và hướng dẫn HS tìm hiểu những thông tin về tác giả Trần Cư, tác phẩm *Trưa tha hương.*

**c. Sản phẩm học tập:** HS đọc văn bản, nêu được một số nét về tác giả Trần Cư và thông tin tác phẩm *Trưa tha hương.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hỏi HS về việc đọc ở nhà bằng cách yêu cầu nêu nội dung chính xác hoặc dựa vào các nội dung nêu ở cột bên phải trong VB này để kiểm tra việc đọc của HS.  - GV yêu cầu HS nhắc lại đặc điểm nổi bật của thể loại tùy bút cũng như lưu ý về cách đọc VB theo thể loại này.  - GV cho HS tìm hiểu các từ ngữ khó và tổ chức đọc diễn cảm một số đoạn văn hay trong bài tùy bút.  - GV yêu cầu HS dựa vào sư chuẩn bị ở nhà và thông tin trong SGK đẻ tìm hiểu về tác giả Trần Cư và tác phẩm *Trưa tha hương.*  - GV yêu cầu HS phân chia bố cục cho VB và đặt tên cho từng phần.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc bài và thực hiện theo yêu cầu GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2-3 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng.  - GV bổ sung thêm thông tin về tác giả Trần Cư:  *+ Trần Cư sinh ra trong một gia đình đông con, với bao nỗi lực của bản thân và gia đình, ông đã lấy được bằng tú tài triết học phần một (năm 1938), sau đó thi vào ngành bưu điện Đông Dương, đi làm phụ gia đình và đồng thời học nốt phần hai, rồi tập trung viết báo.*  *+ Năm 1941, lần đầu tiên trong đời ông có bài đăng trên tờ Tin mới văn chương.*  *+ Những bài viết của ông luôn mang màu sắc của Tự lực văn đoàn.*  *+ Tiểu thuyết thứ bày là tờ bào ông cộng tác lâu dài nhất.* | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  **1. Đọc văn bản**  **2. Tìm hiểu chung**  ***a) Tác giả***  - *Tên đầy đủ*: Trần Ngọc Cư.  - *Năm sinh*: 1918  - *Quê quán*: Thùy Nguyên, Hải Phòng.  - *Thể loại sáng tác*: truyện ngắn, ký, tùy bút.  - *Phong cách sáng tác:* chứa đầy cảm xúc về tất cả những khía cạnh trong cuộc sống của tác giả.  - *Tác phẩm tiêu biếu*: *Trưa tha hương (1943), Trên lái thần (1944),….*  ***b) Tác phẩm***  - *Xuất sứ*: In trong *“Bình luận 6 giờ”,* NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2017.  - Bố cục: 3 phần  + Phần 1: Từ đầu đến “xanh dịu trên rèm cửa”: Tình huống, địa điểm , thời gian của câu chuyện.  + Phần 2: Tiếp đến “nguyên vẹn trong câu hát ru em”: Những âm thanh quen thuộc đưa nhân vật trở về với những kỉ niệm xưa cũ ở quê hương.  + Phần 3: Còn lại: Câu hát ru quen thuộc, đầy kí ức về quê hương. |

**Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được một số yêu tố về hình thức và nội dung của VB, phân tích được ý nghĩa của các sự việc, chi tiết được chọn lọc ghi chép trong đoạn trích; nêu được mối quan hệ giữa các sự việc, chi tiết với suy nghĩ, cảm xúc của tác giả trong bài học *Trưa tha hương.*

**b. Nội dung:** GV linh hoạt hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi, thực hiện các nhiệm vụ trong SGK để tìm hiểu văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học *Trưa tha hương.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu tình huống, địa điểm, thời gian của câu chuyện**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc phần 1 và thảo luận theo cặp dể chỉ ra:  *+ Đề tài và bối cảnh của câu chuyện có gì đặc biệt?*  *+ Tình huống, địa điểm, thời gian của câu chuyện.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp để tìm ra câu trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS đại diện lên trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **II. Đọc hiểu văn bản**  ***1. Tình huống, địa điểm, thời gian của câu chuyện***  Bối cảnh: nằm ở ngay phần mở đầu: *“Một buổi trưa ở Chúp ... ai nấy đều sửa soạn đi nghĩ ... Bỗng nhiên, ở bên trái, ngoài hiên rộng, nồi lên tiếng võng đong đưa ... Rồi một giọng ru em nổi lên – một giọng người Bắc ...”*  - Tình huống: nhân vật tôi nằm nghỉ trưa ở nhà người bạn, trước không gian trưa vắng lặng và âm thanh tiếng ru quen thuộc  - Địa điểm:  + Ở Chúp, bên kia bờ Cửu Long Giang.  + Ở nhà một người bạn Nam Kỳ.  - Thòi gian: buổi trưa lung linh. |
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu những âm thanh quen thuộc đưa nhân vật trở về với những kỉ niệm xưa cũ ở quê hương**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm nhỏ, đọc phần 2 VB và trả lời nhứng câu hỏi:  *+ Từ “nạo” trong câu “Tiếng võng đưa kẽo kẹt như* ***nạo*** *vào hồn” diễn tả được điều gì?*  *+ Tiếng hát ru đã làm nhân vật “tôi” nhớ đến những gì và đã giúp nhân vật “tôi” nhận ra điều gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS làm việc theo cặp trao đổi và thực hiện theo yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu mời một vài nhóm HS trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng | ***2.* Những âm thanh quen thuộc đưa nhân vật trở về với những kỉ niệm xưa cũ ở quê hương**  *- Âm thanh:*  + Tiếng dây thừng căng thẳng thẳng cọ vào guốc võng kẽo kẹt nghe buồn nản lạ.  + Tiếng võng đưa kẽo kẹt như nạo (Từ ***nạo*** diễn tả một sự bào mòn tâm hồn trong tác giả khi nghe tiếng võng khiến nối nhớ, những kí ức ùa về càng da diết hơn).  + Một giọng ru em nổi lên – một giọng ngưởi Bắc.  *- Tiếng hát ru đã làm nhân vật “tôi” nhớ về những ngày thơ ấu ở xứ Bắc với biết bao kỉ niệm ùa về.*  + “Tự nhiên tôi thấy nhớ nhà”, “tôi bỗng nhớ nhà như một đứa trẻ”.  + Nhớ về những kỉ niệm ngày xưa với thầy, mẹ và vú em.  🡺 Tiếng hát ru đã giúp nhân vật “tôi” nhận ra sự hạnh phúc giản dị, bình thường luôn hiện diện trong gia đình của nhân vật “tôi”, nhưng nay phải đi xa rồi, nhân vật “tôi” mới hiểu. |
| **Nhiệm vụ 3:** **Tìm hiểu *c*âu hát ru quen thuộc, đầy kí ức về quê hương.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc phẩn 3 và mời một vài HS đọc diễn cảm trước những câu hát ru trong phần này.  - GV đặt câu gọi mở cho HS suy nghĩ trả lời:  *+ Chi tiết “ôm con người” cho biết người hát ru là ai?*  *+ Nhân vật “tôi” thấy hình ảnh gì của quê hương qua tiếng hát ru?*  *+ Dẫn ra một số câu, đoạn thể hiện rõ tình cảm xúc động và những suy nghĩ sâu lắng của tác giả khi nghe tiếng hát ru.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc và suy nghĩ trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài HS trình bày câu trả lời trước lớp, HS còn lại lắng nghe và bổ sung.  - HS dẫn ra một số đoạn thể hiện rõ tình cảm xúc động và những suy nghĩ sâu lắng của tác giả khi nghe tiếng hát ru, ví dụ như:  *+ “Tiếng ru đều hòa với tiếng võng ... nguyên vẹn trong câu hát ru em”.*  *+ “Rồi một lúc lâu ... bớt cô đơn hơn một chút”.*  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức chính 🡺 Ghi lên bảng. | ***3*. *C*âu hát ru quen thuộc, đầy kí ức về quê hương.**  - Chi tiết “ôm con người” cho biết người hát ru là người đi ở vú.  - Qua tiếng hát ru, nhân vật “tôi” thấy hình ảnh về khung cảnh quen thuộc của quê hương ở xứ Bắc:  + Những làng tre xanh trên ruộng lúa, với các cô thôn nữ khăn mỏ quạ.  + Những đêm trăng trai gái hát trống quân  + Những đêm chèo ngày vào đám của quê hương.  🡺 Những âm thanh quen thuộc ở quê hương vẫn còn mãi trong tâm hồn những người con xa xứ, dì đi tới dâu, ở bất cứ nơi nào vẫn nhớ tới quê hương thân yêu của mình. |
| **Nhiệm vụ 4: Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Sau khi hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi thực hiện các nhiệm vụ*,* GV yêu cầu HS: *Nêu khái quát giá trị nổi bật đáng ghi nhớ của văn bản về nội dung và nghệ thuật.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, suy nghĩ để tổng kết bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  Bài tùy bút nói lên những suy nghĩ và cảm xúc của tác giả về điệu hát ru nói riêng, nỗi lòng người xa xứ nói chung nhân nghe tiếng hát ru của một người phụ nữ miền Bắc.  ***2. Nghệ thuật***  - Nghệ thuật tả cảnh đặc sắc, bức tranh nông thôn buổi trưa hiện ra chân thực, sinh động.  - Ngôn ngữ giàu chất thơ, thể hiện cảm xúc nhớ thương, da diết. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản *Trưa tha hương* đã học.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS dẫn ra một hoặc hai câu văn thể hiện rõ đặc điểm của tùy búy.

**c. Sản phẩm học tập:** HS dẫn ra một hoặc hai câu văn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV tổ chức cho HS dẫn ra một hoặc hai câu văn thể hiện rõ đặc điểm của tùy búy thể hiện trong văn bản: *Ngôn ngữ rất giàu hình ảnh và cảm xúc.*

- GV gợi ý cho HS xem lại phần *Kiến thức ngữ văn* về đặc điểm của ngôn ngữ tùy bút, từ đó, tìm và dẫn ra đoạn văn minh họa cho HS.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS tìm trong văn bản và dẫn ra các câu văn hoặc đoạn văn theo yêu cầu.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV tổ chức cho HS tự do trình bày câu hoặc đoạn văn tìm được đúng yêu cầu, HS còn lại láng nghe, nhận xét và bổ sung.

***Dự kiến sản phẩm:***

+ Đoạn *“Rồi xứ Bắc, với những làng tre xanh trên ruộng lúa ... hiện về lòng tôi vì câu hát...”*

+ Đoạn *“Ngoài vườn, nắng đẹp vô ngần ... cái màu xanh dịu trên rèm cửa”.*

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết luận.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về bài *Trưa tha hương* để liên hệ với bản thân giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để tự rút ra những hiểu biết về điệu hát ru Bắc Bộ từ bài tùy bút này.

**c. Sản phẩm học tập:** Chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu HS: *Chia sẻ những hiểu biết của em về điệu hát ru Bắc Bộ từ bài tùy bút Trưa tha hương vừa học.*

- GV có thể cho HS (các tỉnh Nam Bộ và miền trung) liên hệ với điệu hát ru của địa phương mình để nêu lên các điểm giống nhau và khác biệt trong các điệu hát ru.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe và suy nghĩ trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV yêu cầu HS chia sẻ trong bàn trước, sau đó mời một vài HS tự tin chia sẻ trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá nhiệm vụ, và tuyên dương những HS có chia sẻ thú vị.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại bài *Trưa tha hương.*

+ Đọc trước ở nhà bài ***Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc****.*

**VIẾT**

## TIẾT 121+122: VIẾT BÀI VĂN BIỂU CẢM VỀ CON NGƯỜI

## HOẶC SỰ VIỆC

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS biết viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.

**2. Năng lực.**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng viết bài văn.

**3. Phẩm chất:**

- HS yêu quý, trân trọng truyền thống, cảnh vật và con người của quê hương, đất nước.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học*Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.*

**b. Nội dung:** GV đặt những câu hỏi gợi mở vấn đề cho HS chia sẻ.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu câu hỏi gợi mở vấn đề: *Trong cuộc sống, có những con người, những sự việc nào để lại cho em ấn tượng sâu sắc không thể quên? Hãy chia sẻ với cả lớp cảm nghĩ về con người hoặc sự việc đó.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS lắng nghe, suy nghĩ về câu hỏi gợi mở.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS tự tin, mạnh dạn chia sẻ trước lớp, yêu cầu HS còn lại lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS có những chia sẻ hay và thú vị.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong cuộc sống hay khi đọc một tác phẩm văn chương, em có ấn tượng đặc biệt về một người thân quen hoặc một sự vật, một nhân vật, vậy em sẽ bộc lộ tình cảm, suy nghĩ về người hoặc sự vật đó như thế nào? Trong bài 3, chúng ta đã được làm quen với kiểu bài này, và, trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ tiếp tục đi rèn luyện kĩ năng* ***Viết bài văn biểu cảm về con người và sự việc*** *gắn với các bài tùy bút và tản văn đã học trong phần Đọc hiểu văn bản nhé!*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Định hướng**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những định hướng khi viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS đọc và ghi nhớ định hướng khi viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc phần *Định hướng* trong SGK, trang 68 SGK.  - Sau đó, GV tổ chức cho HS tìm hiểu các điểm cần chú ý khi viết bài văn biển cảm về con người hoặc sự việc được nêu ở hai phần trong mục *Định hướng.*  - GV yêu cầu HS đọc thêm bài văn tham khảo biểu cảm về một con người trong SGK trang 68-69: *Cảm nghĩ về đại tướng Võ Nguyên Giáp.*  - GV cho HS trao đổi về định hướng này với câu hỏi “Tại sao?” gắn với từng yêu cầu nhỏ trong đó, ví dụ: *Tại sao khi viết bài văn biểu cảm, trước hết cần xác định dối tượng biểu cảm?”...*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc, ghi chép vào vở và thảo luận trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài đại diện HS trả lời câu hỏi trước cả lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **1. Định hướng viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc**  ***a) Khái niệm***  - Biểu cảm về con người hoặc sự việc là nêu lên những tình cảm, cảm xúc và thái độ của em về con người hoặc sụ việc nào đó.  ***b) Lưu ý***  - Xác định được con người hoặc sự việc cần biểu cảm.  - Giới thiệu tóm tắt về con người hoặc sự việc định biểu cảm.  + Nêu lên tình cảm, cảm xúc và thái độ trước con người hoặc sự việc ấy: vui, buồn, trân trọng, căm giận, xót thương, kính phục, ngợi ca, phê phán,…  + Viết bài văn biểu cảm theo một dàn ý hợp lí. |

**Hoạt động 2: Chuẩn bị trước khi viết**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các kĩ năng viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự vật.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS áp dụng viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự vật.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **- GV nêu yêu cầu bài:** *Viết bài văn biểu cảm về hình ảnh nhân vật dì Bảy trong bài tản văn “Người ngồi trước hiên nhà” của tác giả Huỳnh Như Phương.*  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị trước khi viết theo các bước:  ***\* Chuẩn bị***  - GV hướng dẫn HS:  *+ Xem lại nội dung đọc hiểu văn bản Người ngồi đợi trước hiên nhà.*  *+ Xác định đối tượng biểu cảm của đề bài*  *+ Tìm hiểu thêm thông tin về những vẻ đẹp của người phụ nữ trong cuộc sống nói chung và đức hi sinh của người phụ nữ trong chiến tranh nói riêng.*  ***\* Tìm ý và lập dàn ý***  ***- Tìm ý:***  GV hướng dẫn HS huy động tối đa các ý tưởng để tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:  *+ Câu chuyện về “người ngồi đợi trước hiên nhà” có gì đáng chú ý?*  *+ Dì Bảy tiêu biểu cho những đức tính nào của người phụ nữ Việt Nam?*  *+ Dì Bảy để lại trong em những tình cảm, suy nghĩ gì?*  *+ Xã hội cần phải ứng xử như thế nào với những người như dì Bảy?*  ***- Lập dàn ý***  GV hướng dẫn HS sắp xếp các câu trả lời theo trật tự hợp lí để hoàn thành dàn ý với ba phần như gợi ý trong SGK trang 69: *Mở bài, Thân bài, Kết bài.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe yêu cầu, thực hiện theo các bước để chuẩn bị thực hành viết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS báo cáo kết quả thực hiện.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **2. Trước khi viết**  - Tìm hiểu đề.  *Đối tượng biểu cảm*: sự hi sinh cả dì Bảy trong VB *Người ngồi đợi trước hiên nhà.*  - Tìm ý.  *+ Câu chuyện về “người ngồi đợi trước hiên nhà” kể về hình ảnh dì Bảy – người phụ nữ chờ chồng hơn 20 năm.*  *+ Dì Bảy tiêu biểu cho sự thủy chung, son sắt của người phụ nữ Việt Nam?*  *+ Dì Bảy để lại trong em sự thương xót, cảm động, nể phục và kính trọng.*  *+ Xã hội cần phải trân trọng, giúp đỡ, động viên với những người như dì Bảy?*  - Lập dàn ý:  *a) Mở bài:* Nêu ấn tượng chung về hình ảnh người phụ nữ trong tản văn *Người ngồi đợi trước hiên nhà.*  *b) Thân bài:*  + Tóm tắt câu chuyện về người phụ nữ chờ chồng hai chục năm trong VB  + Phát biểu cảm xúc, tình cảm, thái độ của em trước tính cách và phẩm chất của người phụ nữ ấy.  + Phát biểu suy nghĩ về sụ hi sinh thầm lặng, cao cả của những người phụ nữ trong các cuộc chiến tranh và trách nhiệm của xã hội trong việc ứng xử với những người như dì Bảy  *c) Kết bài:* Nêu lên suy nghĩ và bài học của cá nhân em về hình ảnh người phụ nữ trong VB *Người ngồi đợi trước hiên nhà.* |

**Hoạt động 3: Thực hành trong khi viết**

**a. Mục tiêu:** Viết được bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học viết bài văn biểu cảm về hình ảnh nhân vật dì Bảy trong bài tản văn “Người ngồi trước hiên nhà” của tác giả Huỳnh Như Phương

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS từ việc luyện tập ở tiết trước, thực hành viết bài văn theo hai hướng khác nhau:  + Một là từ dàn ý đã xây dựng, GV yêu cầu HS tự chọn viết một đoạn (mở bài hoặc một ý lớn của thân bài), sau đó, đọc to trước lớp và tập sửa chữa, hoàn thiện phần đã viết (15 – 20 phút). GV lưu ý HS: Cần tập trun vào ý dã chọn, không viết lan man sang các ý khác.  + Hai là GV yêu cầu HS viết hoàn chỉnh bài văn tại lớp.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe yêu cầu để thực hành viết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS báo cáo kết quả thực hiện.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **3. Trong khi viết**  - Viết bài văn biểu cảm về hình ảnh nhân vật dì Bảy trong bài tản văn “Người ngồi trước hiên nhà” của tác giả Huỳnh Như Phương |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để thực hành kiểm tra và chỉnh sửa, hoàn thiện đoạn văn.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS tự kiểm tra, chỉnh sủa đoạn văn của mình.

**c. Sản phẩm học tập:** HS chỉnh sửa, hoàn thiện đoạn văn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS kiểm tra và chỉnh sửa đoạn văn của mình theo các bước:  \* Kiểm tra lại xem bài viết đã đầy đủ và đúng trình tự.  \* Tự phát hiện và biết cách sửa các lỗi về viết như:  *+* Lỗi về ý: *thiếu ý (ý sơ sài, chưa nêu hết được những điều cần viết); ý lộn xộn (các ý không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí); lạc ý (nêu các ý không liên quan đến nội dung bài yêu cầu); ý tản mạn (nêu các ý không tập trung vào nội dung chính của bài viết).*  + Lỗi về diễn đạt (dùng tư, viết câu), chính tả.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe hướng dẫn để kiểm tra và chỉnh sửa đoạn văn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS báo cáo kết quả thực hiện.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **4. Sau khi viết**  - Kiểm tra và chỉnh sửa bài văn của mình. |

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Xem lại nội dung bài học.

+ Đọc trước ở nhà bài ***Trao đổi về một vấn đề*** trang 70-71 SGK.

**NÓI VÀ NGHE**

## TIẾT 123: TRAO ĐỔI VỀ MỘT VẤN ĐỀ

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS biết thảo luận nhóm tình bày về một vấn đề trong đời sống.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập trao đổi về một vấn đề.

**3. Phẩm chất:**

- HS tham gia tích cực vào nội dung bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Trao đổi về một vấn đề.*

**b. Nội dung:** GV kiểm tra phần chuẩn bị bài nói của HS.

**c. Sản phẩm:** Phần chuẩn bị của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS dành ra khoảng 5 phút để tự rà soát lại nội dung bài nói đã chuẩn bị ở nhà, yêu cầu HS xếp vị trí quây thành các nhóm nhỏ để cùng tham gia trao đổi.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập để trình bày trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét..

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi HS đã chia sẻ.

- Từ chia sể của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Ở bài 7, chúng ta đã cũng nhau luyện tập trao đổi về một vấn đề trong đời sống. Trong bài học nói và nghe ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng dựa vào bài Viết của giờ học trước để thực hành* ***trao đổi về một vấn đề*** *nhé!*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Định hướng**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kết hợp hướng dẫn của GV để chuẩn bị bài nói.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói đã được chuẩn bị trước ở nhà.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV lưu ý HS: *Nội dung nói và nghe gắn với đọc và viết ở tiết học trước nên ở đây, các em cần phải dựa vào dàn ý làm ở phần học viết.*

- Từ dàn ý đó, GV yêu cầu HS xem xét và bổ sung thêm nội dung (nếu có) và lưu ý HS cách kể bằng lời (miệng – ngôn ngữ nói) khác với kể bằng viết (ngôn ngữ viết) như thế nào.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc và ghi lại những thắc mắc để trao đổi.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS trình bày trước lớp, cả lớp lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**Hoạt động 2: Chuẩn bị trước khi nói và nghe**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS thảo luận, trình bày trong nhóm và trước lớp.

**c. Sản phẩm học tập:** HS trình bày, thảo luận sôi nổi, tích cực

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - ***GV nêu yêu cầu bài:*** *Hãy trao đổi về vấn đề: Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam trong thời kì chống Mý cứu nước qua tản văn “Người ngồi đợi trước hiên nhà” của tác giả Huỳnh Như Phương.*  - GV cho HS chuẩn bị ý kiến của cá nhân và nhóm theo gợi ý SGK.  ***\* Chuẩn bị:***  + Xem lại nội dung đọc hiểu VB *Người ngồi đợi trước hiên nhà*, tìm các thông tin liên quan đến vấn đề sẽ trao đổi.  + Xem lại nội dung tìm ý và lập dàn ý trong phần Viết.  + Chuẩn bị tranh, ảnh và phương tiện trình bày (nếu có).  ***\* Tìm ý và lập dàn ý:***  - GV hướng dẫn HS tìm ý bằng cách đặt và yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:  *+ Người phụ nữ được nói đến trong VB là ai? Người phụ nữ ấy phải chịu đựng những hi sinh, mất mát gì?*  *+ Vì sao người phụ nữ ấy lại phải chịu những hi sinh, mất mát?*  *+ Qua nhân vật này, có thể thấy những phẩm chất gì của người phụ nữ Việt Nam?*  *+ Ý nghĩa và bài học rút ra từ hình ành người phụ nữ ấy?*  - GV hướng dẫn HS dựa vào dàn ý đã lập từ bài Viết để lập dàn ý cho bài nói theo bố cục 3 phần: *Mở bài, thân bài, kết bài.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS chuẩn bị trước khi nói theo các bước.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức cho các nhóm HS cùng trao đổi, thảo luận kết quả làm việc với nhau trong nhóm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | - Chuẩn bị  - Tìm ý.  *+ Người phụ nữ được nói đến trong VB là dì Bảy. Người phụ nữ ấy phải chịu chờ chồng đi chiến tranh suốt 20 năm, nhưng rồi cuối cùng lại phải nhận tin dữ là chồng đã hi sinh.*  *+ Người phụ nữ ấy lại phải chịu những hi sinh, mất mát vì chiến tranh giản khổ, vì cuộc sống không biết trước điều gì.*  *+ Qua nhân vật này, có thể thấy những phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam là sự hi sinh, thủy chung, son sắt,…*  *+ Ý nghĩa và bài học rút ra từ hình ành người phụ nữ ấy: giữ tấm lòng chung thủy, hướng về những người thân yêu để làm hậu phương vững chắc cho họ, phải giữ niềm tin và lạc quan…*  - Lập dàn ý:  *a)* *Mở đầu*: Giới thiệu vấn đề đặt ra trong VB Người ngồi đợi trước hiên nhà: dì Bảy, hình ảnh người phụ nữ Việt Nam.  *b)* *Nội dung chính*:  + Nêu tóm tắt nội dung câu chuyện của dif Bảy (ngắn, dài tùy thời gian).  + Phân tích những phầm chất của nhân vật dì Bảy (đức hi sinh, sự thủy chung, son sắt,…).  + Trình bày những suy nghĩ, cảm xúc và thái độ của mình về hình ảnh người phụ nữ trong thời kì kháng chống Mỹ cứu nước.  *c) Kết thúc:* Khẳng định lại phẩm chát cao đẹp của người phụ nữ Việt Nam và nói lên những suy nghĩ của em trước nỗi đau mà họ đã phải chịu đựng trong chiến tranh. |

**Hoạt động 3: Thực hành trong khi viết**

**a. Mục tiêu:** Trình bày được bài nói trao đổi về một vấn đề.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức để thực hành thảo luận nhóm trao đổi về một vấn đề trong đời sống.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV xác định hình thức trao đổi (theo nhóm hay cả lớp), sau đó, yêu cầu mỗi nhóm bầu nhóm trưởng – người điều khiển cuộc thảo luận và nêu yêu cầu.

+ Người nói: *Dựa vào dàn ý, thực hiện việc trình bày bằng lời ý kiến về vấn đề đã lựa chọn trước nhóm*.

+ Người nghe: *Tập trung theo dõi, ghi chép nội dung chính và quan sát cách trình bày của người nói, trao đổi, tranh luận với các ý kiến còn khác biệt*.

- GV chú ý HS trao đổi, góp ý phần trình bày của bạn. Chú ý các lỗi cần tránh khi nghe và có thái độ phù hợp trong trao đổi.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu để thực hành trao đổi bài nói.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV yêu cầu chủ trì dẫn dắt cuộc thảo luận bài nói.

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để thực hành kiểm tra và chỉnh sửa, hoàn thiện bài nói – nghe.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS tự kiểm tra, chỉnh sủa bài nói – nghe của mình.

**c. Sản phẩm học tập:** HS chỉnh sửa, hoàn thiện bài nói – nghe.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV hướng dẫn HS kiểm tra và chỉnh sửa bài nói và nghe của mình theo các yêu cầu sau:

*+ Người nói và người nghe cùng rút kinh nghiệm về nội dung và cách thức trao đổi một vấn đề còn có ý kiến chưa thống nhất.*

*+ Chú ý các lỗi trong khi nói như: nói không rõ ràng, lộn xộng, không tập trung nghe, chưa tôn trọng ý kiến khác với quan điểm của mình.*

*+ Xác định được cách chỉnh sửa các lỗi.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe hướng dẫn để kiểm tra và chỉnh sửa bài nói – nghe.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi HS báo cáo kết quả thực hiện.

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét và tổ chức cho HS nhận xét bài nói của nhau, rút kinh nghiệm về cách trao đổi về một vấn đề trong đời sống hoặc trong văn học

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Xem lại nội dung bài học.

+ Đọc trước ở nhà bài ***Ghe xuống Nam Bộ*** trang 76 SGK.

**TIẾT 124: TỰ ĐÁNH GIÁ( KTTX-KTDGNL NÓI VÀ NGHE)**

**TIẾT 125: ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS trình bày được các nội dung cơ bản đã học trong sách Ngữ văn 7, chủ yếu là tập hai, gồm các kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng việt, văn học.

- HS nêu được các yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập giúp em tự đánh giá kết quả học tập cuối năm.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- *Năng lực văn học:* Trình bày các nội dung cơ bản đã học trong sách Ngữ văn 7, chủ yếu là tập hai, gồm các kĩ năng đọc hiểu, viết, nói và nghe; các đơn vị kiến thức tiếng việt, văn học; Nêu các yêu cầu về nội dung và hình thức của các câu hỏi, bài tập giúp HS tự đánh giá kết quả học tập cuối năm.

**3. Phẩm chất:**

- HS tich cực tham gia, tự đánh giá được kết quả học tâp cuối năm của mình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Máy tính, máy chiếu, video clip;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Ôn tập và tự đáng giá cuối học kì II.*

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS lập bảng tổng kết về hệ thống kiển thức trong phần Kiến thức ngữ văn ở sách *Ngữ văn 7*, tập hai.

**c. Sản phẩm:** Bảng thống kê HS lập được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp lập bảng tổng kết về hệ thống kiển thức trong phần *Kiến thức ngữ văn* ở sách *Ngữ văn 7*, tập hai.

- GV đặt thêm câu hỏi: *SGK đã nêu lên những đơn vị kiến thức nào, trong đó, những kiến thức nào mới so với lớp 6?*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài** | **Tên đơn vị kiến thức** | |
| **Tiếng Việt** | **Văn học** |
| 6 | Biện pháp tu từ nói quá, nói giảm – nói tránh | Một số yếu tố hình thức, nội dung của truyện ngụ ngôn và tực ngữ |
| 7 | ………………………. | …………………………… |
| 8 | ………………………. | …………………………… |
| 9 | ………………………. | …………………………… |
| 10 | ………………………. | …………………………… |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận và hoàn thành bảng thống kê.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS chia sẻ, trình bày bảng thống kê của nhóm mình đã hoàn thành trước lớp, yêu cầu HS cả lớp lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá và tổng hợp lại thành bảng thống kê hoàn thiện:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài** | **Tên đơn vị kiến thức** | |
| **Tiếng Việt** | **Văn học** |
| 6 | Biện pháp tu từ nói quá, nói giảm – nói tránh | Một số yếu tố hình thức, nội dung của truyện ngụ ngôn và tực ngữ |
| 7 | Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh; Dấu chấm lửng | Từ ngữ và hình ảnh trong thơ |
| 8 | Liên kết và mạch lạc trong văn bản | Đặc điểm của văn bản nghị luận xã hội |
| 9 | Từ Hán Việt | Tùy bút và tản văn; Chất trữ tình, cái “tôi”, ngôn ngữ của tùy bút, tản văn |
| 10 | Thuật ngữ | Triền khai ý tưởng và thông tin theo các đối tượng được phân loại; Cước chú và tài liệu tham khảo; Phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ; Văn bản tường trình. |

- Từ phần trình bày của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:Ôn tập: *Vậy là chúng ta đã được học hết những kiến thức của chương trình Ngữ Văn 7 rồi. Bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi ôn tập lại những kiến thức đã học trong học kì II để củng cố, nắm chắc tri thức ngữ văn qua việc giải quyết các bài tập trong sách nhé!*

**B. HOẠT ĐỘNG ÔN TẬP KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Ôn tập kĩ năng đọc hiểu**

**a. Mục tiêu:** Ôn tập kĩ năng đọc hiểu.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS ôn tập kĩ năng đọc hiểu văn bản thông qua giải quyết câu 1 đến câu 5 trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành câu 1 đến câu 5 trong SGK.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhiệm vụ 1: C1 và C2 SGK/95-96**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chia lớp thành 2 nhóm, phân công cho mỗi nhóm thảo luận và hoàn thành bảng thống kê theo mẫu trong SGK:

+ Nhóm 1 (Câu 1): *Thống kê tên các thể loại, kiểu văn bản và tên văn bản cụ thể đã học.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại** | **Thể loại hoặc kiểu VB** | **Tên VB đã học** |
| VB văn học |  |  |
| VB nghị luận |  |  |
| VB thông tin |  |  |

+ Nhóm 2 (Câu 2): *Thống kê nội dung chính của các bài đọc hiểu.*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Loại** | **Tên VB** | **Nội dung chính** |
| VB văn học |  |  |
| VB nghị luận |  |  |
| VB thông tin |  |  |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận nhóm và hoàn thành bảng thống kê theo yêu cầu GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS mỗi nhóm trình bày bảng trước lớp, HS còn lại nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, tổng hợp kết quả của cả hai câu vào bảng thống kê chung:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Loại** | **Thể loại hoặc kiểu VB** | **Tên VB đã học** | **Nôi dung chính** |
| VB văn học | Truyện ngụ ngôn | Đẽo cày giữa đường | Câu chuyện về một anh thợ mộc mang hết vốn liếng ra mua gỗ để đẽo cảy. Tuy nhiên cứ ai bảo làm to lại đẽo to, ai bảo đẽo nhỏ lại đẽo nhỏ. Kết quả là anh đã đẽo hết số gỗ mà chẳng bán được chiếc nào cả. |
| Ếch ngồi đáy giếng | Một con ếch do quen thói huênh hoang, coi trời bằng vung nên bị một con trâu giẫm bẹp. |
| Bụng và Răng, Miệng, Tay, Chân | Tay, Miệng, Răng bị so bì với Bụng nên bàn nhau không làm gì để anh Bụng phải lao động. Nhưng mấy ngày sau cả thảy đều mệt mõi rã rời. Mọi người hiểu ra, đến xin lỗi anh Bụng và hòa thuận trở lại. |
| Tục ngữ | Tục ngữ về thiên nhiên, lao động và con người, xã hội (1), (2). | Các câu tục ngữ nhằm giải thích hiện tượng tự nhiên, các kinh nghiệm trong lao động sản xuất, con người và xã hội. |
| Thơ | Những cánh buồm | Bài thờ nói về ước mơ của cha và con qua hình ảnh cánh buồm |
| Mây và sóng | Thông qua cuộc trò chuyện của em bé với mẹ, bài thơ Mây và sóng của Ta-go ngợi ca tình mẫu tử thiêng liêng, sâu săc. |
| Mẹ và quả | Công ơn người mẹ được lí giải qua những liên tưởng gần gũi mà sinh động |
| Tùy bút và tản văn | Cây tre Việt Nam | Cây tre là người bạn thân thiết, lâu đời của người nông dân và nhân dân Việt Nam. Cây tre có vẻ đẹp bình dị và nhiều phẩm chất quý báu. Cây tre trở thành một biểu tượng của đất nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam. |
| Người ngồi đọi trước hiên nhà | Bài tản văn kể về số phận bất hạnh của dì Bảy chờ chồng suốt 20 năm trời. Ngay cả khi biết chồng mình đã bỏ mạng ở chiến trường, dì vẫn một lòng chung thủy không hề rung động trước bất kì ai. |
| Trưa tha hương | Nỗi nhó quê hương da diết của một người con đang tha hương nơi xứ người khi bắt gặp âm thanh quen thuộc |
| VB nghị luận | Nghị luận xã hội | Tinh thần yêu nước của nhân dân ta | Bài văn đã làm sáng tỏ một chân lí: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta” |
| Đức tính giản dị của Bác Hồ | Giản dị là đức tính nổi bật của Bác Hồ: giản dị trong đời sống, trong quan hệ với mọi người, trong cả lời nói và bài viết, hòa hợp với đời sống tinh thần phong phú, với tư tưởng và tình cảm cao đẹp. |
| Tượng đài vĩ đại nhất | Văn bản đề cập đến truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, tinh thần yêu nước, sẵn sàng chiến đấu hi sinh vì đất nước, vì độc lập dân tộc. |
| VB thông tin | Văn bản thông tin | Ghe xuồng Nam Bộ | Các loại ghe xuồng Nam Bộ và những giá trị và kinh tế, văn hóa của ghe xuồng với người dân nơi đây. |
| Tổng kiểm soát phương tiện giao thông | Số liệu thống kê về việc xử lí các phương tiện giao thông, người điều khiển phương tiện vi phạm |
| Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa | Các phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa |

**Nhiệm vụ 2: C3 SGK/96**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm việc theo cặp: *Nêu những điểm cần chú ý về cách đọc thơ, truyện ngụ ngôn, kí (tùy bút, tản văn) và VB nghị luận, VB thông tin.*

- GV khuyển khích các nhóm HS kẻ bảng vào vở cho tiện thống kê.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo cặp và hoàn thành bảng thống kê theo yêu cầu GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS mỗi nhóm trình bày bảng trước lớp, HS còn lại nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, tổng hợp kết quả của cả hai câu vào bảng thống kê chung:

|  |  |
| --- | --- |
| **Thể loại** | **Điểm cần chủ ý về cách đọc** |
| Thơ | - Xác định được thể thơ, vần và nhịp diệu.  - Xác định đề tài của bài thơ.  - Hiểu nội dung, thông điệp mà tác giả muốn truyền tải |
| Truyện ngụ ngôn | - Xác định đề tài của truyện  - Hiểu được bài học triết lí nhân sinh được rút ra từ truyện |
| Kí | - Xác định thể loại (tản văn hay tùy bút)  - Xác định đối tượng được nhắc đến, tình huống diễn ra  - Xác định ý nghĩa của văn bản đó |
| VB nghị luận | - Xác định vấn đề cần nghị luận, lí lẽ, bằng chứng  - Cách triển khai ý của văn bản  - Thông điệp rút ra từ văn bản |
| VB thông tin | - Nhận biết được cách triển khai các ý tưởng và thông tin; ý nghĩa của cước chú và tài liệu tham khảo trong văn bản.  - Chú đề chính của văn bản. |

**Nhiệm vụ 3: C4-5 SGK/96**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm, tích hợp câu 4 và câu 5 và hoàn thành bảng hệ thống:

+ Câu 4: *Nêu những thể loại khác nhau của các văn bản đã học ở hai tập sách Ngữ văn 7.*

+ Câu 5: *Nêu những điểm khác nhau về đề tài, hình thức của VB nghị luận và VB .thông tin đã học trong hai tập sách Ngữ văn 7*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo nhóm và hoàn thành bảng thống kê theo yêu cầu GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS mỗi nhóm trình bày bảng trước lớp, HS còn lại nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, tổng hợp kết quả của cả hai câu vào bảng thống kê chung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thể loại** | **Tập một** | **Tập hai** |
| Truyện | Truyện ngắn, tiểu thuyết, truyện khoa học viễn tưởng | Truyện ngụ ngôn |
| Thơ | Thơ bốn chữ, năm chữ | Thơ tự do |
| Kí |  | Tản văn, tùy bút |
| **Loại VB** | **Tập một** | **Tập hai** |
| VB nghị luận | - Để tài tập trung vào vẻ đẹp của các VB đọc hiểu đã học  - Nghị luận văn học | - Đề tài tập trung vào lòng yêu nước, tự hào dân tộc.  - Nghị luận xã hội |
| VB thông tin | Để tài tập trung vào các nét đẹp văn hóa truyện thống dân tộc | Để tài tập trung vào các vấn đề thiết thực trong xã hội. |

**Hoạt động 2: Ôn tập kĩ năng viết**

**a. Mục tiêu:** Ôn tập kĩ năng viết

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS ôn tập kĩ năng viết thông qua giải quyết câu 5 đến câu 8 trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành câu 6 đến câu 8 trong SGK.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Nhệm vụ 1: C6 SGK/97**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thảo luận theo nhóm: *Hoàn thành bẩng thống kê tên và yêu cầu của các kiểu văn bản đã luyện viết trong sách Ngữ văn 7, tập hai*.

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên kiểu VB** | **Yêu cầu cụ thể** |
| …….. | ……………………………………. |
| …….. | …………………………………….. |

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo nhóm và hoàn thành bảng thống kê theo yêu cầu GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS mỗi nhóm trình bày bảng trước lớp, HS còn lại nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, tổng hợp kết quả của cả hai câu vào bảng thống kê chung

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên kiểu VB** | **Yêu cầu cụ thể** |
| Nghị luận | Viết được bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống |
| Phân tích | Viết được bài văn phân tích đặc điểm nhận vật |
| Biểu cảm | Viết được đoạn văn ghi lại cảm xuc sau khi đọc một bài thơ |
| Viết được bài văn biểu cảm về một con người hoặc sự việc |
| Tường trình | Viết được bản tường trình |
| Tự sự | Viết được một văn bản tóm tắt theo yêu cầu độ dài khác nhau |

**Nhệm vụ 2: C7-8 SGK/97**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân:

+ Câu 7: *Nêu và phân tích một số ví dụ cụ thể để thấy mối quan hệ giữa các nội dung đọc hiểu và yêu cầu viết trong các bài ở sách Ngữ văn 7, tập hai.*

*+* Câu 8: *Nêu và phân tích một bài cụ thể về quy trình viết bốn bước được thể hiện trong sách Ngữ văn 7, tập hai.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ và hoàn thành yêu cầu bài tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS trình bày bài làm trước lớp, HS còn lại nghe và nhận xét.

***Dự kiến sán phẩm:***

*+ Câu 7:* Theo yêu cầu tích hợp nên các bài và các phần trong bài có quan hệ đến nhau. Nội dung đọc hiểu sẽ làm đề tài và nội dung cho phần viết và nói – nghe. Ví dụ với Bài 8. *Nghị luận xã hội*, phần *Đọc hiểu văn bản* tập trung vào các nội dung bàn về lòng yêu nước và đức tính giản dị, thì đến phần *Viết* yêu cầu viết bài văn nghị luận về một vấn đề xã hội với đề: Viết bài văn trả lời cho câu hỏi*: “Thế nào là lối sống giản dị?”.* Tiếp đến phần *Nói và nghe* lại lấy chính nội dung của phần Viết để trình bày: Thảo luận nhóm về vấn đề: *“Thế nào là lối sống giản dị?”.*

*+ Câu 8:* tương tự như câu 7. Tất cả phần *Viết* trong các bài của *Ngữ văn 7* đều được hướng dẫn thực hiện theo quy trình viết bốn bước. Vì thế, lấy ví dụ bài nào cũng được.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá nhiệm vụ và kết luận.

**Hoạt động 3: Ôn tập kĩ năng nói và nghe**

**a. Mục tiêu:** Ôn tập kĩ năng nói và nghe

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS ôn tập kĩ năng nói và nghe thông qua giải quyết câu 9 trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành câu 9 trong SGK.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp: *Nêu các nội dung chính được rèn luyện về kĩ năng nói và nghe ở sách Ngữ văn 7, tập hai. Các nội dung nói và nghe liên quan gì đến nội dung đọc hiểu và viết?*

- GV gợi ý ho HS xem lại *Bài Mở đầu* (*Ngữ văn 7*, tập 1) là có thể trả lời được.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời đại diện HS mỗi nhóm trình bày bài làm trước lớp, HS còn lại nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, tổng hợp bài làm và thống nhất đáp án:

+ Các nội dung chính được rèn luyện về kĩ năng nói và nghe:

* *Kể lại một truyện ngụ ngôn*
* *Trao đổi về một vấn đề*
* *Thảo luận về một vấn đề trong đời sống*
* *Nghe và tóm tắt ý chính của bài nói*

+ Các nội dung nói và nghe có liên quan mật thiết nhằm bổ sung, hỗ trợ cho việc đọc hiểu và viết.

**Hoạt động 4: Ôn tập kĩ năng thực hành tiếng việt**

**a. Mục tiêu:** Ôn tập kĩ năng thực hành tiếng việt

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS ôn tập kĩ năng thực hành tiếng việt thông qua giải quyết câu 10 trong SGK.

**c. Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành câu 10 trong SGK.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân: *Nêu các nội dung tiếng Việt được học thành mục riêng trong sách Ngữ văn 7, tập hai.*

- GV gợi ý ho HS xem lại mục lục sách *Ngữ văn 7*, tập hai là có thể trả lời được.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS xem lại và trả lời câu hỏi của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS xung phong trình bày bài làm trước lớp, HS còn lại nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, tổng hợp bài làm và thống nhất đáp án:

*+ Nói quá, nói giảm – nói tránh*

*+ Dấu chấm lửng*

*+ Từ Hán Việt*

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Định hướng cho HS tự đánh giá cuối học kì II bằng cách làm các bài tập trong SGK tr.98-100.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS hoàn thành phần tự đánh giá cuối học kì II trong SGK tr.98-100.

**c. Sản phẩm học tập:** HS hoàn thành phần Tự đánh giá cuối học kì II.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu định hướng đánh giá cho HS:

+ Nội dung: *Đánh giá năng lực vận dụng các kiến thức tiếng Việt và văn học đã học vào việc đọc hiểu và viết văn bản. Các kiến thức và kĩ năng đã học được yêu cầu vận dụng vào tình huống mới, với ngữ liệu mới tương tự các ngữ liệu đã học cả về nội dung, hình thức và độ khó: khuyến khích sự sáng tạo của các em trong ý tưởng và cách thể hiện, trình bày.*

+ Hình thức:

1. *Đọc hiểu một văn bản mới có thể loại hoặc kiểu văn bản như các văn bản đã học (văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin). Câu hỏi đọc hiểu kết hợp cả trắc nghiệm khách quan và viết câu trả lời ngắn. Các câu hỏi tập trung kiểm tra sự vận dụng kiến thức văn học và tiếng Việt đã học trong học kì I.*
2. *Viết một đoạn hoặc bài văn ngắn với hình thức như các kiểu văn bản đã được học gồm: tự sự, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh.*

- GV tổ chức cho HS hoàn thành phần tự đánh giá cuối học kì II trong SGK tr.98-100.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS hoàn thành lần lượt yêu cầu trong phần tự đánh giá cuối học kì II..

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV tổ chức cho HS tự do trình bày bài làm của mình, yêu cầu cả lớp tham gia thảo luận, trao đổi.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và kết luận.

**TIẾT 126+127: KIỂM TRA ĐÁNG GIÁ CUỐI NĂM**

**( KIỂM TRA THEO ĐỀ CHUNG CỦA PGD)**

**THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

## TIẾT 134-135: VĂN BẢN 3. PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN CỦA CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VIỆT NAM NGÀY XƯA

(Trần Bình)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin theo nhóm đối tượng; nhận biết và hiểu được tác dụng của tài liệu tham khảo trong văn bản.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- *Năng lực văn học*: Nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin theo nhóm đối tượng được phân loại.

- *Năng lực ngôn ngữ:* Nhận biết và hiểu được tác dụng của tài liệu tham khảo trong văn bản.

**3. Phẩm chất:**

- HS thích tìm hiểu, khám phá các phương tiện vận chuyển, đi lại và tôn trọng các quy định về an toàn giao thông.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Tranh ảnh và thông tin liên quan đến nội dung bài học;

- Máy tính, máy chiếu, video clip;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa.*

**b. Nội dung:** GV đặt câu hỏi gợi mở cho HS.

**c. Sản phẩm:** Chia sẻ và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu câu hỏi gợi mở cho HS:

*+ Em biết những dân tộc thiểu số nào trên đất nước ta?*

*+ Người dân của các dân tộc đó sử dụng phương tiện nào để vận chuyển?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ và liên hệ theo yêu cầu của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS trình bày câu trả lời trước lớp:

- GV mời số HS chia sẻ câu trả lời cho câu hỏi gợi mở trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS có chia sẻ hay và thú vị.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Có bao giờ chúng ta tò mò và thắc mắc về phương tiện đi lại của các dân tộc thiếu số Việt Nam ngày xưa không? Ở hai bài văn bản trước, chúng ta đã được làm quen vởi rất nhiều phương tiện giao thông khác nhau. Trong bài học thực hành đọc hiểu ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng đi tìm hiểu về một số phương tiện di chuyển và vận chuyển được sử dụng bởi các dân tộc thiểu số ngày xưa trong bài* ***Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam*** *ngày xưa nhé!*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và kiểm tra việc đọc của HS**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đọc VB thông tin, nhận biết được cách triển khai ý tưởng và thông tin theo nhóm đối tượng và kể tên được các phương tiện trong VB *Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày nay*.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS Đọc văn bản và tìm hiểu các phương tiện được nói đến trong VB

**c. Sản phẩm học tập:** HS đọc văn bản, kể tên các phương tiện được nói đến trong VB *Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày nay.*

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS dựa vào các nội dung nêu ở cột bên phải VB để kiểm tra việc đọc ở nhà của HS.  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp: *tìm hiểu thêm về các phương tiện được nói đến trong VB.*  *-* GV đặt câu hỏi cho HS: *Tác giả đã triển khai thông tin theo cách nào? Tác dụng của cách thức triển khai ấy.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc bài và thực hiện theo yêu cầu GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2-3 HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **I. Đọc và tìm hiểu chung**  - *Xuất xứ:* Theo TRẦN BÌNH, dlib.huc.edu.vn  - Tác giả triển khai ý tưởng và thông tin theo nhóm đối tượng, giúp người đọc hình dung số lượng thông tin được đề cập đến trong văn bản và thứ tự của các thông tin đó:  *+ Phương tiện vận chuyển của các dân tộc miền núi phía Bắc.*  *+ Phương tiện vận chuyển của các dân tộc ở Tây Nguyên.*  - Các phương tiện được nói đến trong văn bản là: *thuyền, bè, mảng, thuyền độc mộc đuôi én, xe quệt trâu kéo, ngựa, sức voi, thuyền độc mộc của người dân Tây Nguyên,…* |

**Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được đặc điểm về nội dung VB, nhận biết và hiểu được tác dụng của tài liệu tham khảo trong VB *Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày nay*.

**b. Nội dung:** GV linh hoạt hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi, thực hiện các nhiệm vụ trong SGK để tìm hiểu văn bản.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS và kiến thức HS tiếp thu được liên quan đến bài học *Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày nay*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung của VB**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV nêu câu hỏi lớn cho HS thảo luận theo nhóm:  *+ Có những phương tiện vận chuyển nào được các dân tộc thiểu số ở Việt Nam thế kỉ X – XVIII sử dụng?*  *+ Các phương tiện đó có đặc điểm gì?*  *+ Vì sao chúng được sử dụng?*  - GV hướng dẫn HS lần lượt trả lời câu hỏi ở cột bên phải VB để tìm hiểu câu hỏi lớn:  + Đọc mục 1 và *kể tên các phương tiện vận chuyển được nhắc đến. Mỗi phương tiện gắn với những dân tộc nào? Chỉ ra sự phù hợp của các phương tiện vận chuyển đối với đặc điểm của những dân tộc được nhắc đến trong VB.*  + Đọc mục 2 và cho biết *người Tây Nguyên sử dụng các phương tiện vận chuyển nào?*  - Sau đó, GV cho HS thảo luận về ý nghĩa của các phương tiện vận chuyển đó.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS đại diện lên trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **II. Đọc hiểu văn bản**  ***1. Nội dung của văn bản***  ***a) Phương tiện vạn chuyển của các dân tộc miền núi phía Bắc***  - Thuyền: cư dân sống ven sông Đà, sông Mã, sông Lam gồm người Kháng, người La Ha, người Mảng, người Thái, người Cống.  - Bè, mảng: cư dân miền núi phía Bắc  **-** Thuyền đuổi én: người dân sống ven sông Đà gồm người Thái, người Kháng, người La Ha.  - Thuyền độc mộc đuôi én: người Kháng ở ven sông Đà.  - Xe quệt trâu kéo: người Sán Dìu.  - Ngựa: cư dân sống ở cao nguyên núi đá Hà Giang, vùng cao thuộc dãy Phan Xi Păng gồm người Mông.  ***b) Phương tiện vận chuyển của các dân tộc ở Tây Nguyên***  - Hiếm khi dùng trâu làm sức kéo, ngược lại, họ dùng sức voi, ngựa vào việc vận chuyển:  + Voi: người Gia-rai, Ê-đê, Mnông,...  + Thuyền độc mộc: cư dân dùng để đi lại trên sông.  🡺 Các phương tiện trên phù hợp với địa bàn sinh sống và những hoạt động chính của người dân địa phương.  ***c) Ý nghĩa của các phương tiện vận chuyển***  - Thể hiện sự phát triển về trí tuệ họ đã biết sử dụng các phương tiện vận chuyển để giảm sức lao động của con người.  - Thể hiện sự phát triển, tiến bộ của nền văn minh nhân loại. |
| **Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu hình thức của VB**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS chú ý vào tải liệu tham khảo ở cuối bài và đặt câu hỏi: *Nêu tác dụng của việc trích dẫn và đưa tên các tài liệu tham khảo vào VB.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài HS trả lời câu hỏi trước lớp, yêu cầu HS khác lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng | ***2. Hình thức của văn bản***  - Việc đưa tài liệu tham khảo vào văn bản và trích dẫn các tài liệu đó cho thấy bài viết là kết quả của sự nghiên cứu công phu và khoa học.  - Qua đó, người đọc có thể hiểu rõ hơn vấn đề và có cơ sở đọc thêm tài liệu mở rộng nếu muốn tìm hiểu kĩ hơn. |
| **Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung và nghệ thuật**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Sau khi hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi thực hiện các nhiệm vụ*,* GV yêu cầu HS: *Nêu khái quát giá trị nổi bật đáng ghi nhớ của văn bản về nội dung và nghệ thuật..*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận, suy nghĩ tổng kết bài học.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS phát biểu trước lớp, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ, chốt kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **III. Tổng kết**  ***1. Nội dung***  Văn bản cung cấp thông tin về phương tiện vận chuyển của các dân tộc miền núi ở phía Bắc và Tây Nguyên.  ***2. Nghệ thuật***  - Trình bày nội dung logic, cô động, dễ hiểu và cung cấp đầy đủ thông tin.  - Ngôn ngữ phổ thông và trong sáng. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về văn bản *Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày nay* đã học.

**b. Nội dung:** GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ tư duy tóm tắt các thông tin chính mà VB cung cấp.

**c. Sản phẩm học tập:** Sơ đồ tư duy HS vẽ.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu cho HS: *Văn bản Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày nay cung cấp những thông tin chính nào? Tóm tắt các thông tin đó bằng một sơ đồ tư duy.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

**-** HS lắng nghe yêu cầu và suy nghĩ vẽ sơ đồ tư duy vào vở.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS trình bày sơ đồ tư duy đã hoàn thành trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và chiếu sơ đồ tư duy cho HS tham khảo

Thuyền, bè, mảng

Dân tộc miền núi phía Bắc

Xe quệt trâu kéo

Ngựa

Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số ngày xưa

Voi, ngựa

Dân tộc ở Tây Nguyên

Thuyền độc mộc

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về bài *Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày nay* để liên hệ với thực tiễn giải bài tập.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học về các phương tiện vận chuyển được các dân tộc thiểu số ở Việt Nam sử dụng trong cuộc sống hiện nay để chỉ ra sự thay đổi về việc sử dụng các phương tiện vận chuyển ở những dân tộc thiểu số này và lí giải nguyên nhân của sự thay đổi đó.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV nêu yêu cầu HS: *Tìm hiểu thêm về các phương tiện vận chuyển được các dân tộc thiểu số ở Việt Nam sử dụng trong cuộc sống hiện nay. Chỉ ra những sự thay đổi về việc sử dụng các phương tiện vận chuyển ở những dân tộc thiểu số này (nếu có) và lí giải nguyên nhân của sự thay đổi đỏ.*

- GV hướng dẫn HS thảo luận trả lời bằng vài ý sau:

*+ Hiện nay, các dân tộc thiểu số đã bắt đầu sử dụng các phương tiện có gắn động cơ như xe máy tư chế, xe thô, xe kéo hoặc xuồng máy. Những phương tiện đó giúp việc vận chuyển diễn ra nhanh hơn, nhẹ nhàng hơn và tăng hiệu suất lao động.*

*+ Nguyên nhân của việc thay đổi là do khoa học kỹ thuật ngày càng phát triển, nhân dân các vùng sâu xa cũng được hỗ trợ và cập nhật về máy móc kỹ thuật,...*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu và suy nghĩ để trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS xung phong trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, đánh giá nhiệm vụ, tuyên dương những HS có câu trả lời hay và thú vị.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Ôn tập lại bài *Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày nay*

+ Đọc trước ở nhà bài ***Tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài***

**VIẾT**

## TIẾT 137: TÓM TẮT VĂN BẢN THEO YÊU CẦU KHÁC NHAU VỀ ĐỘ DÀI

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS biết tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài.

**2. Năng lực.**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài.

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng viết đoạn văn.

**3. Phẩm chất:**

- Nghiêm túc trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học*Tóm tắt văn bản khác nhau về độ dài.*

**b. Nội dung:** GV chiếu cho HS xem đoạn văn và trả lời các câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV chiếu cho HS quan sát một đoạn văn ngắn và yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ phía dưới:

Ngày xưa, các dân tộc miền núi phía Bắc di chuyển bằng cách đi bộ là chủ yếu. Một số dân tộc ven sông Đà và sông Mã đã biết chế tạo và sử dụng thuyền trong vận chuyển. Người Sán Dìu thì dùng xe quệt trâu kéo. Những dân tộc như Mông, Hà Nhỉ, Dao,… thường dùng sức ngựa để vận chuyển. Phương tiện vận chuyển của người Tây Nguyên có chút khác biệt. Họ dùng sức voi và sức ngựa ở đường bộ, còn các làng ven sông suối lớn thì sử dụng thuyền độc mộc.

1. *Đoạn văn trên đã tóm tắt nội dung của văn bản nào em đã học?*
2. *Em có nhận xét gì về dung lượng độ dài của đoạn văn.*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS đọc đoạn văn và thực hiện nhiệm vụ học tập.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và bổ sung

***Dự kiến sản phẩm:***

1. *Đoạn văn trên đã tóm tắt nội dung của văn bản Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa*
2. *Đoạn văn chỉ gồm 6 câu dài và ngắn đan xen, những đã diễn đạt được đầy đủ nội dung chính và thông tin của văn bản cung cấp.*

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã trả lời đúng.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Có thế thấy, tóm tắt văn bản là một thao tác vô cùng cần thiết đối với những văn bản dài và chứa nhiều thông tin. Vậy tóm tắt văn bản như nào cho vừa ngắn gọn, cô đọng, nhưng cũng vừa diễn đạt đầy đủ nội dung và thông tin văn bản chính cung cấp, thì chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm hiểu về kiểu bài và thực hành* ***Tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài*** *trong bài học hôm nay nhé!*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Định hướng**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những định hướng khi viết bài tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS đọc và ghi nhớ định hướng khi viết bài tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc phần *Định hướng* trong SGK, trang 46 SGK và nêu ý kiến về hai yêu cầu:  *+ Nêu cách hiểu về kiểu bài tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài.*  *+ Để viết bài tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài, HS cần phải làm gì?*  - GV yêu cầu HS chú ý các ví dụ để khắc sâu hơn nội dung kiến thức về kiểu bài.  - GV khuyến khích HS nêu ra những thắc mắc và GV giải đáp.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc, ghi chép vào vở và thảo luận trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài đại diện HS trả lời câu hỏi trước cả lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **1. Định hướng viết bài tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài**  ***a) Khái niệm***  - Tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài là chuyển nội dung vân bản gốc thành các bản tóm tắt có độ dài khác nhau.  - Yêu cầu tóm tắt càng ngắn thì bản tóm tắt càng cô đúc.  - Dù tóm tắt theo yêu cầu nào thì băn tóm tắt cũng phải phản ánh đúng nội dung của văn bản gốc.  ***b) Lưu ý***  - Đọc kĩ văn bản cần tóm tắt  - Ghi lại các ý chính theo hệ thống:  + Ý lớn (thường nêu khái quát ở phần mở đầu hoặc tên các tiểu mục)  + Ý nhỏ (triển khai ý lớn)  + Các bằng chứng, ví dụ minh họa,...  - Tùy theo yêu cầu tóm tắt (dài, ngắn bao nhiêu) để lựa chọn, sắp xếp các ý và lời văn của bản tóm tắt.  🡺 Tác dụng: giúp các em nắm bắt nội dung chính của một văn bản khi đọc và rèn luyện kĩ năng tìm ý, lập dàn ý khi thực hành viết bài văn. |

**Hoạt động 2: Chuẩn bị trước khi viết**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các kĩ năng viết bài tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS áp dụng viết bài tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - ***GV nêu yêu cầu bài:*** *Tóm tắt văn bản “Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa” theo hai yêu cầu 5-6 dòng và 10-12 dòng.*  - GV hướng dẫn HS chuẩn bị trước khi viết theo các bước:  ***\* Chuẩn bị***  - GV hướng dẫn HS:  *+ Đọc kĩ lại văn bản Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa.*  *+ Xem lại cách tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài ở múc Định hướng.*  *+ Dự kiến cách trình bày văn bản.*  ***\* Tìm ý và lập dàn ý***  ***- Tìm ý:***  GV hướng dẫn HS huy động tối đa các ý tưởng để tìm ý cho bài viết bằng cách đặt và trả lời các câu hỏi sau:  *+ Bố cục đoạn văn có mầy phần?*  *+ Mỗi phần của đoạn vằ nêu những nội dung gì?*  *+ Chọn nội dung gì để phù hợp với độ dài của đoạn văn?*  ***- Lập dàn ý***  GV hướng dẫn HS sắp xếp các câu trả lời theo trật tự hợp lí để hoàn thành dàn ý với ba phần như gợi ý trong SGK trang 87: *Mở đoạn, Thân đoạn, Kết đoạn*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe yêu cầu, thực hiện theo các bước để chuẩn bị thực hành viết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS báo cáo kết quả thực hiện.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | **2. Trước khi viết**  \* Tìm hiểu đề.  \* Tìm ý.  \* Lập dàn ý:  a) *Mở đoạn*: Nêu nội dung chính của VB *Phương tiện vận chuyển của các dân tộc thiểu số Việt Nam ngày xưa.*  b) *Thân đoạn*:  - Phương tiện vận chuyển của các dân tộc miền núi phía Bắc:  + Di chuyển bằng cách đi bộ là chính  + Một số tộc người sinh sống ở ven sông Đà, sông Mã,… sử dụng thuyền vận chuyển.  + Người Sán Dìu dùng xe quệt trâu kéo để vận chuyển.  + Người Mông, Hà Nhì, Dao,… thường dùng sức ngựa để vận chuyển.  - Phương tiện vận chuyển của các dân tộc ở Tây Nguyên:  + Người Tây Nguyên dùng sức voi, sức ngựa,… vào việc vận chuyển.  + Các buồn, làng ở ven sông suối lớn sử dụng thuyền độc mộc.  c) *Kết đoạn*: Nêu tên các tài liệu tham khảo của văn bản. |

**Hoạt động 3: Thực hành trong khi viết**

**a. Mục tiêu:** Viết được bài tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học viết bài tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV tổ chức cho HS viết bản tóm tắt theo yêu cầu khác nhau về độ dài dựa vào dàn ý đã lập:  *+ Nếu viết khoảng 5 – 6 dòng:* chỉ nêu các ý lớn.  *+ Nếu viết khoảng 10 – 12 dòng:* từ các ý lớn đã nêu, bổ sung thêm các ý nhỏ hoặc các bằng chứng cụ thể lấy từ trong bài học.  - GV lưu ý HS:  + *Nội dung tóm tắt:* bám sát với bản gốc.  + *Hình thức tóm tắt:* đúng yêu cầu về độ dài bản tóm tắt.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe yêu cầu để thực hành viết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS báo cáo kết quả thực hiện.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **3. Trong khi viết**  - Viết bài tóm tắt văn bản theo yêu cầu khác nhau về độ dài. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để thực hành kiểm tra và chỉnh sửa, hoàn thiện đoạn văn.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS tự kiểm tra, chỉnh sủa đoạn văn của mình.

**c. Sản phẩm học tập:** HS chỉnh sửa, hoàn thiện đoạn văn.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS kiểm tra và chỉnh sửa đoạn văn của mình theo các bước:  \* Đọc lại bản tóm tắt đã làm.  \* Đối chiếu nội dung với mục Định hướng và dàn ý ở trên để tự phát hiện và tím các sửa các lỗi về viết như:  *+* Lỗi về ý: *thiếu ý (ý sơ sài, chưa nêu hết được những điều cần viết); ý lộn xộn (các ý không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí); lạc ý (nêu các ý không liên quan đến nội dung bài yêu cầu); ý tản mạn (nêu các ý không tập trung vào nội dung chính của bài viết).*  + Lỗi về diễn đạt (dùng tư, viết câu), chính tả.  - GV có thể thu bài của HS để chấm lấy điểm đánh giá thường xuyên.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe hướng dẫn để kiểm tra và chỉnh sửa đoạn văn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV gọi HS báo cáo kết quả thực hiện.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **4. Sau khi viết**  - Kiểm tra và chỉnh sửa bài văn của mình. |

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Xem lại nội dung bài học.

+ Đọc trước ở nhà bài ***Viết bản tường trình*** trang 88.

**VIẾT**

## TIẾT 138: VIÊT BẢN TƯỜNG TRÌNH

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS viết được văn bản tường trình.

**2. Năng lực.**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành bài viết bản tường trình.

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng viết bản tường trình.

**3. Phẩm chất:**

- Nghiêm túc trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học*Viết bản tường trình.*

**b. Nội dung:** GV đặt câu hỏi gợi mở cho HS.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt câu hỏi cho HS: *Em đã biết và được học những văn bản hành chính nào?*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS suy nghĩ, chia sẻ câu trả lời.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời một vài HS trình bày câu trả lời trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và bổ sung.

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi các HS đã trả lời đúng.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong cuộc sống hằng ngày, chúng ta bắt gặp một số tình huống, sự việc đã xảy ra gây hậu quả, những người có thẩm quyền giải quyết có cơ sở đánh giá và xử lí. Người thực hiện và chứng kiến sự việc cần làm tường trình. Trong bài học hôm nay, chúng ta sẽ cùng học cách* ***Viết bản tường trình.***

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Định hướng**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những định hướng khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS đọc và ghi nhớ định hướng khi viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc phần *Kiến thức ngữ văn* trang 76 và *Định hướng* trong SGK, trang 88 SGK và nêu ý kiến về yêu cầu:  *+ Khái niệm văn bản tường trình.*  *+ Người viết và người nhận bản tường trình*  *+ Bố cục của một bản tường trình.*  *+ Quy trình viết một bản tường trình*  *-* GV phát phiếu học tập cho HS điền về những kiến thức cơ bản về một bản tường trình.   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập**  ***Nêu những kiến thức cơ bản về văn bản tường trình:***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Khái niệm* | |  | | *Đối tượng* | Ngưới viết |  | | Người nhận | | *Bố cục* | Mở đầu |  | | Nội dung | | Kết thúc | | *Quy trình* |  |  | |   - GV yêu cầu HS tham khảo mẫu văn bản tường trình trong SGK trang 89.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc, ghi chép vào vở và thảo luận trả lời hoàn thành phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài đại diện HS trình bày phiếu học tập đã hoàn thành trước cả lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức và tổng hợp vào phiếu học tập: | **1. Định hướng viết bản tường trình** |
| |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Phiếu học tập**  ***Nêu những kiến thức cơ bản về văn bản tường trình:***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | *Khái niệm* | | Tường trình là loại văn bản trình bày, báo cáo lại đầy đủ, rõ ràng về một vấn đề hoặc sự việc nào đó. | | *Đối tượng* | Người viết | Là người chứng kiến hoặc có liên quan đến sự việc | | Người nhận | Là cá nhân hoặc cơ quan có thẩm quyền xem xét và giải quyết. | | *Bố cục* | Mở đầu | - Quốc hiệu, tiêu ngữ (ghi chính giữa).  - Địa điểm, thời gian làm tường trình (ghi vào góc bên phải).  - Tên văn bản (ghi chính giữa).  - Người học cơ quan nhận bản tường trình.  - Họ tên, ngày tháng năm sinh, quê quán, nơi ở hiện nay và công việc chính của người viết tường trình. | | Nội dung | - Trình bày thời gian, địa điểm xảy ra sự việc.  - Nêu trình tự, diễn biến vấn đề, sự việc  - Nguyên nhân dẫn đến sự việc và sự liên quan, mức độ trách nhiệm của người viết tường trình với vấn đề, sự việc ấy. | | Kết thúc | Lời đề nghị hoặc cam đoan, chữ kí và họ tên của người viết tường trình. | | *Quy trình* | 1 | Xác định nội dung của bản tường trình thể hiện nội dung đó ở dòng bên dưới tên của văn bản (Về việc:...) | | 2 | - Thu thập thông tin liên quan đến vấn đề, sự việc.  - Xác định mức độ liên quan, trách nhiệm của bản thân đối với vấn đề, sự việc. | | 3 | Tiến hành viết bản tường trình theo mẫu. | | 4 | Đọc, rà soát và chỉnh sửa bản tường trình (nếu cần). | | | |

**Hoạt động 2: Chuẩn bị trước khi viết**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các kĩ năng viết bản tường trình.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến bài học.

**c. Sản phẩm học tập:** HS áp dụng viết bản tường trình.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS chọn một trong hai yêu cầu sau để làm bài:

*+ Cho sự việc sau: Em và một bạn trong lớp có xe đạp giống nhau. Một hôm, tan học, em vội về nên lấy nhầm xe của bạn. Bạn ấy ra về không thấy xa nên đã bảo bác bảo vệ về việc bị mất xe. Sau khi tìm hiểu, bác bảo vệ đã biết em lấy nhầm xe của bạn và yêu cầu em viết tường trình. Em hãy viết bản tường trình gửi cho phòng bảo vệ của trường.*

*+ Tự chọn một sự việc cụ thể để viết bản tường trình.*

- GV hướng dẫn HS chuẩn bị trước khi viết theo các bước:

*+ Xác định sự việc cần viết tường trình.*

*+ Thu thập thông tin liên quan đến sự việc ấy, xác định mức độ liên quan, trách nhiệm của bản thân đối với sự việc (là người tham gia hay chứng kiến).*

*+ Xem trước mẫu của một bản tường trình*

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu, thực hiện theo các bước để chuẩn bị thực hành viết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi HS báo cáo kết quả thực hiện.

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**Hoạt động 3: Thực hành trong khi viết**

**a. Mục tiêu:** Viết được bản tường trình.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học viết bản tường trình theo đề tài đã lựa chọn.

**c. Sản phẩm học tập:** Bản tường trình HS viết được.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS viết bản tường trình theo mẫu và sự chuẩn bị của mình.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe yêu cầu để thực hành viết.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi HS báo cáo kết quả thực hiện.

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để thực hành kiểm tra và chỉnh sửa, hoàn thiện bản tường trình.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS tự kiểm tra, chỉnh sủa bản tường trình của mình.

**c. Sản phẩm học tập:** HS chỉnh sửa, hoàn thiện bản tường trình.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV hướng dẫn HS kiểm tra và chỉnh sửa đoạn văn của mình theo các bước:

\* Đọc lại bản tường trình đã viết.

\* Đối chiếu nội dung với mục *Định hướng* và dàn ý ở trên để tự phát hiện và tím các sửa các lỗi về viết như:

*+* Lỗi về ý: *thiếu ý (ý sơ sài, chưa nêu hết được những điều cần viết); ý lộn xộn (các ý không được sắp xếp theo một trình tự hợp lí); lạc ý (nêu các ý không liên quan đến nội dung bài yêu cầu); ý tản mạn (nêu các ý không tập trung vào nội dung chính của bài viết).*

+ Lỗi về diễn đạt (dùng tư, viết câu), chính tả.

- GV có thể thu bài của HS để chấm lấy điểm đánh giá thường xuyên

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe hướng dẫn để kiểm tra và chỉnh sửa bản tường trình.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV gọi HS báo cáo kết quả thực hiện.

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Xem lại nội dung bài học.

+ Đọc trước ở nhà bài ***Nghe và tóm tắt ý chính của bài nói*** trang 90

**NÓI VÀ NGHE**

## TIẾT 139: NGHE VÀ TÓM TẮT Ý CHÍNH CỦA BÀI NÓI

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS biết nghe và tóm tắt ý chính của bài nói.

**2. Năng lực**

**a. Năng lực chung**

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực trình bày.

**b. Năng lực riêng biệt**

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến bài học.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập nghe và tóm tắt ý chính của bài nói.

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng nghe và tóm tắt ý chính của bài nói.

**3. Phẩm chất:**

- HS tham gia tích cực vào nội dung bài học.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án;

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi;

- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp;

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà;

**2. Chuẩn bị của học sinh:** SGK, SBT Ngữ văn 7, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập học tập của mình từ đó khắc sâu kiến thức nội dung bài học *Nghe và tóm tắt ý chính của bài nói.*

**b. Nội dung:** GV kiểm tra phần chuẩn bị bài nói của HS.

**c. Sản phẩm:** Phần chuẩn bị của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS dành ra khoảng 5 phút để tự rà soát lại nội dung bài nói đã chuẩn bị ở nhà, yêu cầu HS xếp vị trí quây thành các nhóm nhỏ để cùng tham gia trao đổi.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS nghe GV nêu yêu cầu, hoàn thành bài tập để trình bày trước lớp.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe, nhận xét..

**Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- GV nhận xét, khen ngợi HS đã chia sẻ.

- Từ chia sể của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Chúng ta đã được học cách tóm tắt văn bản theo yêu cầu về độc dài khác nhau ở tiết thực hành kĩ năng viết giờ trước. Trong bài thực hành nói và nghe ngày hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau thực hành kĩ năng* ***nghe và tóm tắt ý chính của bài nói*** *nhé!*

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Định hướng**

**a. Mục tiêu:** HS nắm được cách xây dựng bài nói đạt yêu cầu.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kết hợp hướng dẫn của GV để chuẩn bị bài nói.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói đã được chuẩn bị trước ở nhà.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc trước mục *Định hướng* ở nhà, ghi lại những thắc mắc về nội dung đã học để trao đổi với các bạn.  - GV tổ chức cho HS trao đổi, thảo luận để chốt lại cách nghe và tóm tắt ý chính của bài nói.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc và ghi lại những thắc mắc để trao đổi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện HS trình bày trước lớp, cả lớp lắng nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức 🡺 Ghi lên bảng. | ***a) Khái niệm***  - Khi nghe người khác trình bày, để nắm được nội dung thông tin, cần biết tóm tắt ý chính của bài nói.  - Bản tóm tắt một bài nói có độ dài khác nhau, nhưng cần nêu lại được những ý chính của bài nói.    ***b) Lưu ý***  - Tập trung nghe nội dung của bài nói  - Ghi lại các ý chính của bài nói theo hệ thống: ý lớn, ý nhỏ, các bằng chứng hay ví dụ minh họa,...  - Tùy theo yêu cầu về độ dài của bài tóm tắt để lựa chọn các ý chính của bài nói và trình bày bản tóm tắt cho phù hợp. |

**Hoạt động 2: Chuẩn bị trước khi nói và nghe**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS thảo luận, trình bày trong nhóm và trước lớp.

**c. Sản phẩm học tập:** HS trình bày, thảo luận sôi nổi, tích cực

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- ***GV nêu yêu cầu bài:*** *Nghe bạn thuyết trình về nội dung văn bản “Ghe xuồng Nam Bộ” đã học và ghi lại các ý chính của bài thuyết trình đó.*

- GV hướng dẫn HS làm việc theo nhóm với các mục gợi ý như trong SGK:

+ Xem lại văn bản *Ghe xuồng Nam Bộ* trong phần Đọc hiểu văn bản.

+ Chú ý các hướng dẫn trong mục *Định hướng* để nắm được cách tóm tắt ý chính khi nghe.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS chuẩn bị trước khi nói theo các bước.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV tổ chức cho các nhóm HS cùng trao đổi, thảo luận kết quả làm việc với nhau trong nhóm.

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**Hoạt động 3: Thực hành nghe và ghi lại cac ý chính**

**a. Mục tiêu:** Thực hành nghe và ghi lại các ý chính.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS sử dụng kiến thức để thực hành nghe và ghi lại các ý chính.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài nói của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV hướng dẫn HS:

+ Tập trung nghe bài thuyết trình về nội dung văn bản Ghe xuồng Nam Bộ.

+ Ghi lại các ý chính mà người nói đã trình bày dưới dạng dàn ý. Ví dụ:

* *Mờ đầu, người nói nêu ý gì?*
* *Nội dung chính mà người nói nêu lên về ghe xuồng Nam Bộ là gì?*
* *Kết thúc, người nói nêu nội dung gi?*

+ Nhận xét những ứu điểm, hạn chế về nội dung, cách thuyết trình và thái độ của người nói.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc theo nhóm theo gọi ý và hướng dẫn của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV tổ chức cho HS thảo luận, thực hành bài nghe và nói.

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để thực hành kiểm tra và chỉnh sửa, hoàn thiện bài nói – nghe.

**b. Nội dung:** GV hướng dẫn HS tự kiểm tra, chỉnh sủa bài nói – nghe của mình.

**c. Sản phẩm học tập:** HS chỉnh sửa, hoàn thiện bài nói – nghe.

**d. Tổ chức thực hiện:**

**Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**

- GV yêu cầu HS kiểm tra lại các nội dung chính đã nghe và ghi được:

*+ Nội dung thông tin nghe được đã đủ chưa? Điều gì cần hỏi lại người nói?*

*+ Nội dung ghi lại có theo một dàn ý rõ ràng không?*

*+ Đã ghi lại nhận xét về cách trình bày và thái độ của người nói chưa?*

- GV nhắc nhớ HS chú ý các lỗi khi nghe cần khắc phục.

**Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- HS làm việc theo nhóm theo gọi ý và hướng dẫn của GV.

**Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**

- GV tổ chức cho HS nhận xét bài nói của nhau, rút kinh nghiệm về cách nghe và tóm tắt ý chính của bài nói.

**Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**

- GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.

**\* Hướng dẫn về nhà**

- GV dặn dò HS:

+ Xem lại nội dung bài học.

+ Đọc trước ở nhà bài ***Ôn tập và tự đánh giá cuối học kì II.***

**TIẾT 140: TRẢ BÀI ĐÁNH GIÁ CUỐI NĂM**